



XÂY DỰNG HIỆN TẠI - VÙNG BỀN TƯƠNG LAI

Since
2010

HỒ SƠ NĂNG LỰC

Công ty TNHH Xây dựng & Công nghệ
Môi trường Thăng Long



Số 11- Ngách 28/ 10- Nguyễn Hồng-Đông Đa- Hà Nội



024.3569.0362



www.cet-thanglong.com





CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
THĂNG LONG

ĐT: 024.35690362 FAX : 024.35690362

ĐC : Số 11 - ngách 28/10 - ngõ 28 Nguyễn Hồng – Láng Hạ -
Đống Đa – Hà Nội

Website: www.cet-thanglong.com

LỜI MỞ ĐẦU

Công ty TNHH Xây dựng & Công nghệ môi trường Thăng Long (viết tắt là CET) được thành lập từ năm 2010, chuyên phục vụ các dịch vụ tư vấn, thực hiện các hồ sơ môi trường; thiết kế, thi công, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, khí thải và trạm quan trắc tự động. Đến nay, sau một thời gian nỗ lực phấn đấu không ngừng, CET đã trở thành đối tác quen thuộc và chiếm trọn sự tin tưởng của Quý khách hàng trên khắp mọi miền của đất nước. Có được điều này là do chúng tôi đã và đang làm việc dựa trên tiêu chí UY TÍN – CHẤT LƯỢNG – BỀN VỮNG cùng với tinh thần làm việc thân thiện, nhiệt huyết và trách nhiệm.

Tình trạng thực hiện chưa đúng, chưa đủ các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải vào môi trường luôn là vấn đề đã tồn tại nhiều năm về trước do chưa được quan tâm đúng mực gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường luôn là mối lo của toàn nhân loại. Do vậy, hiện nay, bảo vệ môi trường môi trường đã và đang là vấn đề được quan tâm hàng đầu của các cấp chính quyền trong công cuộc phát triển đất nước. Nhận thức được điều này, chúng tôi luôn trau dồi kiến thức chuyên môn, tìm tòi công nghệ mới phù hợp, hiệu quả nhất từ kinh nghiệm thực tế để không ngừng phát triển và cung cấp cho Quý khách hàng những dịch vụ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tốt nhất.

CET là một tập thể vững mạnh với đội ngũ nhân viên hơn 30 người là thạc sỹ, kỹ sư, cử nhân chuyên ngành về công nghệ môi trường, cấp thoát nước, xây dựng, kiến trúc được đào tạo chính quy và đã có kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Với nguồn lực (nhân lực và tài chính) ổn định, mục tiêu CET đã và đang hướng tới phát triển thêm một số dịch vụ vừa để tăng cường hợp tác, vừa hỗ trợ khách hàng, bao gồm: (i) bộ phận chăm sóc khách hàng với mong muốn tư vấn, nhắc nhở kịp thời việc thực hiện các quy định pháp lý về môi trường; (ii) rà soát, hướng dẫn doanh nghiệp sắp xếp, quản lý hồ sơ phục vụ công tác bảo vệ môi trường; (iii) hỗ trợ, đồng hành cùng khách hàng trong quá trình làm việc với cơ quan quản lý Nhà nước; (iv) quản lý môi trường, thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; (v) thẩm tra thiết kế hệ thống xử lý nước thải.

CET cam kết sẽ đem lại cho Quý khách hàng sự hài lòng, tin cậy nhất về chất lượng sản phẩm cũng như tư vấn dịch vụ.

Trân trọng cảm ơn và rất mong được hỗ trợ, hợp tác và phát triển cùng Quý khách hàng./.

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

A. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

I. TÊN DOANH NGHIỆP VÀ ĐỊA CHỈ

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Xây dựng & Công nghệ môi trường Thăng Long

Địa chỉ: Số 106, tổ 21, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Văn phòng đại diện: Số 11, ngách 28/10, ngõ 28 Nguyễn Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0243.569.0362

+ **Giám đốc:** Th.S Lê Tuấn Sơn;

Email: cet.thanglong@gmail.com;

SĐT: 098 9910083/ 093 4543966

+ **Phó Giám đốc:** Th.S Lê Vũ Linh Soa;

Email: soalinhlv@gmail.com;

SĐT: 089 6613385.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Giấy phép thành lập Công ty TNHH Xây dựng & Công nghệ môi trường Thăng Long số 0105007235 do Sở kế hoạch và đầu tư cấp ngày 30/11/2010; Đăng ký thay đổi lần 5 ngày 24/02/2020.

- Thời gian hoạt động: Từ 30/11/2010

- Phạm vi hoạt động: Trên toàn quốc

- Lĩnh vực hoạt động chính:

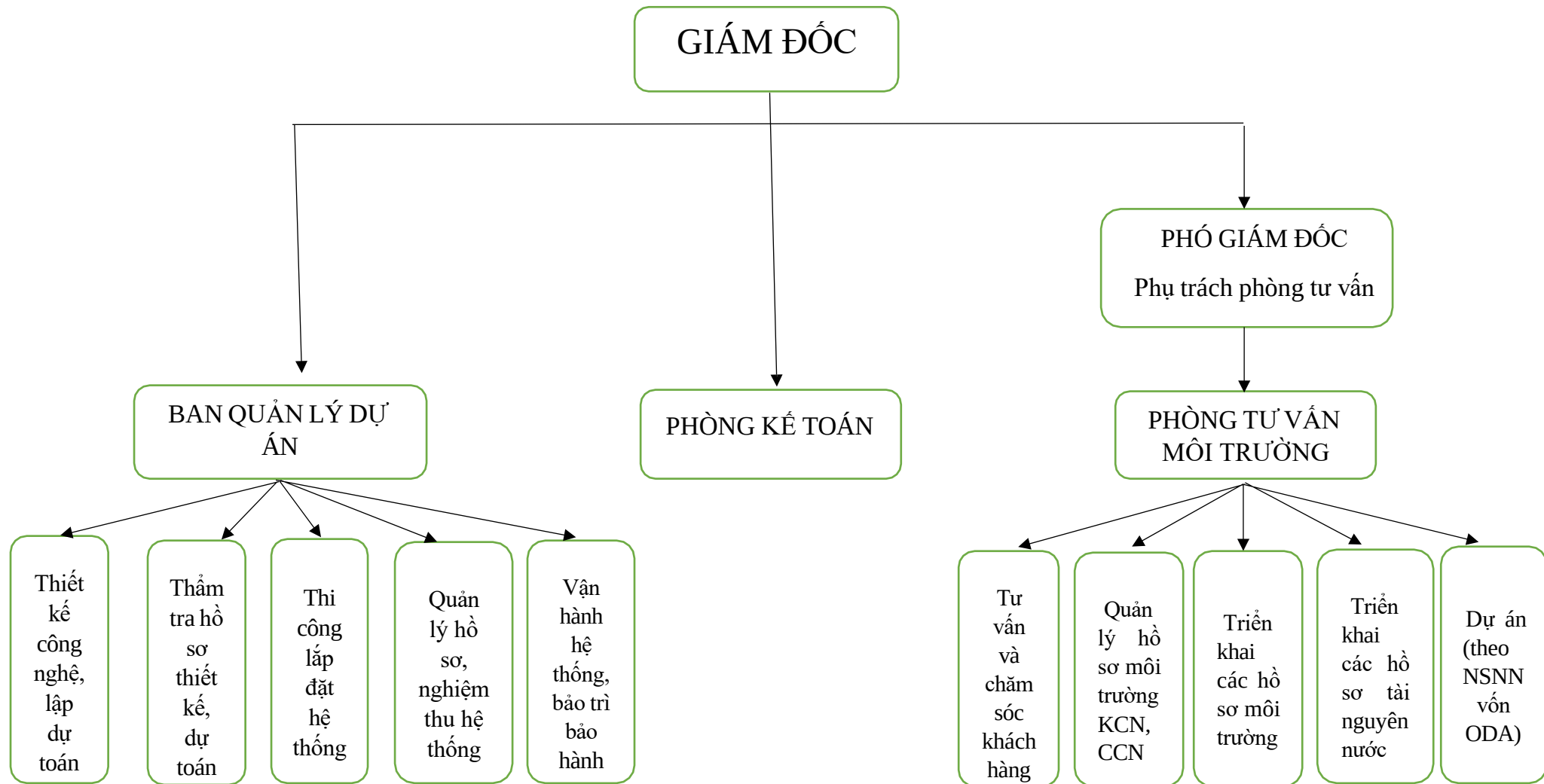
+ Tư vấn môi trường: Quản lý hồ sơ môi trường KCN, CCN, triển khai dự án (theo NSNN, vốn ODA,...); Quan trắc môi trường, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; kế hoạch BVMT; sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, xin cấp phép xả nước thải vào nguồn nước, xác nhận hoàn thành các công trình BVMT;...

+ Tư vấn, thiết kế, lập dự toán hệ thống xử lý nước thải;

+ Thi công, lắp đặt, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, khí thải;

+ Thẩm tra thiết kế công nghệ công trình xử lý nước thải, khí thải.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY CÔNG TY



B. CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY

I. TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

I.1. Lĩnh vực môi trường và tài nguyên nước

a. Lĩnh vực môi trường

- Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường/ Kế hoạch bảo vệ môi trường.
- Lập Báo cáo kết quả thực hiện công trình bảo vệ môi trường các công trình bảo vệ môi trường phục vụ vận hành dự án.
- Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường.
- Quan trắc môi trường định kỳ.

b. Lĩnh vực tài nguyên nước

- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất
- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước/ xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.
- Thỏa thuận đầu nối, thoát nước thải.

c. Hóa chất

- Đăng ký đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.
- Kế hoạch/Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

I.2. Quản lý môi trường

a. Quản lý chung

- Hỗ trợ quản lý danh mục hồ sơ, thủ tục về môi trường cho các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các doanh nghiệp.
- Rà soát theo định kỳ để hướng dẫn cập nhập về công tác bảo vệ môi trường.
- Hỗ trợ làm việc với các đoàn thanh tra, kiểm tra.

b. Quản lý cho Khu công nghiệp, cụm công nghiệp

- Thay chủ đầu tư chịu trách nhiệm chung về môi trường đối với khu/cụm công nghiệp.
- Làm việc, rà soát, giám sát các hồ sơ môi trường đối với các cơ sở đang hoạt động trong khu/cụm công nghiệp.
- Định kỳ thực hiện các trách nhiệm về môi trường của chủ đầu tư đối với cơ quan quản lý nhà nước.

I.3. Các dự án về môi trường

- Phối hợp thực hiện các dự án quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường (Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Phối hợp thực hiện các dự án phi chính phủ, dự án sử dụng ngân sách nhà nước, nguồn vốn ODA,...

II. HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU

I. Tư vấn lập hồ sơ

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

I.1. Lĩnh vực môi trường và tài nguyên nước

a. Các hồ sơ cấp Bộ Tài nguyên môi trường

STT	HỒ SƠ		ĐỊA CHỈ
1	Dự án cấp Bộ “Bệnh viện đa khoa tư nhân An Sinh tại Hà Nội”	Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa TN An Sinh – Phúc Trường Minh	Ô đất CV4-4, đường Châu Văn Liêm - Phú Đô - Nam Từ Liêm - Hà Nội
2	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cấp Bộ TNMT cho Dự án “Khu dân cư mới số 1 Lan Mẫu, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang”	Công ty cổ phần đầu tư Kiến An Phạm	Dự án Khu dân cư mới số 1 Lan Mẫu, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
3	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cấp Bộ TNMT cho Dự án “Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 05”	Công ty Cổ phần đầu tư Khu công nghiệp Yên Mỹ	Xã Xuân Trúc, xã Quảng Lãng-huyện Ân Thi và xã Nghĩa Dân- huyện Kim Động; tỉnh Hưng Yên
4	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cấp Bộ cho Công ty TNHH Phát triển Nội Bài	Công ty TNHH Phát triển Nội Bài	Khu công nghiệp Nội Bài, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội
5	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cấp Bộ cho Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam	Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam	Thôn Bình An, xã Trung Dã, huyện Sóc Sơn, Hà Nội
6	Dự án “Nhà máy công nghệ chính xác Fuyu”	Công ty TNHH công nghệ chính xác Fuyu	Lô M1 và lô F, khu công nghiệp Quang Châu, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
7	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cấp Bộ cho Công ty TNHH VNHC Industrial	Công ty TNHH VNHC Industrial	Tỉnh Bình Dương

b. Các hồ sơ cấp Sở Tài nguyên môi trường và hồ sơ cấp quận/huyện

1. Lĩnh vực môi trường

STT	HỒ SƠ	ĐỊA CHỈ
LẬP BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG		
1	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ UDIC	
1.1	Dự án “Đầu tư xây dựng tổ hợp công trình văn phòng, dịch vụ thương mại và nhà ở”	Ngõ 129D Trương Định, phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
1.2	Dự án “Đầu tư xây dựng nhà ở cao tầng”	Ô đất NO1, Khu đô thị mới Hạ Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội
1.3	Dự án “Tòa nhà Udic Riverside 2”	Ngõ 122 Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
2	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHS	
2.1	Dự án “Khu nhà ở xã hội”	Ô đất quy hoạch K-1, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
2.2	Dự án “Khu nhà ở tái định cư và nhà ở thương mại”	Ngõ 204 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy
3	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại thôn Xuân Ấp, xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Sóc Sơn Xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

STT	HỒ SƠ		ĐỊA CHỈ
4	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng HTKT phát triển khu dân cư nông thôn tại khu Đồng Vuông, thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Sóc Sơn	xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, Hà Nội
5	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại thôn Xuân Lễ, xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Sóc Sơn	xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, Hà Nội
6	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại thôn Đường 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Sóc Sơn	xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội
7	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại thôn Thắng Hữu, xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Sóc Sơn	xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, Hà Nội
8	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại thôn Kim Trung, xã Kim Lũ	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Sóc Sơn	thôn Kim Trung, xã Kim Lũ

9	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Hoàn trả hệ thống đường giao thông, mương tưới tiêu nội đồng phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 – Vùng Thủ đô Hà Nội (Đoạn qua địa phận huyện Sóc Sơn) – Địa phận xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Sóc Sơn	Địa phận xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn
10	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường công trình: Hoàn trả hệ thống đường giao thông, mương tưới tiêu nội đồng phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 – Vùng Thủ đô Hà Nội (Đoạn qua địa phận huyện Sóc Sơn) – Địa phận xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Sóc Sơn	Địa phận xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn
11	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng HTKT điểm dân cư khu trung tâm xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Sóc Sơn	xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn

12	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Chỉnh trang các khu đất xen kẹt để đấu giá QSD đất tại xã Hiền Ninh	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Sóc Sơn	xã Hiền Ninh huyện Sóc Sơn
13	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Mở rộng, cải tạo nghĩa trang xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Sóc Sơn	xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn
14	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng HTKT phát triển khu dân cư tại xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Sóc Sơn	xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn
15	Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất kết hợp hoàn thiện đồng bộ HTKT khu vực Bãi Kênh, thị trấn Đông Anh và xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Đông Anh	thị trấn Đông Anh và xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh
16	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Xây dựng HTKT khu đấu	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh

STT	HỒ SƠ	ĐỊA CHỈ
-----	-------	---------

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

	giá QSD đất Đông Bắc thôn Đường Yên, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh		
17	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng trường THCS Kim Hoa, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Mê Linh	xã Kim Hoa, huyện Mê Linh
18	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng trường tiểu học Kim Hoa A, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Mê Linh	xã Kim Hoa, huyện Mê Linh
19	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất khu trung tâm thị trấn Phúc Thọ	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phúc Thọ	thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ
20	Dự án “Xây dựng nhà ở thương mại”	Công ty CP đầu tư xây dựng dân dụng Hà Nội	Lô đất CT02B KĐT Nam Thăng Long-quận Tây Hồ- HN
21	Dự án “Tòa nhà hỗn hợp trung tâm thương mại văn phòng và căn hộ”	Công ty CP Đầu tư và phát triển kinh doanh	Số 19/298 Ngọc Lâm -Long Biên - Hà Nội
22	Dự án “ KĐT Công viên phần mềm Hà Nội”	Công ty TNHH MTV Hanel	Sài Đồng - Long Biên - Hà Nội
23	Dự án “Trạm trộn bê tông tại điểm CN Đắc Sở”	Công ty CP Đầu tư Sông Đà – Việt Đức	Cụm công nghiệp Đắc Sở - Đắc Sở - huyện Hoài Đức - Hà Nội
24	Dự án: Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đại học Quốc gia Hà Nội giai đoạn 1	Bệnh viện Đại học Quốc gia Hà Nội	Số 182 Lương Thế Vinh - Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội

STT	HỒ SƠ		ĐỊA CHỈ
25	Dự án “Mở rộng, nâng công suất”	Công ty TNHH Molex Việt Nam	Lô P15, Khu công nghiệp Thăng Long, Đông Anh, HN
26	Dự án “Khách sạn Dân Tộc”	Công ty CP Đầu tư và khoáng sản Hợp Thành	Số 349 Đội Cấn - Đội Cấn - Ba Đình - Hà Nội
27	Dự án “Khu đô thị mới mở rộng phía Bắc và Tây Bắc Đại Kim – Định Công”	Công ty TNHH Xây dựng công trình Hoàng Hà	Lô số 2, Khu đô thị Đại Kim- Định Công - Đại Kim - Hoàng Mai - Hà Nội
28	Dự án “Khu đô thị Thạch Bàn”	Công ty TNHH Berjaya – Handico 12	Khu đô thị Thạch Bàn – Long Biên – Hà Nội
29	Dự án “Xây dựng hệ thống XLNT tập trung tại CCN Bích Hòa”	Ban quản lý dự án ĐTXD Công trình Nông nghiệp và PTNT TP.Hà Nội	CCN Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội
30	Dự án “Xây dựng hệ thống XLNT tập trung tại CCN Biên Giang”	Ban quản lý dự án ĐTXD Công trình Nông nghiệp và PTNT TP.Hà Nội	CCN Biên Giang, Hà Đông, Hà Nội
31	Dự án “Xây dựng hệ thống XLNT tập trung tại CCN Vạn Điểm”	Ban quản lý dự án ĐTXD Công trình Nông nghiệp và PTNT TP.Hà Nội	CCN Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội
32	Dự án “Đầu tư xây dựng nhà ở thương mại phục vụ đặt hàng tái định cư”	Công ty CP Đầu tư Vietasset	Ô đất OCT1, OCT3 thuộc Khu chức năng đô thị Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

STT	HỒ SƠ		ĐỊA CHỈ
33	Dự án “Nhà máy sản xuất và gia công các bộ phận, linh kiện từ cao su công nghiệp, nhựa tổng hợp, sắt thép: 65 triệu sp/năm”	Công ty TNHH Fukoku Việt Nam	Lô 1A và 1B KCN Nội Bài, Quang Tiến, Sóc Sơn, Hà Nội
34	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cấp Sở cho Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư HTM	Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư HTM	Phường Đằng Hải, quận Hải An, TP. Hải Phòng
36	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án: Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội	Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội	huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội
37	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án: Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát Nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội	Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội	huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội
38	Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá khu Cầu Lọc - Giáo Hạ, xã Ngọc Tảo, huyện Phúc Thọ	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phúc Thọ	khu Cầu Lọc - Giáo Hạ, xã Ngọc Tảo, huyện Phúc Thọ
39	Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh chính Tam Báo, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	Ủy ban Nhân dân huyện Mê Linh Đại diện chủ đầu tư: Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Mê Linh	Tam Báo, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

XIN CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG			
1	Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Dự án Chinh trang các khu đất xen kẹt để đầu giá QSD đất tại xã Kim Lũ	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Sóc Sơn	Xã Kim Lũ, huyện Sóc Sơn
2	Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Dự án Chinh trang các khu đất xen kẹt để đầu giá QSD đất tại xã Đức Hoà	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Sóc Sơn	Xã Đức Hoà, huyện Sóc Sơn
3	Xin cấp giấy phép môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải cho Dự án Khu nhà ở xã hội	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng NHS	Ô đất quy hoạch K-1, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
4	Xin cấp giấy phép môi trường Dự án “Nhà máy trang phục thể thao Edon Việt Nam”	Công ty TNHH Trang Phục thể thao Edon Việt Nam	KCN Dệt may Phố Nối, xã Liêu Xá (huyện Yên Mỹ) và phường Dị Sử (thị xã Mỹ Hào), tỉnh Hưng Yên
5	Xin cấp giấy phép môi trường Dự án “Văn phòng giao dịch Khách sạn, căn hộ du lịch”	Công ty cổ phần VIETTRONICS Đống Đa	Số 21 Đông Các, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội

STT	HỒ SƠ		ĐỊA CHỈ
6	Xin cấp giấy phép môi trường Dự án “Bệnh viện Hạnh Phúc”	Công ty cổ phần y học Vĩnh Thiện	Phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

7	Xin cấp giấy phép môi trường Dự án “Trung tâm y khoa NeoMedic”	Công ty CP y khoa NeoMedic Tân Triều	Lô B11+B12, Khu đấu giá quyền sử dụng đất xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội
8	Xin cấp giấy phép môi trường Dự án “Nhà nghỉ nghiệp vụ”	Công ty CP đầu tư và thương mại Châu Thành	Tổ 1, Cụm 1, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội
9	Xin cấp giấy phép môi trường Dự án “Đầu tư trung tâm dạy nghề chất lượng cao”	Công ty CP đào tạo phát triển nghề và dịch vụ quốc tế ASEAN – Đông Hội	Xã Đông Hội, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội
10	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Rhythm Kyoshin Hà Nội	Công ty TNHH Rhythm Kyoshin Hà Nội	Lô A691 và 69A2, KCN Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội
11	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Molex Việt Nam	Công ty TNHH Molex Việt Nam	P-15, Khu công nghiệp Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
12	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Công ty Cổ phần công nghệ Đinh Tiên Hoàng	Công ty Cổ phần công nghệ Đinh Tiên Hoàng	Số 171 Trần Cung, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

STT	HỒ SƠ	ĐỊA CHỈ
-----	-------	---------

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

13	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Công ty cổ phần phát triển thương mại Việt Nam	Công ty cổ phần phát triển thương mại Việt Nam	Lô đất 2.5HH đường Lê Văn Thiêm, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
14	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Công ty cổ phần Bệnh viện Đức Phúc	Công ty cổ phần Bệnh viện Đức Phúc	Số 324 đường Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
15	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Dự án Dự án xây dựng Trường Đại học Đại Nam	Trường Đại học Đại Nam	Số 1 phố Xóm – phường Phú Lãm – Hà Đông – TP Hà Nội
16	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Khách sạn Grand Mercure Hà Nội	Công ty TNHH MTV LT Hà Nội	Số 09 Cát Linh, P. Quốc Tử Giám, Q. Đống Đa, TP Hà Nội.
17	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Nước Giải Khát Vạn Xuân	Công ty TNHH Nước Giải Khát Vạn Xuân	Thôn Phú Nhi, Xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, Thành Phố Hà Nội
18	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Dự án “Nhà máy sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe”	Chi nhánh Hà Nam – Công ty TNHH sản xuất DP Công nghệ cao NanoFrance	Khu công nghiệp Đồng Văn IV, xã Đại Cường, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

STT	HỒ SƠ		ĐỊA CHỈ
19	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Dự án “ Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản và gia súc tại xã Tiên Tân, Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam”	Công ty cổ phần Appe JV Việt Nam	Km 50, Quốc lộ 1A, Xã Tiên Tân, Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
20	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Dự án: Xây dựng bệnh xá quân y; cải tạo, nâng cấp khu kỹ thuật Lữ đoàn 201/Binh chủng Tăng thiết giáp	Lữ đoàn 201/Binh chủng Tăng thiết giáp	Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội
21	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho dự án Bệnh viện Hạnh Phúc tại phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Công ty Cổ phần Y học Vĩnh Thiện	Khu đô thị Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
22	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Rhythm Kyoshin Hà Nội	Công ty TNHH Rhythm Kyoshin Hà Nội	KCN Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội
23	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Công ty Cổ phần năng lượng Xanh Thăng Long	Công ty Cổ phần năng lượng Xanh Thăng Long	Chi nhánh Công ty Cổ phần năng lượng Xanh Thăng Long tại Mê Linh- Thôn Yên Nhân, xã Tiên Phong, Mê Linh, Hà Nội

STT	HỒ SƠ		ĐỊA CHỈ
24	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng NHS	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng NHS	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng NHS
25	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho dự án “Cải tạo, mở rộng Viện Thổ nhưỡng Nông hoá - Giai đoạn II”	Viện Thổ nhưỡng Nông hoá	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa, Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
26	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho 02 dự án của Công ty TNHH Vinacompound Hưng Yên	Công ty TNHH Vinacompound Hưng Yên	Khu công nghiệp phố nổi A, xã Lạc Đạo và xã Minh Hải, huyện Văn Lâm, Hưng Yên
27	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường công trình xây dựng, cung cấp lắp đặt thiết bị tòa nhà C7 thực hiện dự án Nâng cao chất lượng giáo dục đại học tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Số 01 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội
28	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Địa Chất	Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Địa Chất	Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Địa Chất
29	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Đồ chơi Fook Ying Vina	Công ty TNHH Đồ chơi Fook Ying Vina	Km 81+500 Quốc lộ 21, Xã Trung Lương, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

STT	HỒ SƠ		ĐỊA CHỈ
30	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Công ty cổ phần kinh doanh ô tô Thủ đô	Công ty cổ phần kinh doanh ô tô Thủ đô	Công ty cổ phần kinh doanh ô tô Thủ đô
31	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Đoàn Kết Quốc Tế	Công ty TNHH Đoàn Kết Quốc Tế	Số 31 Hai Bà Trưng, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
32	Lập hồ sơ và thực hiện xin cấp Giấy phép môi trường cho dự án Tòa nhà hỗn hợp – Trụ sở công ty của Công ty Cổ phần hỗ trợ phát triển công nghệ Detech	Công ty Cổ phần hỗ trợ phát triển công nghệ Detech	Tòa nhà hỗn hợp – Trụ sở công ty thuộc ô đất ký hiệu D14 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mỹ Đình 2, quận Nam từ Liêm, thành phố Hà Nội
33	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Thành Hưng	Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Thành Hưng	Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Thành Hưng
34	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Chi nhánh Công ty TNHH Ô tô Ngôi sao Việt Nam	Chi nhánh Công ty TNHH Ô tô Ngôi sao Việt Nam	Chi nhánh Công ty TNHH Ô tô Ngôi sao Việt Nam
35	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho dự án Nhà máy Công ty TNHH Fukoku Việt Nam	Công ty TNHH Fukoku Việt Nam	Lô 1A và 1B, Khu công nghiệp Nội Bài, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

STT	HỒ SƠ		ĐỊA CHỈ
36	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Thương mại và Công nghiệp Minh Quang	Công ty TNHH Thương mại và Công nghiệp Minh Quang	Công ty TNHH Thương mại và Công nghiệp Minh Quang
37	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Dự án: Tòa nhà CIC	Công ty CP Đầu tư CIC	Số 1 phố Nguyễn Thị Duệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
38	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Chi nhánh Công ty Cổ phần năng lượng Xanh Thăng Long tại Thạch Thất	Chi nhánh Công ty Cổ phần năng lượng Xanh Thăng Long tại Thạch Thất	Lô CN3.1 Khu Công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội
39	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Hoa San	Công ty TNHH Hoa San	369 đường Hồng Hà, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
40	Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Dự án xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Sóc Sơn	thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân
41	Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Dự án Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại khu ven đê thôn Kim Hạ, xã Kim Lũ, huyện Sóc Sơn	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Sóc Sơn	thôn Kim Hạ, xã Kim Lũ, huyện Sóc Sơn
LẬP KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG			

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

STT	HỒ SƠ	ĐỊA CHỈ
I	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CÔNG VÀNG	
1	Dự án “Nhà hàng GOGI TÂN MAI”	Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội
2	Dự án “Nhà hàng GOGI HOUSE tại Bắc Ninh”	Thị Xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh
3	Dự án “Nhà hàng GOGI HOUSE - MANWAH tại Hải Phòng”	Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
4	Dự án “Nhà hàng GoGi House”	Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
5	Dự án “Nhà hàng Kichi Kichi - Gogi House chi nhánh Hải Dương”	Thành phố Hải Dương
6	Dự án “Nhà hàng HUTONG tại Hạ Long”	Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
7	Dự án “Nhà hàng HUTONG tại Thái Bình”	Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
II	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DÂN DỤNG HÀ NỘI	
1	Dự án “Đầu tư xây dựng Văn phòng, Dịch vụ”	Lô đất B1 Khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

STT	HỒ SƠ		ĐỊA CHỈ
2	Dự án “Đầu tư xây dựng văn phòng, dịch vụ”		Ô đất số 202 đường Bưởi, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội
III	HỆ THỐNG CỬA HÀNG YAMAHA MOTOR VIỆT NAM		
1	Dự án “Cửa hàng kinh doanh, bảo dưỡng xe máy”		Sóc Sơn, Hà Nội
2	Dự án “Trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa xe máy”		Âu Cơ, Tây Hồ, Hà Nội
3	Dự án “Tăng quy mô cửa hàng kinh doanh và trạm bảo hành xe gắn máy”		Quận 10, TP Hồ Chí Minh
IV	MỘT SỐ HỒ SƠ KẾ HOẠCH BVMT CÁC DOANH NGHIỆP		
1	Dự án “Khách sạn Grandiose”	Công ty CP Đầu tư phát triển du lịch xanh	Số 9-11 Liễu Giai, Phường Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội
2	Dự án “Bệnh viện Nam Thăng Long”	Bệnh viện Nam Thăng Long	38 Tân Xuân, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
3	Dự án “Bệnh viện đa khoa Medlatec”	Công ty TNHH Công nghệ và xét nghiệm y học	Số 42 Nghĩa Dũng, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội
4	Dự án “Bệnh viện K – cơ sở 1”	Bệnh viện K	9A-9B Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
5	Dự án “Khách sạn May Deville”	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Phú Vân Hưng	57 Phạm Hồng Thái, Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội
LẬP BÁO CÁO XÁC NHẬN CÁC CÔNG TRÌNH BVMT, KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM			

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

STT	HỒ SƠ		ĐỊA CHỈ
1	Dự án “Nhà máy công nghệ chính xác Fuyu”	Công ty TNHH công nghệ chính xác Fuyu	Lô M1 và lô F, khu công nghiệp Quang Châu, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
2	Dự án “Khu nhà ở Chung cư NO-09”	Công ty CP Đầu tư xây lắp và phát triển nhà	Lô đất NO-09, khu TĐC phường Giang Biên, Long Biên, Hà Nội
3	Dự án “Tòa nhà The Legend”	Công ty CP Đại Việt Trí Tuệ	Số 109 Nguyễn Tuân, Thanh Xuân, Hà Nội
4	Dự án “Bệnh viện Nam Thăng Long”	Bệnh viện Nam Thăng Long	38 Tân Xuân, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
5	Dự án “Cụm công nghiệp Bình Lục”	Công ty CP Bình Mỹ	Xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
6	Dự án “Mở rộng năng lực sản xuất”	Công ty TNHH Thời trang Star	Lô CN –B4, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội
7	Dự án “Mở rộng quy mô”	Công ty TNHH Molex Việt Nam	P-15, Khu công nghiệp Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Hà Nội
8	Dự án “Bệnh viện Vinmec”	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Vinmec – Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Vinmec Times City	458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
9	Dự án "Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất đề can, nhãn mác cho ô tô, xe máy - Giai đoạn 6"	Công ty TNHH NCI Việt Nam	Lô số 4, 85, 86A, KCN Nội Bài, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG (QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG)			

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

STT	HỒ SƠ		ĐỊA CHỈ
I	CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES		
1	Dự án “Khu đô thị Vinhomes Sài Đồng”		Khu đô thị Vinhomes, Phúc Đông, Long Biên, Hà Nội
2	Dự án “Vinhomes riverside”		Long Biên, Hà Nội
II	TRUNG TÂM MUA SẮM NGUYỄN KIM		
1	Dự án “Trung tâm thương mại 10B Tràng Thi”		Số 10B Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
2	Dự án “Trung tâm thương mại Nguyễn Kim Long Biên”		309 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội
3	Dự án “Trung tâm thương mại Nguyễn Kim Hà Đông”		Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông
III	MỘT SỐ HỒ SƠ QUAN TRẮC CÁC DOANH NGHIỆP		
1	Dự án “Cụm công nghiệp Bình Lục”	Công ty CP Bình Mỹ	Xã Trung Lương, huyện Bình Lục, Hà Nam
2	Dự án “Tòa nhà The Legend”	Công ty cổ phần Đại Việt Trí Tuệ	Số 109 Nguyễn Tuân, Thanh Xuân, Hà Nội
3	Dự án “Tòa nhà Grand Mercure Hà Nội”	Công ty TNHH một thành viên LT Hà Nội	Số 9 Cát Linh, Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội
4	Dự án “Trạm trộn bê tông Nhật Tân, Lai Xá, Lĩnh Nam”	Công ty CP đầu tư Sông Đà Việt Đức	Nhật Tân, Lai Xá, Lĩnh Nam, Hà Nội

2. Lĩnh vực tài nguyên nước

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

STT	HỒ SƠ		ĐỊA CHỈ
HỒ SƠ KHAI THÁC NƯỚC			
1	Dự án “5 Trạm trộn bê tông”	Công ty CP Đầu tư Sông Đà – Việt Đức	Nhật Tân, Lai Xá, Lĩnh Nam, Đắc Sở, An Khánh, Hà Nội
2	Dự án “Nhà máy Yamaha Sóc Sơn”	Công ty TNHH Tư vấn – Đầu tư N.T.K	Sóc Sơn, Hà Nội
3	Dự án “Nhà máy bia”	Công ty CP Bia, rượu Sài Gòn Đồng Xuân	KCN Quang Minh, Sóc Sơn, Hà Nội
4	Xin cấp phép khai thác nước cho Công ty TNHH May xuất khẩu Đại Nghĩa	Công ty TNHH May xuất khẩu Đại Nghĩa	Thôn Thọ Sơn - Thị trấn Đại Nghĩa - Huyện Mỹ Đức - Hà Nội.
5	Dự án “Xưởng dệt lụa”	Công ty TNHH Dệt Toàn Thắng	Thôn Thượng - Xã Phùng Xá - Huyện Mỹ Đức - Hà Nội
6	Xin cấp phép khai thác nước cho Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	Số 189, đường Lâm Tiên, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội
7	Lập hồ sơ xin cấp phép khai thác nước cho Công ty TNHH Nước Giải Khát Vạn Xuân	Công ty TNHH Nước Giải Khát Vạn Xuân	Thôn Phú Nhi, Xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, Thành Phố Hà Nội
8	Lập hồ sơ xin cấp phép khai thác nước 300m3/ ngày đêm cho Công ty TNHH Nước Giải Khát Vạn Xuân	Công ty TNHH Nước Giải Khát Vạn Xuân	Huyện Mê Linh, Thành Phố Hà Nội
9	Lập hồ sơ và xin cấp phép khai thác nước dưới đất với lưu lượng khai thác quy mô <3000 m3/ngày đêm Dự án khu du lịch sinh thái FLC Quy Nhơn có địa chỉ tại	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC	Khu du lịch sinh thái FLC Quy Nhơn có địa chỉ tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

	thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định		
10	Lập hồ sơ và xin cấp phép khai thác nước dưới đất với lưu lượng khai thác quy mô <3000 m ³ /ngày đêm Dự án Công viên động vật hoang dã FLC Quy Nhơn có địa chỉ tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC	Công viên động vật hoang dã FLC Quy Nhơn có địa chỉ tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
11	Lập hồ sơ và xin cấp phép khai thác nước dưới đất với lưu lượng khai thác quy mô <3000 m ³ /ngày đêm Dự án Học việc Golf có địa chỉ tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC	Học việc Golf có địa chỉ tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

3. Hóa chất

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	TÊN CÔNG TY	THỜI GIAN THỰC HIỆN
ĐĂNG KÝ ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT CÓ ĐIỀU KIỆN TRONG CÔNG NGHIỆP			
1	Đăng ký đủ điều kiện kinh doanh hóa chất cho Công ty CP đầu tư thương mại và dịch vụ Hồng Gai	Công ty CP đầu tư thương mại và dịch vụ Hồng Gai	Tổ 52G, Khu 4B, Phường Cao Xanh, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	TÊN CÔNG TY	THỜI GIAN THỰC HIỆN
-----	--------------------	-------------	---------------------

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

2	Đăng ký đủ điều kiện kinh doanh hóa chất cho Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Hòa Hưng Phú	Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Hòa Hưng Phú	Số 2 đường Phan Đăng Lưu, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội.
3	Đăng ký đủ điều kiện kinh doanh hóa chất cho Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ vận tải Khánh Duy	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ vận tải Khánh Duy	Thôn Cống Thôn, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội
4	Đăng ký đủ điều kiện kinh doanh hóa chất cho Công ty TNHH Quảng Thịnh	Công ty TNHH Quảng Thịnh	Thôn Cống Thôn, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội
5	Đăng ký đủ điều kiện kinh doanh hóa chất cho Công ty Cp xuất nhập khẩu hóa chất miền bắc	Công ty Cp xuất nhập khẩu hóa chất miền bắc	20/761 Giải Phóng, Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội
KẾ HOẠCH/BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ			
1	Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho Công ty TNHH Denso Việt Nam	Công ty TNHH Denso Việt Nam	Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội
2	Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho Kho hóa chất Gia Long	Công ty Cổ phần hóa chất Gia Long	Số 66 Ngõ 99 phố Đức Giang, Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội
3	Dự án “Nhà máy sản xuất bao bì”	Công ty TNHH MTV nhãn bao bì Vi Na Úc Hà Nội	Cụm Công Nghiệp Duyên Thái, 2, Quốc Lộ 1A, Xã Duyên Thái, Huyện Thường Tín, Thành Phố Hà Nội
4	Dự án “Nhà máy sản xuất, lắp ráp thiết bị”	Công ty TNHH Panasonic	Khu Công Nghiệp Thăng Long, Lô J1 J2, Đông Anh, Hà Nội

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	TÊN CÔNG TY	THỜI GIAN THỰC HIỆN
		Industrial Việt Nam	
5	Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu Công ty CP thủy sản và du lịch Quan Sơn	Công ty CP thủy sản và du lịch Quan Sơn	Xã Hợp Tiến, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội
THỎA THUẬN ĐẦU NÓI, THOÁT NƯỚC THẢI			
1	Dự án “Bệnh viện ung bướu Hưng Việt”	Công ty cổ phần Bệnh viện ung bướu Hưng Việt	Số 34 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội
2	Dự án “Bệnh viện hỗ trợ sinh sản và nam học Đức Phúc”	Công ty cổ phần bệnh viện Đức Phúc	Hồ Ba Mẫu, Đống Đa, Hà Nội
3	Dự án “Siêu thị Vinmart Đan Phượng”	Siêu thị Vinmart Đan Phượng	Số 188 Tây Sơn, Thị trấn Phùng, Sóc Sơn, Hà Nội
4	Thảo thuận đầu nối, thoát nước thải cho Công ty cổ phần đầu tư Hải Phát	Công ty cổ phần đầu tư Hải Phát	Khu ĐTM An Hưng, La Khê, Hà Đông, Hà Nội
5	Dự án “Trung tâm cấp cứu 115”	Trung tâm cấp cứu 115	Số 11 Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

I.2. Quản lý môi trường

STT	HỒ SƠ	DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ
1	Quản lý, rà soát các hồ sơ môi trường các Công ty trong Cụm công nghiệp Bình Lục	Công ty cổ phần Bình Mỹ	Xã Trung Lương, Bình Lục, Hà Nam

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

2	Theo dõi, thực hiện các hồ sơ môi trường cho hệ thống Yamaha Motor Việt Nam	Yamaha Motor Việt Nam	Hà Nội, TP Hồ Chí Minh
3	Theo dõi thực hiện hồ sơ môi trường cho hệ thống các chuỗi nhà hàng Golden gate	Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Cổng Vàng	Hà Nội, Thái Bình, Hải Dương, Hải Phòng, Lào Cai, Hải Phòng,...
4	Theo dõi thực hiện hồ sơ môi trường cho hệ thống Siêu thị Vinmart và khu đô thị Vinhomes	Công ty cổ phần Vinhomes và các chi nhánh	Hà Nội, Hải Dương, Tuyên Quang, ...

I.3. Các dự án về môi trường

STT	DỰ ÁN	QUẬN, HUYỆN	NĂM
1	Lập báo cáo đánh giá tổng hợp hiện trạng môi trường từ năm 2011-2015	Thanh Trì	2015
2	Lập báo cáo tư vấn xử lý nguồn nước, cải tạo cảnh quan môi trường	Thanh Trì	2015
3	Lập báo cáo công tác BVMT trên địa bàn Quận Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm	2017
4	Lập báo cáo công tác BVMT trên địa bàn Quận Hoàn Kiếm và 18 Phường trực thuộc Quận Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm	2018
5	Lập báo cáo công tác BVMT trên địa bàn Huyện Đông Anh	Đông Anh	2018
6	Lập báo cáo công tác BVMT trên địa bàn Quận Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm	2019
7	Lập báo cáo công tác BVMT trên địa bàn Quận Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm	2020
8	Lập báo cáo công tác BVMT trên địa bàn huyện Chương Mỹ	Chương Mỹ	2021

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

STT	DỰ ÁN	QUẬN, HUYỆN	NĂM
9	Lập báo cáo công tác BVMT trên địa bàn quận Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm	2021
10	Lập báo cáo công tác BVMT trên địa bàn quận Hoàng Mai	Hoàng Mai	2022
11	Lập báo cáo công tác BVMT trên địa bàn huyện Chương Mỹ	Chương Mỹ	2022
12	Lập báo cáo công tác BVMT trên địa bàn huyện Đan Phượng	Đan Phượng	2022
13	Lập báo cáo công tác BVMT trên địa bàn huyện Đan Phượng	Đan Phượng	2023
14	Lập báo cáo công tác BVMT trên địa bàn quận Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm	2023
15	Lập báo cáo công tác BVMT trên địa bàn huyện Chương Mỹ	Chương Mỹ	2023
16	Lập báo cáo công tác BVMT trên địa bàn quận Ba Đình	Ba Đình	2023
17	Lập báo cáo công tác BVMT trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm	Bắc Từ Liêm	2023
18	Lập báo cáo công tác BVMT trên địa bàn huyện Thạch Thất	Thạch Thất	2023
19	Lập báo cáo công tác BVMT trên địa bàn quận	Thanh Xuân	2023
20	Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn quận Hoàn Kiếm năm 2024	Hoàn Kiếm	2024
21	Lập báo cáo công tác BVMT trên địa bàn huyện Chương Mỹ	Chương Mỹ	2024
22	Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện Thạch Thất năm 2024	Thạch Thất	2024

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

23	Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn quận Thanh Xuân năm 2024	Thanh Xuân	2024
24	Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện Đan Phượng năm 2024	Đan Phượng	2024
25	Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm năm 2024	Bắc Từ Liêm	2024

II. THIẾT KẾ, LẬP DỰ TOÁN, THI CÔNG, VẬN HÀNH THẨM TRA CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI,

CET đã và đang thực hiện các công việc sau:

- Lập dự toán kinh phí cho hệ thống xử lý nước thải có vốn đầu tư từ NSNN, vốn ODA và vốn của doanh nghiệp.
- Thiết kế hệ thống xử lý nước thải y tế, công nghiệp và nước thải sinh hoạt.
- Thẩm tra hồ sơ thiết kế hệ thống xử lý nước thải.
- Thi công, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải;
- Vận hành hệ thống xử lý nước thải;

- Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống xử lý nước thải.

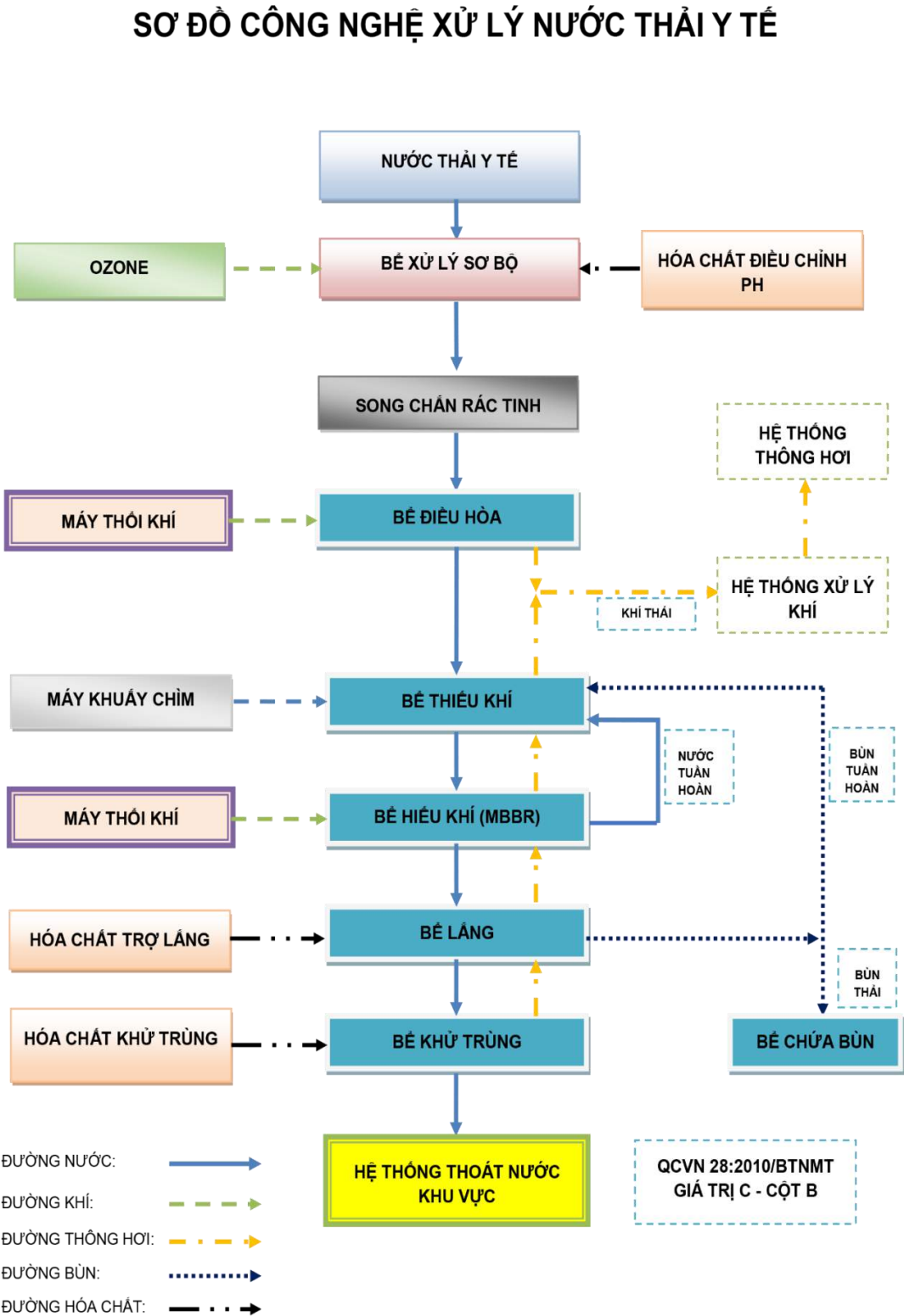
CET đã và đang thiết kế, thi công hệ thống xử lý nước thải cho một số Tập đoàn lớn như:



CET đã và đang thiết kế hệ thống xử lý nước thải cho một số hạng mục tiêu biểu như:

1. Tư vấn thiết kế, lập dự toán, thi công, vận hành cho các trạm XLNT y tế:

1.1 Sơ đồ công nghệ trạm XLNT y tế



1.2. Một số công trình trạm XLNT y tế đã thực hiện

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM THI CÔNG	CÔNG SUẤT
I	CÁC CÔNG TRÌNH TƯ VẤN THIẾT KẾ		
1	Tư vấn thiết kế, lập dự toán, cải tạo hệ thống xử lý nước thải y tế bệnh viện phụ sản Hà Nội CĐT: Bệnh viện phụ sản Hà Nội	Số 929, đường La Thanh, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	500m ³ /ngày đêm
2	Tư vấn thiết kế, lập dự toán, hệ thống xử lý nước thải y tế bệnh viện đa khoa tư nhân An Sinh CĐT: Công ty TNHH bệnh viện đa khoa tư nhân An Sinh – Phúc Trường Sinh	Ô đất CV4-4, đường Châu Văn Liêm, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	350m ³ /ngày đêm
3	Tư vấn thiết kế, lập dự toán, hệ thống xử lý nước thải y tế bệnh viện K – cơ sở Phan Chu Trinh	Số 9A+9B Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	42m ³ /ngày đêm
II	CÁC CÔNG TRÌNH TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG		
1	Tư vấn thiết kế, lập dự toán, thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải y tế bệnh viện Đức Phúc CĐT: Công ty cổ phần bệnh viện Đức Phúc	Số 324 Lê Duẩn, Trung Phụng, Đống Đa, Tp. Hà Nội	35m ³ /ngày đêm
2	Tư vấn thiết kế, lập dự toán, thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải y tế bệnh viện ung bướu Hưng Việt CĐT: Bệnh viện ung Bướu Hưng Việt	Số 40 Đại Cồ Việt, Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	15m ³ /ngày đêm

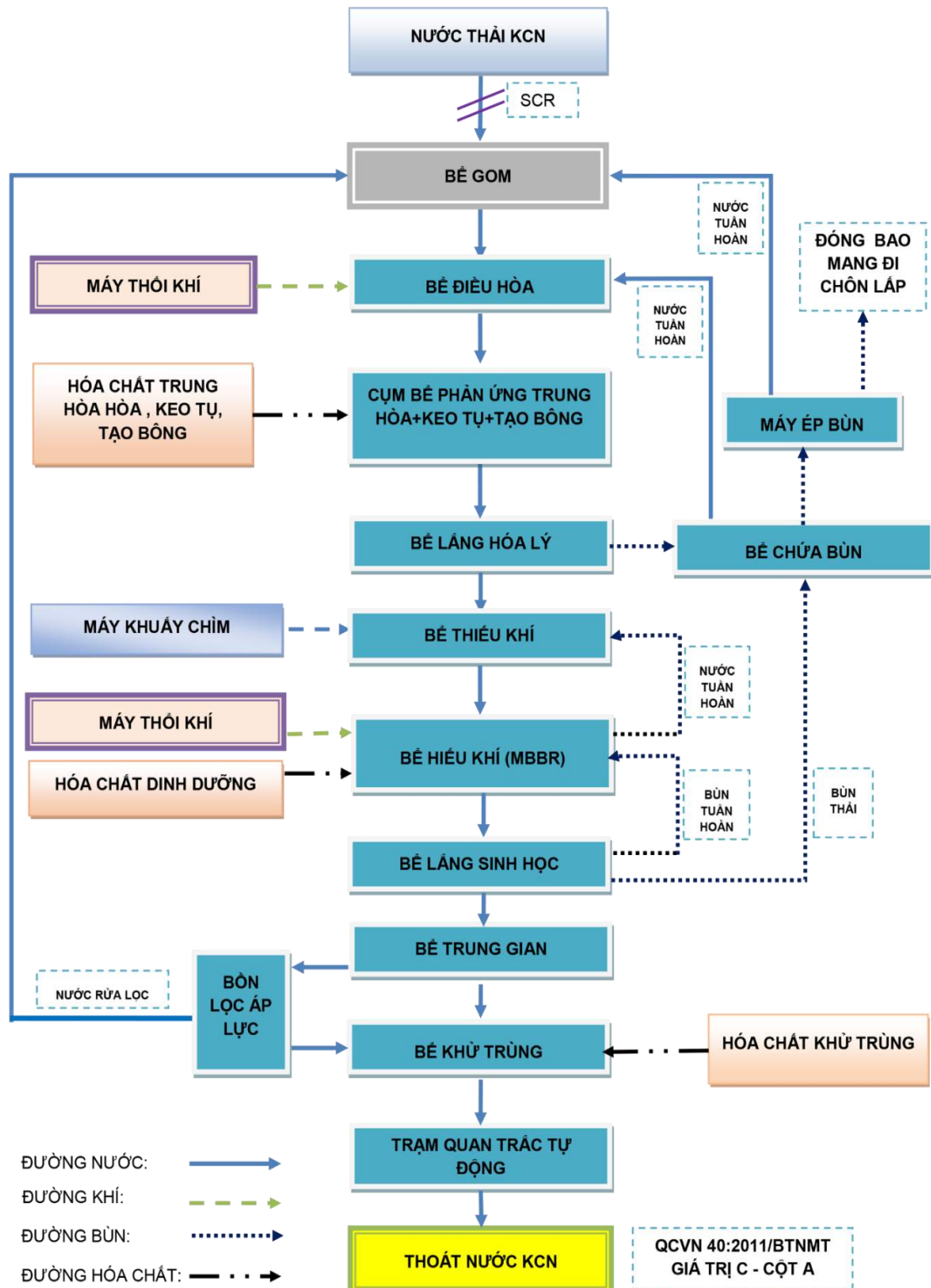
=====

Xây lắp hiện tại – Vững bền tương lai

2. Tư vấn thiết kế, lập dự toán, thi công, vận hành cho các trạm XLNT Công nghiệp:

2.1 Sơ đồ công nghệ trạm XLNT Công nghiệp

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP



2.2. Một số công trình kế trạm XLNT Công nghiệp đã thực hiện

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM THI CÔNG	CÔNG SUẤT
I	CÁC CÔNG TRÌNH TƯ VẤN THIẾT KẾ		
1	Tư vấn thiết kế, lập dự toán nhà máy xử lý nước thải khu công nghiệp Yên Mỹ CDT: Tổng công ty Viglacera - CTCP	Thị trấn Yên Mỹ, H.Yên Mỹ, Hưng Yên	8000m ³ /ngày đêm
2	Tư vấn thiết kế, lập dự toán hệ thống xử lý nước thải công ty Thiên Hoàng CDT: Công ty TNHH Thiên Hoàng Anh	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	200m ³ /ngày đêm
3	Tư vấn thiết kế, lập dự toán hệ thống xử lý nước thải công ty dệt may Toàn Thắng CDT: Công ty dệt may Toàn Thắng	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	200m ³ /ngày đêm
II	CÁC CÔNG TRÌNH TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG		
1	Tư vấn thiết kế, lập dự toán, thi công nhà máy xử lý nước thải khu công nghiệp Hải Thành CDT: Công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông và cơ giới	P.Hải Thành, Q.Dương Kinh, Tp.Hải Phòng	500m ³ /ngày đêm
2	Tư vấn thiết kế, lập dự toán, thi công nhà máy xử lý nước thải cụm công nghiệp Bình Mỹ CDT: Công ty cổ phần Bình Mỹ	X.Trung Lương, H.Bình Lục, Hà Nam	500m ³ /ngày đêm

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM THI CÔNG	CÔNG SUẤT
3	Tư vấn thiết kế, lập dự toán, thi công nhà máy xử lý nước thải trại giết mổ tập trung CĐT: Công ty cổ phần Thịnh An	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	250m ³ /ngày đêm
4	Tư vấn thiết kế, lập dự toán, thi công hệ thống xử lý nước thải nhà máy Việt Pacific CĐT: Công ty TNHH may mặc Việt Pacific	Thanh Bình, Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	60m ³ /ngày đêm
5	Tư vấn thiết kế, lập dự toán, thi công hệ thống xử lý nước thải nhà xưởng Đông Anh CĐT: Công ty CP xuất nhập khẩu Văn hóa phẩm	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	30m ³ /ngày đêm
6	Tư vấn thiết kế, lập dự toán, thi công hệ thống xử lý nước thải cho nhà máy Pepsico CĐT: Công ty TNHH Thực phẩm Pepsico Việt Nam	Xã Văn Lâm, Hưng Yên	20m ³ /ngày đêm
7	Tư vấn thiết kế, lập dự toán, thi công hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 2 cho Công ty CP Bình Mỹ	Xã Trung Lương, Bình Lục, Hà Nam	2500m ³ /ngày đêm
8	Tư vấn thiết kế, lập dự toán và thi công nhà máy xử lý nước thải cụm công nghiệp CN3 CĐT: Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị - UDIC	X. Mai Đình, X. Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	1600m ³ /ngày đêm
9	Tư vấn thiết kế, lập dự toán, thi công, lắp đặt và vận hành chuyển giao công nghệ cho 2 trạm xử lý nước thải Vinacompound Hưng	Đường 206, Thôn Thanh Đặng, Xã Minh Hải, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên	12m ³ /ngày đêm

=====

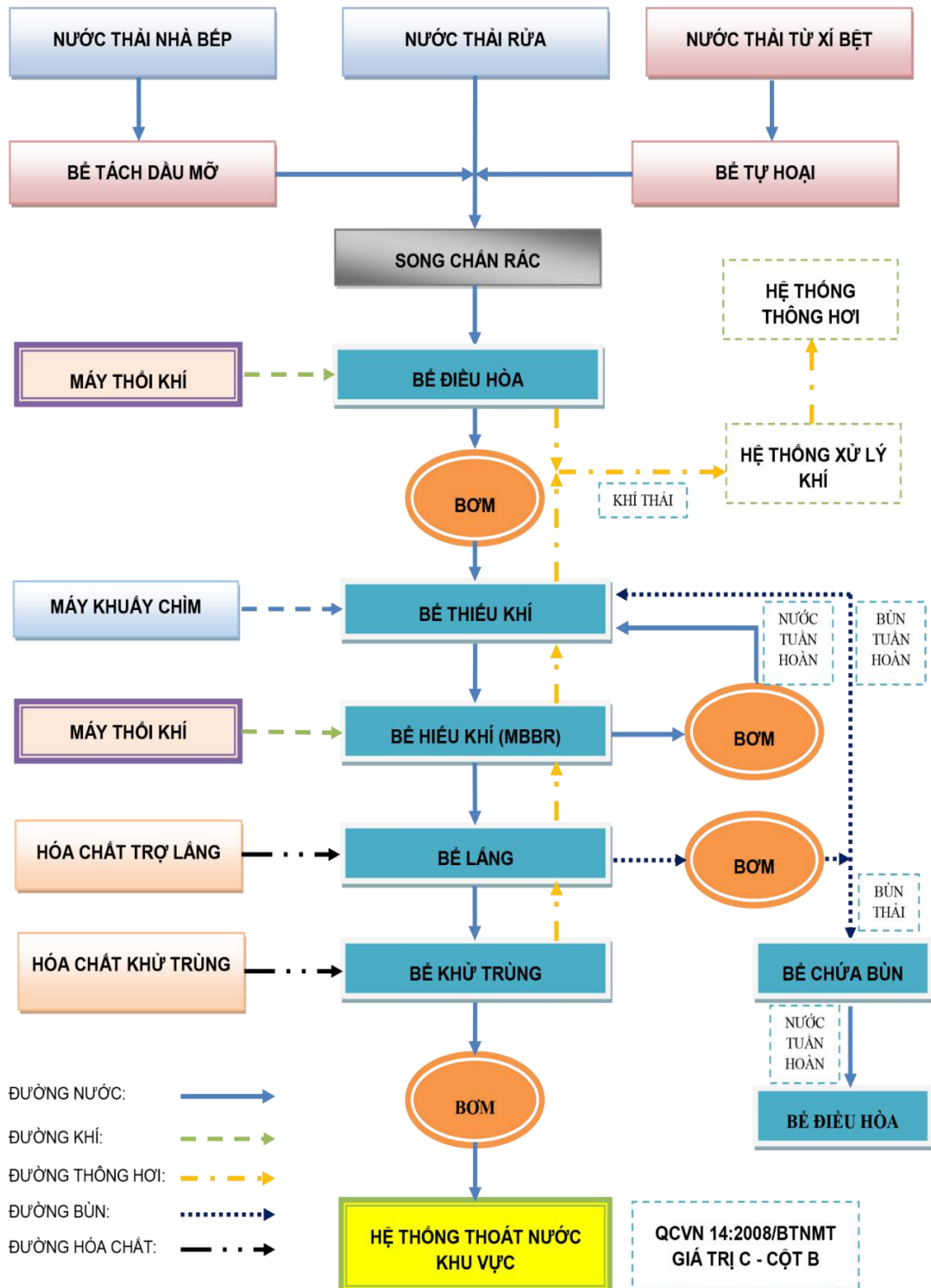
Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

	Yên. CĐT: Công ty TNHH Vinacompound Hưng Yên		
10	Tư vấn thiết kế, lập dự toán, thi công, lắp đặt thiết bị trạm xử lý nước thải của gói thầu thi công xây dựng (giai đoạn 1) khối nhà khu phức hợp phòng thí nghiệm nghiên cứu (RLC) và Nhà lưới cho dự án Nâng cấp trường Đại học Cần Thơ CĐT: Ban quản lý dự án nâng cấp trường Đại học Cần Thơ	Đường 3-2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	12m ³ /ngày đêm

3. Tư vấn thiết kế, lập dự toán cho, thi công, vận hành các trạm XLNT sinh hoạt

3.1 Sơ đồ công nghệ trạm XLNT nước thải sinh hoạt

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT



3.2. Một số công trình trạm XLNT nước thải sinh hoạt đã thực hiện

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM THI CÔNG	CÔNG SUẤT
I	CÁC CÔNG TRÌNH TƯ VẤN THIẾT KẾ		
1	Tư vấn thiết kế, lập dự toán nhà máy xử lý nước thải KĐT Đình Trám – Sen Hồ CĐT: Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Lam Sơn	Khu đô thị Đình Trám – Sen Hồ, Việt Yên, Bắc Giang	2000m ³ /ngày đêm
II	CÁC CÔNG TRÌNH TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG		
1	Tư vấn thiết kế, lập dự toán hệ thống xử lý nước thải tòa nhà Tây Hà Tower CĐT: Công ty cổ phần xây dựng Tây Hà	Số 19 Tố Hữu, Phùng Khoang, Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội	250m ³ /ngày đêm
2	Tư vấn thiết kế, lập dự toán hệ thống xử lý nước thải tòa nhà Udic Riverside 1 CĐT: Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị - UDIC	Ngõ 122 Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	300m ³ /ngày đêm
3	Tư vấn thiết kế, lập dự toán hệ thống xử lý nước thải tòa nhà CĐT: Công ty cổ phần Đại Việt Trí Tuệ	Số 109 Nguyễn Tuân, Thanh Xuân, TP. Hà Nội	360m ³ /ngày đêm
4	Tư vấn thiết kế, lập dự toán hệ thống xử lý nước thải tòa nhà Sky Park CĐT: Tổng công ty xây dựng Thanh Hóa	Số 3, Tôn Thất Thuyết, Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội	640m ³ /ngày đêm
5	Tư vấn thiết kế, lập dự toán hệ thống xử lý nước thải tòa nhà CT36 – Xuân La CĐT: Tổng công ty 36 - CTCP	Xuân La, Tây Hồ, TP. Hà Nội	280m ³ /ngày đêm
6	Tư vấn thiết kế, lập dự toán hệ thống xử lý nước thải khách sạn Grand Mercure CĐT: Tổng công ty xây dựng Thanh Hóa	Số 9 Cát Linh, Đống Đa, TP. Hà Nội	200m ³ /ngày đêm

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM THI CÔNG	CÔNG SUẤT
7	Tư vấn thiết kế, lập dự toán hệ thống xử lý nước thải tòa nhà IDB CĐT: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kinh doanh IDB Việt Nam.SJC	Số 19, Ngõ 298 Ngọc Lâm, Long Biên, TP. Hà Nội	285m3/ngày đêm
8	Tư vấn thiết kế, thi công, lắp đặt, vận hành trạm XLNT cho Khu đô thị mới Tứ Hiệp CĐT: Công ty cổ phần Gia An Group Việt Nam	Công ty cổ phần Gia An Group Việt Nam	150m3/ngày đêm
9	Tư vấn thiết kế, thi công, lắp đặt, vận hành trạm XLNT cho dự án “Khu nhà ở - văn phòng – dịch vụ” tại số 136 Hồ Tùng Mậu, CĐT: Công ty cổ phần tư vấn thiết bị và dịch vụ kỹ thuật	Số 136 Hồ Tùng Mậu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	150m3/ngày đêm
10	Tư vấn thiết kế, thi công, lắp đặt, vận hành trạm XLNT cho dự án “Chung cư cao tầng CT2E” CĐT: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Xuân Mai	Lương Thế Vinh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	150m3/ngày đêm
11	Tư vấn thiết kế, lập dự toán, thi công, lắp đặt, vận hành trạm XLNT cho dự án “Khách sạn HTM” CĐT: Công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông và cơ giới	Thửa số 9 Lô 2A, Khu đô thị mới Ngã 5, Sân bay Cát Bi, TP. Hải Phòng	40m3/ngày đêm
12	Tư vấn thiết kế, thi công, lắp đặt, vận hành trạm XLNT cho dự án Trụ sở bảo hiểm tiền gửi Việt Nam CĐT: Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam	Ngõ 15 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	40m3/ngày đêm

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

13	Tư vấn thiết kế, thi công, lắp đặt, vận hành trạm XLNT cho dự án Doanh trại các đơn vị thuộc Sư đoàn 395/Quân khu 3 CĐT: Ban quản lý dự án sư đoàn 395/ Quân khu 3	Đường Lê Duẩn, Phường Bắc Sơn, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng	Bể 200m³/ngày đêm; Bể 110m³/ngày đêm; Bể 60m³/ngày đêm.
----	--	---	---

Một số hình ảnh hệ thống trạm xử lý nước thải



Hệ thống xử lý nước thải “Tòa nhà Sky Park Residence” Công suất 640m³/ngày đêm



Hệ thống xử lý nước thải dự án “Cụm Công nghiệp Bình Lục” công suất 500m³/ngày đêm

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai



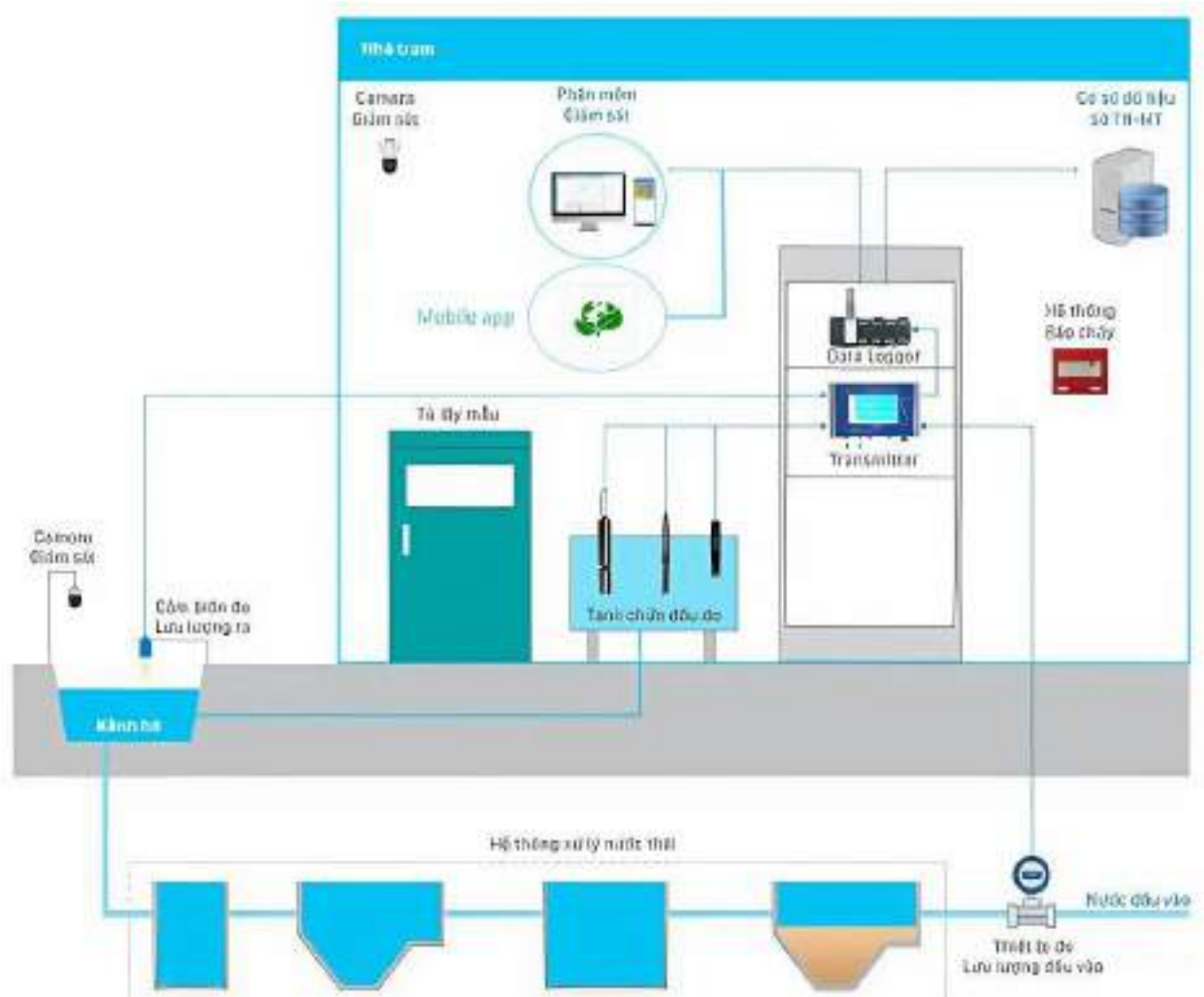
Hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Hải Thành

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

III. CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT HỆ THỐNG QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG LIÊN TỤC NƯỚC THẢI

1.1 Sơ đồ công nghệ trạm Quan trắc tự động:



Sơ đồ trạm Quan trắc tự động

1.2 Một số công trình trạm Quan trắc tự động đã thực hiện:



TT	HỒ SƠ			ĐỊA ĐIỂM
	DỰ ÁN	HẠNG MỤC	C ÔNG TY	
1	Tổ hợp Thương mại, Dịch vụ, Văn phòng và Nhà ở để bán ECO GREEN CITY	Cung cấp thiết bị và lắp đặt hệ thống quan trắc tự động liên tục nước thải	Công ty TNHH Bất động sản và Xây dựng Việt Hưng	Lô đất CT4, CT9 Khu đô thị mới Tây Nam Kim Giang, Thanh Trì, Hà Nội
2	Khu nhà ở Cao tầng - Dịch vụ tại Ô đất CT8	Thi công, cung cấp và lắp đặt hoàn thiện hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục – Tòa nhà The Emerald	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Mỹ Đình	Ô đất CT8, Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
3	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bình Lục	Lắp đặt và vận hành thiết bị giám sát chất lượng nước thải	Công ty Cổ phần Bình Mỹ	Cụm Công nghiệp Bình Lục, Xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam

=====

Xây đắp hiện tại – Vững bền tương lai

PHỤ LỤC

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0105007235

Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 11 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 25 tháng 03 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG THĂNG LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANG LONG CONSTRUCTION & ENVIROMENT TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THANG LONG CONS & ENTECH CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 106, tổ 21, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02435690362

Fax:

Email: cet.thanglong@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 10.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: LÊ TUẤN SƠN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 13/11/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001083001739

Ngày cấp: 18/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 102C Phố Tam Khương, Tổ 32, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 102C Phố Tam Khương, Tổ 32, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ TUẤN SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/11/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001083001739

Ngày cấp: 18/12/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 102C Phố Tam Khương, Tổ 32, Phường Khương Thượng, Quận
Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 102C Phố Tam Khương, Tổ 32, Phường Khương Thượng, Quận
Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trần Hà Thanh

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2017

Số:



248852/17

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: Thành phố Hà Nội
Địa chỉ trụ sở: Nhà B10A - Khu Đô thị Nam Trung Yên, đường Nguyễn Chánh,
Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 04.62820834 - 04.62820835 Fax: 04.38251733
Email: pdccd_sokhdt@hanoi.gov.vn Website: www.hapi.gov.vn

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI
TRƯỜNG THẮNG LONG

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 0105007235

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
2	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: - Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: ô nhiễm không khí và nước... - Kiểm tra âm thanh và chấn động	7120
3	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
4	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
5	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	4669



STT	Tên ngành	Mã ngành
7	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn lập hồ sơ mời thầu (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong xây dựng) - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế kiến trúc công trình - Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử, kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hoá học, dược học, công nghiệp và nhiều hệ thống, kỹ thuật an toàn hoặc những dự án quản lý nước; Chuẩn bị các dự án sử dụng máy điều hoà, tủ lạnh, máy hút bụi và kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm, kỹ thuật âm thanh...	7110
8	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên dụng - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng - Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật	4290
9	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
10	Sản xuất hoá chất cơ bản (Trừ hoá chất Nhà nước cấm)	2011
11	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tổ chức hành nghề trong lĩnh vực tài nguyên nước. (là các tổ chức thực hiện đề án, dự án điều tra cơ bản tài nguyên nước; tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước và tư vấn lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước) - Tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước - Tư vấn môi trường - Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	7490(Chính)
12	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình: máy móc, thiết bị xây dựng	7730
13	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy: máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện), máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	4659
14	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

STT	Tên ngành	Mã ngành
15	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);	6619
16	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
17	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
18	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
19	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
20	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
21	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
22	Lắp đặt hệ thống điện	4321
23	Chuẩn bị mặt bằng	4312
24	Phá dỡ	4311
25	Xây dựng công trình công ích	4220
26	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
27	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
28	Xây dựng nhà các loại	4100
29	Sửa chữa thiết bị điện	3314
30	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội, ngoại thất	7410
31	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
32	(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam



Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng:
0	Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): LÊ TUẤN SƠN Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số 106, tổ 21, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại: 043 5690362 Fax: Email:

SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: HAN-00033420

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1614/QĐ-SXD ngày 19/11/2019 của Sở Xây dựng Hà Nội)

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
THĂNG LONG**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập số: 0105007235

Đăng ký lần đầu: 30/11/2010 Nơi cấp: Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông (Bà): **LÊ TUẤN SƠN**

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ trụ sở chính: Số 106, tổ 21, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 024 3569 0362

Số fax: 024 3569 0362

Email: cet.thanglong@gmail.com

Phạm vi hoạt động xây dựng:

- Lĩnh vực hoạt động: (Lĩnh vực/L loại công trình/Hạng)

Thiết kế, thẩm tra TK/Hạ tầng kỹ thuật/Hạng III

Thi công/Hạ tầng kỹ thuật/Hạng III

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 19/11/2029

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2019



GIÁM ĐỐC

Lê Văn Dục

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



Số: 3337/QĐ-TĐHHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Chứng nhận: Bà **TRỊNH THỊ THU HƯƠNG**

Sinh ngày 13 tháng 12 năm 1992

Đơn vị công tác: Công ty TNHH Xây dựng và

Công nghệ môi trường Thăng Long

Đã hoàn thành chương trình: Bồi dưỡng Nghiệp vụ

tư vấn đánh giá tác động môi trường chiến lược,

đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ

môi trường

Từ ngày 09 tháng 9 năm 2017

Đến ngày 18 tháng 9 năm 2017

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Nguyễn Ngọc Thanh

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



Số: 3337 / QĐ-TĐHHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Chứng nhận: Ông **ĐOÀN QUANG DŨNG**.....

Sinh ngày 24 tháng 8 năm 1991.....

Đơn vị công tác: Công ty TNHH Xây dựng và.....

Công nghệ môi trường Thăng Long.....

Đã hoàn thành chương trình: Bồi dưỡng Nghiệp vụ.....

tư vấn đánh giá tác động môi trường chiến lược.....

đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ.....

môi trường.....

Từ ngày 09 tháng 9 năm 2017.....

Đến ngày 18 tháng 9 năm 2017.....

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2017.....



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Thanh
PGS-TS. Nguyễn Ngọc Thanh

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



Số: 3337 / QĐ-TĐHHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Chứng nhận: Ông **LÊ TUẤN SƠN**

Sinh ngày 13 tháng 11 năm 1983

Đơn vị công tác: Công ty TNHH Xây dựng và

Công nghệ môi trường Thăng Long

Đã hoàn thành chương trình: Bồi dưỡng Nghiệp vụ

tư vấn đánh giá tác động môi trường chiến lược,

đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ

môi trường

Từ ngày 09 tháng 9 năm 2017

Đến ngày 18 tháng 9 năm 2017

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2017



HIỆU TRƯỞNG

Thanh
PGS. TS. Nguyễn Ngọc Thanh

THÔNG TIN CÁ NHÂN



Chữ ký của người
được cấp chứng chỉ

Họ và tên: **Lê Tuấn Sơn**

Ngày tháng năm sinh: **13/11/1983**

Số CMTND (hoặc hộ chiếu): **001083001739**

Cấp ngày: **02/9/2016** tại: **Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Cơ sở đào tạo: **Đại học Hóa-Công nghệ Nga mang tên D.M. Mendeleev**

Hệ đào tạo: **Chính quy**

Trình độ chuyên môn: **Cử nhân kỹ thuật và công nghệ ngành bảo vệ môi trường**

NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Giám sát công tác lắp đặt thiết bị thoát nước công trình xây dựng	III	Từ 08/11/2021 đến 08/11/2026

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2021



Hoàng Cao Thắng

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ

1. Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
3. Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
4. Cấm tẩy xoá, sửa chữa chứng chỉ này.
5. Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: HAN-00123772

Ban hành theo quyết định số: 872/QĐ-SXD ngày 08/11/2021

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ

1. Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
3. Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
4. Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
5. Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: HAN-00123651

Ban hành theo quyết định số: 872/QĐ-SXD ngày 08/11/2021

THÔNG TIN CÁ NHÂN



Chữ ký của người
được cấp chứng chỉ

Họ và tên: **Nguyễn Đức Sơn**

Ngày tháng năm sinh: **14/10/1989**

Số CMTND (hoặc hộ chiếu): **186639249**

Cấp ngày: **25/5/2012** tại: **CA Nghệ An**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Cơ sở đào tạo: **Đại học Nông nghiệp Hà Nội**

Hệ đào tạo: **Chính quy**

Trình độ chuyên môn: **Đại học ngành môi trường**

NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cấp thoát nước công trình xây dựng	III	Từ 08/11/2021 đến 08/11/2026

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2021



Hoàng Cao Thắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Consulting & Training

CHỨNG NHẬN

VIỆN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ESC VIỆT NAM
Management Training Institute ESC Viet Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG NHẬN
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ
CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH



Cấp cho Ông/Bà: **NGUYỄN ĐỨC SON**

Sinh ngày: **14/10/1989**

Nguyên quán: **NGHỆ AN**

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ

Chỉ huy trưởng công trình

Từ ngày **01** tháng **07** đến ngày **03** tháng **07** năm **2021**

Kết quả đạt loại: **Khá**

Hà Nội, ngày **05** tháng **07** năm **2021**

Số: **122/21/CHTCTXD**





РОССИЙСКАЯ ФЕДЕРАЦИЯ

г. Москва
Всероссийский химико-
технологический
университет
имени Д.И. Менделеева

ДИПЛОМ

ДНБ 0039751



Государственный департамент науки и высшего образования

28 июня 2007
г. Москва
А. Н. Шен

ПРИСУЖАЕНА СТЕПЕНЬ
БАКАЛАВРА

технической специальности
направлению:

Экономика организации
среды



Подпись
А. Н. Шен



ДИПЛОМ ВЛАДЕЕТСЯ
ГОСУДАРСТВЕННЫМ ДОКУМЕНТОМ
О ВЫСШЕМ ОБРАЗОВАНИИ

Регистрационный номер: 28 28 июня 2007 г.



BẢO DƯỠNG

LIÊN BANG NGA
Thị trấn phố Moskva

Trường Đại học Hoà - Công nghệ Nga mang tên D.M. Mendeleev

BẰNG TỐT NGHIỆP

DIB 0039751

Theo quyết định của Hội đồng thi quốc gia ngày 28.06.2007

LÊ TUẤN SƠN
được cấp bằng:
CỬ NHÂN

Kỹ thuật và công nghệ
Chuyên ngành "Bảo vệ môi trường"

Chủ tịch Hội đồng thi quốc gia
Hiệu trưởng
(đã ký và đóng dấu)

Số đăng ký 28
Ngày cấp 28 tháng 6 năm 2007

Chứng thực bà Đinh Lan Hương,
CMND số 011093322, cấp ngày 12/4/2001, tại công an
thành phố Hà Nội, đã ký trước mặt tôi.
Số chứng thực: 293 Quyển số: 11 SCTCK
Tại Phòng Tư pháp quận Đống Đa,
Ngày 03 tháng 9 năm 2009



PHÓ THƯỜNG PHONG TƯ PHÁP
Nguyễn Thị Nhung

Tôi, Đinh Lan Hương,
CMND số 011093322, cấp ngày 12/4/2001, tại công an thành phố Hà Nội,
cam đoan đã dịch chính xác phù hợp với nội dung từ bản tiếng Nga đính kèm
sang tiếng Việt.
Ngày 03 tháng 9 năm 2009

Người dịch

Đinh Lan Hương



ДИПЛОМ ВЫДАЕТСЯ
ГОСУДАРСТВЕННЫМ ДОКУМЕНТОМ
О ВЫСШЕМ ОБРАЗОВАНИИ

Регистрационный номер 47 30 июня 2009 г.

РОССИЙСКАЯ ФЕДЕРАЦИЯ
г. Москва
Государственное образовательное
учреждение высшего профессионального
образования
«Российский химико-технологический
университет имени Д.И. Менделеева»

ДИПЛОМ

ДИМ 0018338

Государственный академический химический университет
30 июня 2009 года

Ле Пунг Шон

ПРИСУЖДЕНА СТЕПЕНЬ
МАГИСТРА

технических и технических
направлений:
«Технология переработки нефти и газа»



[Signature]

PLEASE, ATTENTION!

LE TUAN SON

13 November 1983

Previous credential:

Diploma of Bachelor issued in 2007

Admission tests: passed

Entered the State Educational Establishment of Higher Professional Education "D.I. Mendeleev University of Chemical Technology of Russia" in 2007

Graduated from

the State Educational Establishment of Higher Professional Education "D.I. Mendeleev University of Chemical Technology of Russia" in 2009 (full/day time education)

The required duration of the full-time university-level higher education programme is 2 years

Field of study/Specialty: "Chemical engineering and biotechnology" Specialization: Master's program: "Industrial ecology"

Course program

given on the other side

Practical training:

1. Scientific, 4 weeks, passed

Final State Examination:

not provided

Preparation and defense of the diploma thesis on "Purifying of waste water from dyes", 16 weeks, satisfactory

This Diploma gives the right to carry out professional activities in accordance with the level of education and qualifications.

RUSSIAN
FEDERATION



Moscow
The State Educational
Establishment of Higher
Professional Education
"D.I. Mendeleev
University of Chemical
Technology of Russia"

SUPPLEMENT
TO THE DIPLOMA
(Official version in English)

No. **AMM 0018338**

47

(Registration No.)

30 June 2009

(Date of issue) year

By the decision
of the State
Academy
Examination

of 30 June 2009 year

has/she/they defended the

MASTER

of Science
in "Chemical Engineering
and Biotechnology"

Rector

Dean

Secretary



INVALID WITHOUT DIPLOMA

INVALID WITHOUT DIPLOMA



Số hiệu bằng

A 332302

Số vào sổ

192

UBND PHƯỜNG ĐẠI RÍM

Cấp ủy thực

NGA) 2 5-03-2011

Chữ ký của người được cấp bằng

24.03.1985 tại Nghệ Tĩnh

Ngày tháng năm

2009

THƯỜNG

ĐẠI: QU

SÁCH HOA

HÀ NỘI

THƯỜNG

THƯỜNG

THƯỜNG

THƯỜNG

THƯỜNG

THƯỜNG

THƯỜNG

THƯỜNG

THƯỜNG

THƯỜNG

ĐÀN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế và văn bằng học đại học ban hành theo quyết định số 1006/QĐ-ĐH ngày 28-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường Đại học Đà Nẵng Khoa Kỹ thuật cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP

ĐẠI HỌC

"Liên kết đào tạo cho trường ĐH Quy Nhơn"

Loại hình cho tạo CHÍNH QUY

ngành Khoa học và Kỹ thuật Môi trường

hạng Kỹ sư năm tốt nghiệp 2009

và công nhận danh hiệu Kỹ sư

Công nghệ Môi trường

Đoàn Văn Linh, Gia



TRƯỞNG TỊCH

Nguyễn Văn Linh

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

HANOI ARCHITECTURAL UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

Urban Management

Upon: Mr. NGUYEN VAN DOAN

Date of birth: 01 February 1992

Year of graduation: 2015

Degree classification: Good

Mode of study: Full-time

Hanoi, 06 August 2015

Reg. No: 39922

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

cấp

BẰNG KÝ SƯ

Quản lý Xây dựng Đô thị

Cho: Ông NGUYỄN VĂN ĐOÀN

Ngày sinh: 01-02-1992

Năm tốt nghiệp: 2015

Xếp loại tốt nghiệp: Khá

Hình thức đào tạo: Chính quy

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2015



HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: 348091

Số vào sổ cấp bằng: 39922

PGS.VS. Lê Quân

THÔNG TIN CÁ NHÂN



Chữ ký của người
được cấp chứng chỉ

Họ và tên: Nguyễn Văn Đoàn

Ngày tháng năm sinh: 01/2/1992

Số CMTND (hoặc hộ chiếu): 121969906

Cấp ngày: 19/11/2012 tại: CA Bắc Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Cơ sở đào tạo: Đại học Kiến trúc Hà Nội

Hệ đào tạo: Chính quy

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư quản lý xây dựng đô thị

NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật	II	Từ 19/5/2020 đến 19/5/2025

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2020

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Chí Dũng

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ

- Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
- Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
- Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
- Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: HAN-00088803

Ban hành theo quyết định số: 412/QĐ-SXD ngày 19/5/2020

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

PRESIDENT

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY OF AGRICULTURE

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR

Major: Environment

Upon: Ms. NGUYEN THI THUY
Date of birth: 14 October 1992
Year of graduation: 2014
Degree classification: Very good
Mode of study: Full-time

Reg. No: 1383

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Vành: Môi trường

Cho: Bà NGUYỄN THỊ THUY
Ngày sinh: 14/10/1992
Năm tốt nghiệp: 2014
Xếp loại tốt nghiệp: Giỏi
Hình thức đào tạo: Chính quy

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2014

GIÁM ĐỐC



Số hiệu: 116219

Số vào sổ cấp bằng: 1383

GS.TS. Trần Đức Viên

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI

RECTOR
VNU University of Science

Confers

THE DEGREE OF MASTER

In: *Environmental Sciences*

Upon: *Ms. Nguyen Thi Thuy*

Date of birth: *14 October 1991*

Place of birth: *Nam Dinh*



Award holder's signature

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

HIỆU TRƯỞNG
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

Cấp

BẰNG THẠC SĨ

Ngành: *Khoa học môi trường*

Cho: *Bà Nguyễn Thị Thuy*

Sinh ngày: *14/10/1991* Tại: *Nam Định*

Hà Nội, ngày *10 tháng 04 năm 2018*

HIỆU TRƯỞNG



GD công nhân học vị và cấp bằng số: *02180-000170* ngày *02/04/2018*
Số vào sổ: *02180VTN* Số hiệu bằng: *01 032866*

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI

RECTOR
VNU University of Science

Awards

THE DEGREE OF BACHELOR

In: *Geotechnics - Geoenvironment*

Program: *Full-Time* Grade: *Pass*

To: *Đoàn Quang Dũng*

Date of birth: *24 August 1991*

Place of birth: *Thái Nguyên*



photo 3x4

Award holder's signature

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

HIỆU TRƯỞNG

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

Cấp

BẰNG CỬ NHÂN

Ngành: *Địa kỹ thuật - Địa môi trường*

Hệ: *Cấp đại học* Hạng: *Trung bình*

Cho: *Đoàn Quang Dũng*

Sinh ngày: *24/08/1991* Tại: *Thái Nguyên*

Hà Nội, ngày *02* tháng *02* năm *2015*

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Nội

QĐ công nhận tốt nghiệp số: *003/QĐ-B-ĐT* ngày *30/12/2014*

Số vào sổ: *C00101/15* Số hiệu bằng: *0C 121396*

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE RECTOR
OF THE UNIVERSITY OF TRANSPORT AND COMMUNICATIONS

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

In Environmental Engineering

Upon: *Ms. Vu Thi Nga*

Date of birth: 17 November 1996 In: *Bac Ninh*

Year of graduation: 2018

Degree classification: *Good*

Mode of study: *Full-time*

Hanoi, 19 June 2018

Serial number: **D 000889**

Reg. No: 702/K55

1236/QĐ-ĐHGTVT ngày 19 tháng 06 năm 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

cấp

BẰNG KỸ SƯ

Kỹ thuật môi trường

Cho: *Bà Vũ Thị Nga*

Ngày sinh: 17/11/1996 Tại: *Bắc Ninh*

Năm tốt nghiệp: 2018

Xếp loại tốt nghiệp: *Khá*

Hình thức đào tạo: *Chính quy*

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: **D 000889**

Số vào sổ cấp bằng: 702/K55

Phạm Nguyễn Ngọc Long

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN

Số: 0110/2021/YM-TL

- Về việc:** Lập báo cáo đánh giá tác động Môi trường
- Dự án:** Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 05
- Địa điểm:** Xã Xuân Trúc, xã Quảng Lăng-huyện Ân Thi và xã Nghĩa Dân-huyện Kim Động; tỉnh Hưng Yên

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật xây dựng số: 50/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số: 55/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/6/2014; Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu số: 43/2013/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 6 ngày 26/11/2013 và có hiệu lực thi hành từ 01/7/2014;

Căn cứ Nghị định số: 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính Phủ về hướng dẫn thi hành luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo luật xây dựng;

Căn cứ Nghị định số: 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số: 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 quy định về quản lý khu công nghiệp và Khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ quy định về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số: 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số: 47/2016/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2016 quy định về mức lương cơ sở đối với cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Căn cứ Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường quy định về Quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ vào các kết quả thương thảo hợp đồng giữa hai bên;

Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 01 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Yên Mỹ, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP YÊN MỸ

Đại diện: **Bà Lê Thị Kim Hưng**

Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: **Số 30-32 phố Hòa Mã, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**

Điện thoại: **024.22113379**

Email: **vanphong.yenmyjsc@gmail.com**

Tài khoản số: **21610000627535 tại Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Đồng Đa, TP Hà Nội.**

Mã số thuế: **0108905251**

BÊN B: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG THĂNG LONG

Đại diện: Ông Lê Tuấn Sơn
Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ: Số 106, tổ 21, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
VPGD: Số 11, ngách 28/10, ngõ 28 Nguyễn Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.
Điện thoại: 024. 35690362 Fax: 024. 35690362
Tài khoản số: 01711 1311 8888, tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thanh Xuân.
Mã số thuế: 0105007235

Sau khi thỏa thuận Hai Bên đồng ý ký kết hợp đồng này ("**Hợp Đồng**") với các điều kiện và điều khoản sau:

Các Bên cùng thống nhất thỏa thuận như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

- 1.1 "Bên A" là Công ty Cổ phần Đầu tư khu công nghiệp Yên Mỹ
- 1.2 "Chủ đầu tư", Công ty Cổ phần Đầu tư khu công nghiệp Yên Mỹ đồng thời là "Bên A".
- 1.3 "Đại diện Nhà thầu" là Công ty TNHH Xây dựng và Công nghệ môi trường Thăng Long, còn được gọi là "Bên B"
- 1.4 "Dự án" là: Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 05.
- 1.5 "Bên" là Bên A hoặc Bên B tùy theo ngữ cảnh.
- 1.6 "Bất khả kháng" được định nghĩa tại Điều 14- Bất Khả kháng.
- 1.7 "Luật" là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn có liên quan.
- 1.8 "Văn bản chấp thuận" là sự chấp thuận chính thức của Bên A về bất kỳ ghi nhớ hoặc thỏa thuận nào giữa hai bên trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- 1.9 "Công việc" được hiểu là các dịch vụ do Bên B thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.
- 1.10 Báo cáo đánh giá tác động môi trường là: Báo cáo ĐTM

Điều 2. Các công việc của hợp đồng

❖ Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện các công việc nêu sau đây:

1. Đánh giá tác động môi trường:

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện việc tổ chức lập, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “**Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 05**” tại xã Xuân Trúc, xã Quảng Lăng, huyện Ân Thi; xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động; tỉnh Hưng Yên.

Khối lượng công việc thực hiện bao gồm các nội dung chính sau:

- + Lập đề cương, điều tra, thu thập tài liệu và số liệu.
- + Khảo sát thực địa, đo đạc lấy mẫu và phân tích mẫu (đất, nước, không khí...).
- + Tham vấn ý kiến cộng đồng tại các xã đang quản lý khu đất của dự án.
- + Lập hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nói trên.
- + Đăng ký trình thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường với cơ quan chức năng.
- + Chịu trách nhiệm bảo vệ, giải trình Báo cáo ĐTM với Bên A và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thẩm định, phê duyệt đến khi báo cáo ĐTM được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Chất lượng sản phẩm và số lượng sản phẩm bàn giao

- ❖ Chất lượng công việc do Bên B thực hiện phải đáp ứng được các yêu cầu của Bên A, phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước và các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm hiện hành. Thực hiện đầy đủ những công việc được ghi trong Hợp đồng này.
- ❖ *Sản phẩm bàn giao cho Bên A:* Bên B có trách nhiệm bàn giao cho Bên A các sản phẩm sau đây:
 - + 05 bộ Hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 05 (Bản chính).
 - + Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 05 do cơ quan có thẩm quyền cấp (Bản chính).

Điều 4. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 110 (một trăm mười ngày) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Bên A đã tạm ứng và cung cấp thông tin, bàn giao tài liệu thuộc Dự án như nêu tại Phụ lục 3 Hợp đồng cho Bên B. Thời gian trên không bao gồm thời gian nghỉ lễ, tết và các trường hợp bất khả kháng.

Chi tiết tiến độ thực hiện hợp đồng như nêu tại Phụ lục 02 Hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có trường hợp bất khả kháng làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng, Bên B sẽ lập tức thông báo đến Bên A để hai bên phối hợp giải quyết.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

❖ Giá trị hợp đồng: **605.317.183 đồng**, đã bao gồm thuế GTGT (10%)

(Bằng chữ: Sáu trăm linh năm triệu, ba trăm mười bảy nghìn, một trăm tám mươi ba đồng).

+ Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

+ Giá Hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo Hợp đồng, lợi nhuận của Bên B và tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật. Và đã bao gồm phí thẩm định theo Thông tư 56/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan Trung ương thực hiện thẩm định.

+ Chi tiết giá hợp đồng theo Phụ lục 01 Hợp đồng

❖ Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

Điều 6. Tạm ứng và thanh toán hợp đồng

❖ **Tạm ứng:** Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 30% giá trị của hợp đồng trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc sau khi hợp đồng có hiệu lực và Bên A nhận được văn bản đề nghị tạm ứng hợp lệ của Bên B.

❖ **Thanh toán hợp đồng:** Hợp đồng sẽ được thanh toán thành các đợt như sau:

+ **Đợt 1:** Sau khi bên B hoàn thành Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án, có quyết định tổ chức hội đồng thẩm định do cơ quan chức năng ban hành, Bên A thanh toán 70% giá trị hợp đồng (khấu trừ toàn bộ giá trị tạm ứng) trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B được Bên A xác nhận và Bên B xuất Hóa đơn GTGT cho Bên A.

+ **Đợt 2:** Sau khi Bên B hoàn thành và bàn giao sản phẩm theo như Điều 2, Điều 3 và Báo cáo ĐTM của Dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, Bên A sẽ thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng cho Bên B trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi hồ sơ đề nghị thanh toán cùng hoá đơn GTGT hợp lệ của Bên B được Bên A chấp thuận.

Điều 7. Nghiệm thu thanh toán, thanh lý hợp đồng

- ❖ Nghiệm thu thanh toán: Bên A nghiệm thu thanh toán cho Bên B trên cơ sở khối lượng, chất lượng của hồ sơ giao nộp theo như Điều 2 và Điều 3 của hợp đồng.
- ❖ Thanh lý hợp đồng: Ngay khi Báo cáo ĐTM được phê duyệt hai bên sẽ tiến hành ký biên bản thanh lý hợp đồng.

Điều 8. Trách nhiệm của các bên:

❖ Bên A:

- + Cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Bên B theo quy định.
- + Tạo điều kiện thuận lợi về các thủ tục liên quan cho Bên B và cùng tham gia quá trình lấy ý kiến tham vấn cộng đồng với Bên B theo điều 2 của hợp đồng.
- + Thanh toán toàn bộ kinh phí thực hiện hợp đồng cho Bên B theo hợp đồng đã ký kết.

❖ Bên B:

- + Thực hiện đúng nội dung tại điều 2, 3, 4 của hợp đồng.
- + Triển khai công việc theo đúng quy trình, yêu cầu kỹ thuật đã đề ra.
- + Chịu trách nhiệm về sản phẩm mình bàn giao cho bên A. Nếu Bên B khảo sát, lập dự toán, hồ sơ ĐTM sai khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra phát hiện thì Bên B phải đền bù thiệt hại đúng bằng thiệt hại do cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định và Bên B phải điều chỉnh, bổ sung để hoàn thành Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- + Hoàn thành toàn bộ sản phẩm như điều 2 của hợp đồng.

Điều 9. Bảo hiểm

Trong quá trình thực hiện thi công xây dựng công trình, Bên B có trách nhiệm mua các bảo hiểm liên quan đến công việc theo qui định của Pháp luật.

Điều 10. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

- ❖ Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.
- ❖ Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết thông qua hòa giải, Trọng tài thương mại hoặc Tòa án giải quyết theo qui định của Pháp luật.

- ❖ Các chi phí về kiểm tra giám định và lệ phí trọng tài do bên có lỗi chịu.
- ❖ Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 11. Bất khả kháng

11.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như: động đất, bão, lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- ❖ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- ❖ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 03 ngày sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

11.2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 12. Tạm dừng, chấm dứt hợp đồng, tịch thu bảo lãnh, gia hạn bảo lãnh:

12.1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- ❖ Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra.
- ❖ Do xảy ra các trường hợp bất khả kháng.
- ❖ Trường hợp do hai bên tự thỏa thuận.
- ❖ Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng nhau bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký. Trường hợp bên tạm dừng không thông báo cho bên kia mà đơn phương tạm dừng và gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên bị thiệt hại.
- ❖ Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thỏa thuận để khắc phục.

12.2. Chấm dứt hợp đồng:

- ❖ *Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A:* Bên A có thể chấm dứt Hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên B tối thiểu là 10 (mười) ngày làm việc trong các trường hợp sau đây:
 - ❖ Trong vòng 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày Bên A thông báo cho Bên B các sai sót hoặc chậm trễ của Bên B (do lỗi của Bên B) trong việc thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng mà Bên B không có biện pháp khắc phục, sửa chữa có hiệu quả hoặc cố tình không sửa chữa sai sót.
 - ❖ Bên B bỏ dở công việc hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.
 - ❖ Bên B không có lý do chính đáng mà lại không tiếp tục thực hiện công việc theo tiến độ thực hiện hợp đồng.
 - ❖ Bên B giao thầu phụ hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A.
 - ❖ Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.
 - ❖ Sau khi chấm dứt hợp đồng, Bên A có quyền tiếp tục hoàn thành công trình và/hoặc sắp đặt, lựa chọn nhà thầu khác tiếp tục thực hiện công việc. Nếu hợp đồng chấm dứt trong trường hợp quy định trên thì hai bên sẽ nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành; Bên B phải hoàn trả lại số tiền Bên A đã tạm ứng cho Bên B mà Bên B chưa hoàn thành theo biên bản nghiệm thu khối lượng công việc nói trên trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt.
- ❖ *Chấm dứt hợp đồng bởi Bên B:* Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên A tối thiểu là 10 (mười) ngày làm việc trong các trường hợp sau đây:
 - ❖ Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Bên B không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 15 (mười lăm) ngày làm việc.
 - ❖ Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với Chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự

kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

- ❖ Khi chấm dứt hợp đồng, các quyền và nghĩa vụ của các Bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.
- ❖ Khi một trong hai Bên chấm dứt Hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Bên B sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.
- ❖ Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng:

Việc thanh toán thực hiện theo Điều 5, 6 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực được bên A xác nhận (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác...).

12.3. Tịch thu bảo lãnh và gia hạn bảo lãnh :

Việc tịch thu bảo lãnh được Bên A thực hiện khi Bên B vi phạm các điều khoản của hợp đồng. Bên A sẽ gửi công văn tới Ngân hàng phát hành trả ngay cho Bên A số tiền tương ứng với giá trị bảo lãnh

Điều 13. Điều khoản chung

- ❖ Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ những điều đã ghi trong hợp đồng.
- ❖ Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề phát sinh hai bên cùng nhau giải quyết trên tinh thần hợp tác, thiện chí, nếu không giải quyết được sẽ đưa đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.
- ❖ Hợp đồng này có 09 (chín) trang được lập thành 08 (tám) bản, Bên A giữ 06 (sáu) bản Bên B giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.
- ❖ Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Lê Thị Kim Hương

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Th.S. Lê Tuấn Sơn

PHỤ LỤC SỐ 01

ĐƠN GIÁ CHI TIẾT CỦA HỢP ĐỒNG

STT	Nội dung công việc	Nhân lực thực hiện	Số lượng (công)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
I	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường				340.576.923
1	Điều tra, thu thập tài liệu và khảo sát về khu vực thực hiện dự án	Chuyên gia 2	15	653.846	9.807.692
2	Khái quát chung về thông tin của dự án	Chuyên gia 2	15	653.846	9.807.692
3	Chuyên đề về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội tại khu vực triển khai dự án	Chuyên gia 2	15	653.846	9.807.692
4	Đánh giá tác động do các nguồn chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng	Chuyên gia 2	22	653.846	14.384.615
5	Đánh giá tác động do nguồn không liên quan đến chất thải (tiếng ồn, độ rung, giao thông ...) trong giai đoạn thi công xây dựng	Chuyên gia 2	22	653.846	14.384.615
6	Đánh giá tác động của rủi ro, sự cố trong giai đoạn thi công xây dựng	Chuyên gia 2	22	653.846	14.384.615
7	Đánh giá tác động đến môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm	Chuyên gia 2	22	653.846	14.384.615
8	Đề xuất các biện pháp giảm thiểu tác động trong giai đoạn vận hành thử nghiệm	Chuyên gia 1	22	961.538	21.153.846
9	Đánh giá tác động do các nguồn chất thải trong giai đoạn vận hành	Chuyên gia 2	22	653.846	14.384.615
10	Đánh giá tác động do nguồn không liên quan đến chất thải trong giai đoạn vận hành	Chuyên gia 2	22	653.846	14.384.615
11	Đánh giá tác động của rủi ro, sự cố trong giai đoạn vận hành	Chuyên gia 2	22	653.846	14.384.615

STT	Nội dung công việc	Nhân lực thực hiện	Số lượng (công)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
12	Đề xuất biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động do chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng	Chuyên gia 1	22	961.538	21.153.846
13	Đề xuất biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng	Chuyên gia 1	22	961.538	21.153.846
14	Đề xuất biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của rủi ro, sự cố trong giai đoạn thi công xây dựng	Chuyên gia 1	22	961.538	21.153.846
15	Đề xuất biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của do chất thải trong giai đoạn vận hành	Chuyên gia 1	22	961.538	21.153.846
16	Đề xuất biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải trong giai đoạn vận hành	Chuyên gia 1	22	961.538	21.153.846
17	Đề xuất biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của rủi ro, sự cố trong giai đoạn vận hành	Chuyên gia 1	22	961.538	21.153.846
18	Xây dựng chương trình quản lý, giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án	Chuyên gia 2	22	653.846	14.384.615
19	Xây dựng chương trình quản lý, giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm	Chuyên gia 2	22	653.846	14.384.615
20	Xây dựng chương trình quản lý, giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành dự án	Chuyên gia 2	22	653.846	14.384.615

STT	Nội dung công việc	Nhân lực thực hiện	Số lượng (công)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
21	Xây dựng báo cáo tổng hợp	Chuyên gia 1	20	961.538	19.230.769
II	Quan trắc môi trường, tham vấn và nộp hồ sơ				201.711.425
II.1	Lấy mẫu, phân tích môi trường				115.711.425
1	Phân tích môi trường không khí xung quanh	mẫu	24	1.286.855	30.884.520
2	Phân tích môi trường đất	mẫu	12	2.772.327	33.267.924
3	Phân tích môi trường nước mặt	mẫu	3	15.586.327	46.758.981
4	Thuê xe đi lấy mẫu	chuyến	3	1.000.000	3.000.000
5	Nhân công thực hiện lấy mẫu	công	6	300.000	1.800.000
II.2	Tham vấn ý kiến cộng đồng (3 xã)	xã	3	5.000.000	15.000.000
II.3	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	hồ sơ	1	71.000.000	71.000.000
III	Chi phí khác				8.000.000
1	Chi phí thuê xe thẩm định, thực hiện hồ sơ	trọn gói	1	4.000.000	4.000.000
2	Chi phí in ấn, đóng quyển, VPP, scan báo cáo	trọn gói	1	4.000.000	4.000.000
	Tổng giá trị trước thuế	A			550.288.348
	Thuế VAT 10%	B = A * 10%			55.028.835
	Tổng giá trị sau thuế	C = A+B			605.317.183

PHỤ LỤC SỐ 02
TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Tiến độ (ngày)
1	Khảo sát thực tế và lấy mẫu phân tích môi trường nền	3
2	Phân tích và trả kết quả quan trắc môi trường nền	15
3	Tổng hợp thông tin, viết báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp	10
4	Tham vấn cộng đồng dân cư	10
5	Ra văn bản trả lời tham vấn cộng đồng của UBND huyện	5
6	Ký, đóng dấu hồ sơ và nộp hồ sơ lên Bộ Tài nguyên và Môi trường	2
7	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định	5
8	Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định thực tế dự án	10
9	Đơn vị tư vấn chỉnh sửa bổ sung báo cáo sau thẩm định thực tế	10
10	Họp hội đồng thẩm định	10
11	Đơn vị tư vấn phối hợp với cán bộ thụ lý chỉnh sửa báo cáo và trình lãnh đạo Vụ thẩm định	15
12	Trình Lãnh đạo Tổng cục Môi trường và Bộ Tài nguyên và Môi trường ký quyết định	15
	Tổng	110

PHỤ LỤC SỐ 03

DANH MỤC CÁC GIẤY TỜ CẦN CUNG CẤP

TT	Tên tài liệu	Số lượng	Dạng tài liệu
I	Căn cứ pháp lý		
1.	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Trường hợp liên danh, cung cấp tất cả giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tất cả các bên liên quan)	01	Công chứng
2.	- Quyết định giao đất hoặc các VB pháp lý có liên quan đến diện tích đất lập dự án - Cung cấp văn bản liên quan đến việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất	01	Công chứng
3.	Các văn bản liên quan đến dự án: - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư - Giấy Chứng nhận đầu tư - Phê duyệt quy hoạch 1/500 (có thể bổ sung trong quá trình đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM, trước khi nộp hồ sơ ĐTM tại bộ phận 1 cửa)	01	Sao y
II	Thông tin dự án		
4.	- Đề xuất dự án (bao gồm báo cáo đánh giá sơ bộ tác động môi trường) - Bổ sung thuyết minh tổng hợp quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 (chi tiết quy mô các hạng mục công trình của dự án, quy mô từng hạng mục công trình) - Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu sử dụng trong giai đoạn thi công xây dựng; giai đoạn hoạt động (cung cấp dự toán nếu có) - Danh mục máy móc, thiết bị dự kiến sẽ sử dụng cho quá trình thi công xây dựng, quá trình hoạt động (tên thiết bị, đặc tính kỹ thuật, số lượng, tình trạng (mới 100% hay bao nhiêu %), xuất xứ (nếu có) - Khối lượng giải phóng mặt bằng (tính toán cụ thể từng hạng mục phát sinh) - Khối lượng đất đào, đắp san nền của dự án (tính toán cụ thể từng hạng mục phát sinh)	01	- File/Photo
5.	- Các bản vẽ quy hoạch/thiết kế: + Bản vẽ hiện trạng khu đất;	01	Photo/file Autocad

TT	Tên tài liệu	Số lượng	Dạng tài liệu
	+ Mặt bằng tổng thể QH 1/500; + Mặt bằng sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, phối cảnh; + Tổng hợp khối lượng san nền; + Chuẩn bị kỹ thuật; + Các bản vẽ quy hoạch: giao thông, cấp nước, thoát nước thải, thoát nước mưa, cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc...		
6.	Hồ sơ thiết kế hệ thống xử lý nước thải, khí thải (nếu có): + Mặt bằng định vị hệ thống xử lý nước thải, khí thải; + Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải, khí thải; + Thuyết minh công nghệ xử lý nước thải, khí thải; + Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng của hệ thống xử lý nước thải, khí thải; + Bản vẽ thiết kế hệ thống xử lý nước thải, khí thải. (Trong trường hợp Chủ đầu tư không có hồ sơ thì Công ty Thăng Long sẽ đề xuất để đưa vào báo cáo)	01	Photo/file Autocad
7.	Hợp đồng nguyên tắc đổ thải ký với đơn vị có năng lực, kinh nghiệm vận chuyển đất thải, đất hữu cơ, đất mặt, phế thải đến nơi tập kết theo yêu cầu (Có thể bổ sung trong quá trình thẩm định hồ sơ)	01	Photo
8.	Hợp đồng/thỏa thuận cấp điện, cấp nước	01	Photo
9.	Thỏa thuận về hướng thoát nước thải Vấn bản cung cấp số liệu hạ tầng (xác định hướng thoát nước)		
10.	Giấy giới thiệu	04	

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN

(Số 1407/HDKT/TL-VX/2022)

V/v: Lập hồ sơ xin cấp phép khai thác nước cho

Công ty TNHH Nước Giải Khát Vạn Xuân

- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 của Quốc Hội ngày 21/6/2012;
- Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi thành một số điều của Luật tài nguyên nước;
- Căn cứ vào Quyết định số 8430/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn Thành phố Hà Nội;
- Căn cứ vào Thông tư 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 quy định về việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;
- Căn cứ vào Thông tư 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;
- Căn cứ vào nhu cầu của Bên A và khả năng chuyên môn của Bên B.

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2022

Chúng tôi gồm:

Bên A : CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT VẠN XUÂN

Đại diện : Ông Phạm Thanh Hà

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Địa chỉ : Thôn Phú Nhi, Xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, Thành Phố Hà Nội

Điện thoại : 024.35258686

Mã số thuế : 2500229810

Tài khoản : 117000112356

Tại ngân hàng : Ngân hàng Công Thương – Chi nhánh Phúc Yên

**Bên B : CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
THĂNG LONG**

Đại diện : Ông Lê Tuấn Sơn

Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : Số 106, tổ 21, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**VPGD : Số 11 ngách 28/10, ngõ 28 Nguyễn Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống
Đa, TP Hà Nội.**



Điện thoại : 024. 35690362
Mã số thuế : 0105007235
Tài khoản : 01711 1311 8888
Tại ngân hàng : Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thanh Xuân.

Sau khi trao đổi bàn bạc, hai bên thỏa thuận và thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản cụ thể như sau.

Điều 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

- Bên A thuê Bên B thực hiện công việc: Lập hồ sơ xin cấp phép khai thác nước cho Công ty TNHH Nước Giải Khát Vạn Xuân
- Sản phẩm hoàn thành bao gồm:
 - + 01 Giấy phép khai thác nước.

Điều 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm VAT 8%): 237,844,922 VNĐ

(Bằng chữ: Hai trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm bốn mươi tư nghìn, chín trăm hai mươi hai đồng./.)

Ghi chú:

- Thuế suất thuế GTGT sẽ căn cứ theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xuất hóa đơn

- Giá trên chưa bao gồm phí thẩm định hồ sơ theo quy định của cơ quan Nhà nước

2.2 Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản VNĐ làm 03 lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Bên A tạm ứng cho Bên B 40% giá trị Hợp đồng (đã bao gồm thuế VAT) ngay sau khi Hợp đồng được ký kết.

- Lần 2: Bên A thanh toán tiếp cho bên B 40% giá trị Hợp đồng ngay sau khi nhận được hồ sơ trình ký từ bên B, bên B sẽ gửi Giấy tiếp nhận hồ sơ (bản photo) cho bên A ngay sau khi nhận được tiền thanh toán lần 2.

- Lần 3: Bên B sẽ bàn giao toàn bộ sản phẩm (bản gốc) theo Điều 1 cho bên A ngay sau khi Bên A thanh toán nốt 20% giá trị Hợp đồng còn lại (đã bao gồm thuế VAT) cho bên B.

Điều 3: ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

3.1 Địa điểm thực hiện Hợp đồng:

Hợp đồng được thực hiện tại : Thôn Phú Nhi, Xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, Thành Phố Hà Nội

3.2 Thời gian thực hiện Hợp đồng:

- Thời gian thực hiện Hợp đồng: Trong vòng 90 ngày làm việc (Không tính Thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày nghỉ lễ, thiên tai, bệnh dịch... theo quy định của Nhà nước) tính từ khi Bên A tạm ứng cho Bên B theo Điều 2 của Hợp đồng này và cung cấp đầy đủ giấy tờ cho Bên B theo Công văn yêu cầu cung cấp giấy tờ bên B đã gửi.

Điều 4: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN

4.1 Trách nhiệm của Bên A:

- Cung cấp đầy đủ tài liệu cho Bên B theo Công văn yêu cầu cung cấp giấy tờ bên B đã gửi.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi và hỗ trợ bên B thực hiện tốt Hợp đồng.

- Thanh toán kinh phí đúng hạn cho Bên B theo Điều 2 của Hợp đồng này.

4.2 Trách nhiệm của Bên B:

- Tư vấn và hướng dẫn cho Bên A chuẩn bị hồ sơ đầy đủ.

- Thực hiện đúng nội dung công việc như Điều 1.

Điều 5: TẠM NGỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI BÊN A VÀ BÊN B:

5.1 Bên A, bên B được quyền tạm ngừng hợp đồng trong các trường hợp sau:

+ Do lỗi của bên A hoặc bên B gây ra.

+ Các trường hợp bất khả kháng.

+ Các trường hợp khác do hai bên thương thảo.

- Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết. Trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà việc tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

- Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

5.2 Chấm dứt hợp đồng bởi bên A, bên B:

- Nếu sau thời hạn thanh toán đã quy định trong hợp đồng kể từ khi bên A nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ mà bên A không thanh toán cho bên B thì bên B có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng và đề nghị bên A thanh toán giá trị đã thực hiện theo quy định trong hợp đồng.

- Nếu bên B tự chấm dứt hợp đồng mà không được sự đồng ý của bên A bằng văn bản, thì bên A không chịu trách nhiệm thanh toán các công việc đã và đang triển khai dở dang cho bên B. Đồng thời bên B phải hoàn trả số tiền mà bên A đã tạm ứng (nếu có) kể cả gốc lẫn lãi theo lãi suất tín dụng ngắn hạn.

- Nếu bên A tự ý chấm dứt hợp đồng này mà không phải do lỗi của bên B, thì bên A phải thanh toán cho bên B toàn bộ các chi phí và thiệt hại liên quan đến việc thực hiện hợp đồng này.

- Trước khi chấm dứt hợp đồng tư vấn, các bên phải thông báo cho bên kia trước một khoảng thời gian nhất định do các bên tự thoả thuận, nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên chấm dứt hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

Khi hợp đồng bị chấm dứt, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị chấm dứt và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền có liên quan.

Điều 6: CAM KẾT CHUNG

6.1 Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản ghi trong hợp đồng.

6.2 Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có gì trở ngại hai bên sẽ cùng gặp gỡ bàn bạc để nỗ lực giải quyết hoặc trao đổi bằng văn bản cụ thể.

6.3 Trong trường hợp không giải quyết được bằng thỏa thuận thì quyết định của Tòa án Kinh tế Hà Nội là quyết định cuối cùng và bên vi phạm phải chịu toàn bộ các chi phí liên quan.

6.4 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng được ký kết.

6.5 Phạt vi phạm hợp đồng:

- Nếu một trong hai bên không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm ghi trong hợp đồng này dẫn đến thiệt hại về kinh tế cho bên kia thì phải bồi thường toàn bộ các giá trị thiệt hại đó.

- Nếu bên B triển khai chậm tiến độ như đã chấp nhận, bên A được quyền không thanh toán cho bên B: 0,1% giá hợp đồng với mỗi ngày chậm tiến độ mà không có lý do chính đáng được bên A chấp nhận. Tổng số tiền phạt chậm tiến độ không quá 5% giá hợp đồng.

- Trường hợp bên A chậm thanh toán cho bên B, bên B có quyền phạt số tiền được tính bằng 0,1% giá hợp đồng với mỗi ngày chậm tiến độ. Tổng số tiền phạt chậm tiến độ không quá 5% giá hợp đồng.

6.6 Hợp đồng hết hiệu lực sau khi bên A và bên B hoàn thành hết nghĩa vụ theo Điều 4 của hợp đồng này.

6.7 Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên lưu 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Tổng Giám đốc
Phạm Văn Tuấn

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
ThS. Lê Tuấn Sơn

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo Hợp đồng số 1407/HDKT/TL-VX/2022 ký ngày 14 tháng 07 năm 2022)

TT	Nội dung công việc	Nhân lực thực hiện	Số lượng (công)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
I	Tổng quan về điều kiện địa lý tự nhiên, kinh tế, xã hội khu vực				7,961,538
1	Điều tra thông tin, số liệu về vị trí hành chính, tọa độ các điểm góc	Chuyên gia 3	3	346,154	1,038,462
2	Tổng hợp số liệu khí tượng, thủy văn khu vực và đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố này đến việc hình thành trữ lượng, chất lượng nước của nguồn nước dưới đất trong khu vực thăm dò	Chuyên gia 3	5	346,154	1,730,769
3	Khảo sát đặc điểm phân bố dân cư, mật độ dân số và các yếu tố khác có liên quan đến hoạt động khai thác nước, sử dụng nước để cấp nước sinh hoạt tại khu vực thăm dò	Chuyên gia 3	5	346,154	1,730,769
4	Khảo sát các công trình khai thác nước ngầm xung quanh khu vực khai thác và thống kê, tổng hợp các nguồn thải chủ yếu (bãi rác, các nguồn nước mặt, kho chứa hóa chất...) trong khu vực khai thác	Chuyên gia 3	5	346,154	1,730,769
5	Khảo sát các hoạt động kinh doanh, sản xuất, dịch vụ tại khu vực thăm dò và tình hình khai thác, sử dụng nguồn nước phục vụ các hoạt động đó	Chuyên gia 3	5	346,154	1,730,769
II	Đánh giá thi công các hạng mục thăm dò				8,076,923
1	Thuyết minh mô tả nội dung, phương pháp, thời gian, trình tự thực hiện, kết quả thi công từng hạng mục	Chuyên gia 2	5	538,462	2,692,308
2	Đánh giá việc tuân thủ các tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật và mức độ hoàn thành về nội dung, khối lượng, chất lượng từng hạng mục thăm dò	Chuyên gia 2	5	538,462	2,692,308

TT	Nội dung công việc	Nhân lực thực hiện	Số lượng (công)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
3	Tổng hợp, đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu thăm dò	Chuyên gia 2	5	538,462	2,692,308
III	Đặc điểm nguồn nước dưới đất khu vực thăm dò				48,461,538
1	Thống kê, tổng hợp, đánh giá thông tin, số liệu được cập nhật, bổ sung về đặc điểm nguồn nước dưới đất sau khi thực hiện thăm dò	Chuyên gia 2	5	538,462	2,692,308
2	Mô tả các đặc điểm, đặc trưng của tầng chứa nước trong phạm vi vùng ảnh hưởng của công trình	Chuyên gia 2	5	538,462	2,692,308
3	Mô tả địa tầng, khoảng chiều sâu phân bố và thành phần từng lớp đất đá tại các giếng khoan thăm dò	Chuyên gia 2	5	538,462	2,692,308
4	Mô tả đặc điểm lớp thấm nước yếu, cách nước trong khu vực thăm dò	Chuyên gia 2	5	538,462	2,692,308
5	Mô tả đặc điểm, đặc trưng về chất lượng nước dưới đất khu vực thăm dò, tình hình ô nhiễm, xâm nhập mặn của các tầng chứa nước	Chuyên gia 2	5	538,462	2,692,308
6	Sơ đồ bố trí công trình	Chuyên gia 2	5	538,462	2,692,308
7	Bản vẽ kết cấu giếng khoan	Chuyên gia 2	5	538,462	2,692,308
8	Sơ đồ địa chất thủy văn	Chuyên gia 2	5	538,462	2,692,308
9	Tổng hợp, đánh giá chất lượng nước ngầm qua các năm từ khi có giấy phép tới khi xin gia hạn giấy phép khai thác	Chuyên gia 2	5	538,462	2,692,308
10	Tổng hợp, thống kê mực nước tĩnh, mực nước động, lưu lượng khai thác từ khi có giấy phép tới khi xin gia hạn giấy phép khai thác	Chuyên gia 2	5	538,462	2,692,308
11	Đánh giá chất lượng nước của tầng chứa nước dự kiến khai thác	Chuyên gia 2	5	538,462	2,692,308
12	Đánh giá cân bằng nước	Chuyên gia 2	5	538,462	2,692,308

TT	Nội dung công việc	Nhân lực thực hiện	Số lượng (công)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
13	Thống kê, tổng hợp các công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất hiện có trong khu vực thăm dò	Chuyên gia 2	10	538,462	5,384,615
14	Đánh giá hệ thống xử lý nước ngầm	Chuyên gia 2	10	538,462	5,384,615
15	Đánh giá tổng hợp các công trình bảo hộ vệ sinh tại khu vực khai thác	Chuyên gia 2	10	538,462	5,384,615
IV	Sơ đồ khai thác và tính toán trữ lượng				91,142,164
1	Thuyết minh, mô tả sơ đồ khai thác	Chuyên gia 2	10	538,462	5,384,615
2	Lựa chọn lưu lượng khai thác nước từng công trình (giếng khoan, giếng đào, hồ đào, hành lang, mạch lộ)	Chuyên gia 1	10	923,077	9,230,769
3	Lấy mẫu và phân tích chất lượng nước				48,834,472
3.1	Mẫu nước dưới đất (QCVN 09-MT/2015/BTNMT)	Mẫu	2	17,957,236	35,914,472
3.2	Nước đóng uống đóng bình, đóng chai (QCVN 6-1:2010/BYT)	Mẫu	1	9,920,000	9,920,000
3.3	Nhân công thực hiện lấy mẫu	Nhân lực thực hiện	4	500,000	2,000,000
3.4	Chi phí thuê xe lấy mẫu	Chuyến	1	1,000,000	1,000,000
4	Thuyết minh cụ thể việc tính toán xác định các thông số địa chất thủy văn theo tài liệu thí nghiệm thăm	Chuyên gia 1	15	923,077	13,846,154
5	Đánh giá kết quả tính toán dự báo hạ thấp mực nước với mực nước hạ thấp cho phép và đánh giá tính hợp lý về mặt kinh tế, kỹ thuật của sơ đồ khai thác	Chuyên gia 1	15	923,077	13,846,154
V	Đánh giá những ảnh hưởng và đề xuất biện pháp giảm thiểu				55,384,615
1	Đánh giá những ảnh hưởng của công trình khai thác nước dưới đất đến nguồn nước, môi trường và các công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất đang hoạt động	Chuyên gia 1	20	923,077	18,461,538

TT	Nội dung công việc	Nhân lực thực hiện	Số lượng (công)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
2	Phân tích, đánh giá ảnh hưởng của việc khai thác nước đến sự suy giảm mực nước, trữ lượng nguồn nước dưới đất trong khu vực khai thác; sự suy giảm lưu lượng, mực nước, biến đổi chất lượng nước	Chuyên gia 1	20	923,077	18,461,538
3	Đề xuất biện pháp giảm thiểu và đánh giá tính khả thi đối với tác động chính do công trình khai thác gây ra đến nguồn nước, môi trường và các công trình khai thác nước dưới đất	Chuyên gia 1	20	923,077	18,461,538
VI	Chi phí khác				9,200,000
1	Tham vấn ý kiến chuyên gia (3 người * 2 lần)	Người	6	500,000	3,000,000
2	Chi phí thuê xe đi lại thực hiện hồ sơ	Lần	5	1,000,000	5,000,000
3	Chi phí in ấn hồ sơ (3 quyển * 2 lần)	Quyển	6	200,000	1,200,000
	Tổng trước thuế	TT			220,226,780
	Thuế VAT	Z=8%TT			17,618,142
	Tổng cộng sau thuế	TS=TT+Z			237,844,922

(Bằng chữ: Hai trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm bốn mươi tư nghìn, chín trăm hai mươi hai đồng./.)

Ghi chú:

- Thuế suất thuế GTGT sẽ căn cứ theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xuất hóa đơn
- Giá trên chưa bao gồm phí thẩm định hồ sơ theo quy định của cơ quan Nhà nước



ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thanh Hà



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
ThS. Lê Xuân Sơn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

The Socialist Republic of Vietnam

Independence – Freedom – Happiness

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN

ADVISORY CONTRACT

(Số 1506-02/HDHT/TL-TKG/2021)

No: 1506-02/HDHT/TL-TKG/2021

**V/v: Lập báo cáo xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường cho
Công ty TNHH Takagi VN**

**Re.: Prepare reports to confirm completion of environmental protection works
for Takagi VN Co., Ltd**

- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Pursuant to the Law on Environmental Protection No. 55/2014 / QH13 dated June 23, 2014 of the Socialist Republic of Vietnam;

- Căn cứ Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ quy định về thoát nước và xử lý nước thải;

Pursuant to the Government's Decree 80/2014/ND-CP dated August 6, 2014 on water drainage and wastewater treatment

- Căn cứ Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Pursuant to the Government's Decree No. 18/2015/ND-CP dated February 14, 2015 on environmental protection planning, strategic environmental assessment, environmental impact assessment and environmental protection plan;

- Căn cứ Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu;

Pursuant to the Government's Decree No. 38/2015/ND-CP dated April 24, 2015 on waste and scrap management;

- Căn cứ vào Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính Phủ sửa đổi các Nghị định hướng dẫn Luật bảo vệ môi trường;

Pursuant to Decree 40/2019/ND-CP dated May 13, 2019 of the Government amending Decrees guiding the Law on Environmental Protection

- Căn cứ Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015, Thông tư về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Pursuant to Circular 27/2015/TT-BTNMT dated May 29, 2015, Circular on strategic environmental assessment, environmental impact assessment and environmental protection plan;

- Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ tài chính phê duyệt hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Pursuant to the Circular No. 02/2017/TT-BTC dated January 6, 2017 of the Ministry of Finance approving guidance on budget management for environmental protection

- Căn cứ thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ tài nguyên môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Pursuant to Circular 25/2019/TT-BTNMT dated December 31, 2019 of the Ministry of Natural Resources and Environment detailing the implementation of a number of articles of Decree No. 40/2019/ND-CP dated May 13, 2019 of the Ministry of Natural Resources and Environment, the government amends and supplements a number of articles of the decree detailing and guiding the implementation of the law on environmental protection and regulations on management of environmental monitoring services;

- Căn cứ vào nhu cầu của Bên A và khả năng chuyên môn của Bên B,

Based on the needs of Party A and the professional ability of Party B.

Hôm nay, ngày 15 tháng 06 năm 2021 tại Công ty TNHH Takagi VN chúng tôi gồm:

Today, June 15, 2021 at Takagi VN Co., Ltd., we include:

Bên A : CÔNG TY TNHH TAKAGI VN

Party A : TAKAGI VN CO., LTD

Đại diện : Ông Tamura Ryosuke

Represented by : Mr Tamura Ryosuke

Chức vụ : Tổng giám đốc

Position : General manager

Địa chỉ : Lô C1-C2, KCN Thăng Long II, Liêu Xá, Yên Mỹ, Hưng Yên

Address : Lot C1-C2, Thang Long II Industrial Park, Lieu Xa, Yen My, Hung Yen

Điện thoại : 0221 3974 584

Tel : 0221 3974 584

Mã số thuế : 0900321101

Tax code : 0900321101

**Bên B : CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
THĂNG LONG**

**Party B : THANG LONG CONSTRUCTION & EVIROMENT TECHNOLOGY
COMPANY LIMITED**

Đại diện : Ông Lê Tuấn Sơn

Represented by : Mr Le Tuan Son

Chức vụ : Giám đốc

Position : Director

Địa chỉ : Số 106, tổ 21, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Address : 106 group 21, Nghia Tan wards, Cau Giay district, Hanoi
VPGD : Số 11, ngách 28/10, ngõ 28 Nguyễn Hồng, P. Ba Đình, quận Đống Đa, TP Hà Nội
Representative office : No. 11, alley 28/10, alley 28 Nguyen Hong, Ba Dinh Ward, Dong Da District, Hanoi City
Điện thoại : 024. 35690362 *Fax*: 024. 35690362
Tel : 024. 35690362
Mã số thuế : 0105007235
Tax code : 0105007235
Tài khoản : 01711 1311 8888
Account : 01711 1311 8888
Tại ngân hàng : Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thanh Xuân
Bank : Military Commercial Joint Stock Bank - Thanh Xuan Branch

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

Both Parties agree to sign this contract with following terms:

Điều 1/ Article 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC/ WORK CONTENT

- Bên A thuê Bên B thực hiện công việc: Lập báo cáo xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường cho Công ty TNHH Takagi Việt Nam

Party A rents Party B to implement following works: Prepare a report confirming the completion of environmental protection works for Takagi VN Co., Ltd.

- Sản phẩm hoàn thành bao gồm:

Final products include:

+ 01 Thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm do cơ quan có thẩm quyền ký duyệt.

01 Notice of inspection results of waste treatment works for trial operation signed and approved by competent authorities.

+ 01 Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền ký duyệt.

01 Certificate of completion of environmental protection works signed and approved by a competent authority.

Điều 2/Article 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN/ CONTRACT VALUE AND METHOD OF PAYMENT

2.1 Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm VAT 10%)/ *Contract Value (including VAT 10%):*
187.000.000 VNĐ

(Bằng chữ: Một trăm tám mươi bảy triệu đồng chẵn./.)

(In words: One hundred and eighty seven million dong)

2.2 Phương thức thanh toán/ *Method of payment:*

Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản VND làm 03 lần cụ thể như sau:

Party A pays for Party B by transferring VND in three specific ways as follows:

- Lần 1: Bên A tạm ứng cho Bên B 40% giá trị Hợp đồng (đã bao gồm thuế VAT) ngay sau khi Hợp đồng được ký kết.

1st time: Party A advances to Party B 40% of the Contract value (VAT included) right after the Contract is signed

- Lần 2: Bên A thanh toán tiếp 40% giá trị còn lại của Hợp đồng trong vòng 05 ngày kể từ khi nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ (bản photo) và hóa đơn tài chính hợp lệ từ bên B.

Second time: Party A will pay 40% of the remaining value of the Contract within 5 days from the date of receipt of the receipt (photocopy) and valid financial invoice from Party B.

- Lần 3: Bên A thanh toán cho bên B 20% giá trị còn lại của hợp đồng sau khi Bên A nhận được giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường (bản photo) và hóa đơn tài chính hợp lệ từ Bên B. Bên B sẽ bàn giao sản phẩm bản gốc ngay sau khi Bên A thanh toán 20% còn lại.

Third time: Party A pays Party B 20% of the remaining value of the contract after Party A receives a certificate of completion of environmental protection works (photocopy) and a valid financial invoice from Party B. Party B will hand over the original product right after Party A has paid the remaining 20%

Điều 3/Article 3: ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG/ LOCATION AND TIME OF IMPLEMENTATION

3.1 Địa điểm thực hiện Hợp đồng/ Location:

Hợp đồng được thực hiện tại: Công ty TNHH Takagi Việt Nam.

Địa chỉ: Lô C1-C2, KCN Thăng Long II, Liêu Xá, Yên Mỹ, Hưng Yên

The contract is performed at: Takagi VN Co., Ltd

Address: Lot C1-C2, Thang Long II Industrial Park, Lieu Xa, Yen My, Hung Yen

3.2 Thời gian thực hiện Hợp đồng/ Time:

- Thời gian ra thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm: Trong vòng 50 ngày làm việc (Không tính Thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày nghỉ lễ theo quy định của Nhà nước) kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng và Bên A tạm ứng và cung cấp đầy đủ giấy tờ cho Bên B.

Time to announce results of inspection of waste treatment facilities for trial operation: Within 50 working days (Excluding Saturday, Sunday and public holidays as prescribed by the State) from the date the two parties sign the contract and Party A advances and provides all documents to Party B.

- Thời gian ra giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường: Trong vòng 45 ngày làm việc (Không tính Thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày nghỉ lễ theo quy định của Nhà nước) kể từ ngày có thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

Time to issue certificates of completion of environmental protection works: Within 45 working days (Excluding Saturdays, Sundays and public holidays as prescribed by the State) from the date of notification of results of inspection of trial operation of waste treatment works.

Điều 4: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN

4.1 Trách nhiệm của Bên A:

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi và hỗ trợ bên B thực hiện tốt Hợp đồng.
Create all favorable conditions and support Party B to perform well the Contract.
- Thanh toán kinh phí đúng hạn cho Bên B theo Điều 2 của Hợp đồng này.
Making payment on time to Party B under Article 2 of this contract.

4.2 Trách nhiệm của Bên B:

- Thực hiện đúng nội dung công việc như Điều 1.
Strict implementation of the content of work as Article

Điều 5: TẠM NGỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI BÊN A VÀ BÊN B/ PAUSE AND TERMINATE THE CONTRACT BY PARTY A AND PARTY B:

5.1. Bên A, bên B được quyền tạm ngừng hợp đồng trong các trường hợp sau:

Party A, Party B is entitled to suspend the contract in the following cases:

- + Do lỗi của bên A hoặc bên B gây ra.
Due to the fault of party A or party B caused.
- + Các trường hợp bất khả kháng.
Force Majeure.
- + Các trường hợp khác do hai bên thương thảo.
Other cases negotiated by both parties

- Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết. Trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà việc tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

A Party may decide to suspend the contract due to the fault of the other party, but must notify the other party in writing and discuss the resolution in order to continue performing the signed contract. In cases the halting party fails to give notice and the suspension causes damage, he / she must compensate the damage party

- Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

The time and level of compensation for damages caused by the suspension of the contract shall be agreed upon by the two parties for remedy.

5.2. Chấm dứt hợp đồng bởi bên A, bên B/ TERMINATION BY PARTY A OR PARTY B:

- Nếu sau thời hạn thanh toán đã quy định trong hợp đồng kể từ khi bên A nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ mà bên A không thanh toán cho bên B thì bên B có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng và đề nghị bên A thanh toán giá trị đã thực hiện theo quy định trong hợp đồng.

After the payment period specified in the contract and Party A has received a valid payment dossier but Party A does not pay Party B, the party B may request to terminate the contract and request the party A pay for all implemented work which are mentioned in the contract.

- Nếu bên B tự chấm dứt hợp đồng mà không được sự đồng ý của bên A bằng văn bản, thì bên A không chịu trách nhiệm thanh toán các công việc đã và đang triển khai dở dang cho bên B. Đồng thời bên B phải hoàn trả số tiền mà bên A đã tạm ứng (nếu có) kể cả gốc lẫn lãi theo lãi suất tín dụng ngắn hạn.

If Party B terminates the contract without Party A's consent in writing, Party A shall not be liable for payment of work which has not been completed for Party B. At the same time, Party B shall refund Pay the amount that Party A has advanced (if any) including both principal and interest at short-term interest rates

- Nếu bên A tự ý chấm dứt hợp đồng này mà không phải do lỗi của bên B, thì bên A phải thanh toán cho bên B toàn bộ các chi phí và thiệt hại liên quan đến việc thực hiện hợp đồng này.

If Party A voluntarily terminates this contract without Party B's fault, Party A shall pay Party B all expenses and damages related to the performance of this contract.

- Trước khi chấm dứt hợp đồng tư vấn, các bên phải thông báo cho bên kia trước một khoảng thời gian nhất định do các bên tự thoả thuận, nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên chấm dứt hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

Before terminating the consultancy contract, the Parties must notify the other party in advance of a certain period of time as agreed upon by the parties. If the failure of the notification causes the damage to the other party, the party terminating the contract must pay compensation to the other party.

Khi hợp đồng bị chấm dứt, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị chấm dứt và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền có liên quan.

When the contract is terminated, the contract shall not be effective from the time of termination and the parties shall return the property or money concerned

Điều 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG/ GENERAL CLAUSE

6.1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản ghi trong hợp đồng.

The two parties commit to strictly abide by the provisions of this contract.

6.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có gì trở ngại hai bên sẽ cùng gặp gỡ bàn bạc để nỗ lực giải quyết hoặc trao đổi bằng văn bản cụ thể.

During the implementation of the contract, if there is any obstacle, the two Parties will meet to discuss and resolve the problem in writing.

6.3. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thỏa thuận thì quyết định của Tòa án Kinh tế Hà Nội là quyết định cuối cùng và bên vi phạm phải chịu toàn bộ các chi phí liên quan.

In cases the settlement cannot be settled by agreement, the decision of the Hanoi Economic Court will be the final decision and the breaching party must bear all related expenses

6.4. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng được ký kết.

The contract is valid from the date the contract is signed.

6.5 Phạt vi phạm hợp đồng:

- Nếu một trong hai bên không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm ghi trong hợp đồng này dẫn đến thiệt hại về kinh tế cho bên kia thì phải bồi thường toàn bộ các giá trị thiệt hại đó.

If either party fails to fulfill the obligations stated in the contract that tend to economic damage for the other party will compensate all those damages.

- Nếu bên B triển khai chậm tiến độ như đã chấp nhận, bên A được quyền không thanh toán cho bên B: 0,1% giá trị hợp đồng với mỗi ngày chậm tiến độ mà không có lý do chính đáng được bên A chấp nhận. Tổng số tiền phạt chậm tiến độ không quá 5% giá trị hợp đồng.

If party B can not follow the approval schedule, party A may refuse to pay 0,1% of contract price for each day delay without legitimate reasons. Total fines are not exceed 5% of total contract price.

- Trường hợp bên A chậm thanh toán cho bên B, bên B có quyền phạt số tiền được tính bằng 0,1% giá trị hợp đồng với mỗi ngày chậm tiến độ. Tổng số tiền phạt chậm tiến độ không quá 5% giá trị hợp đồng.

In case Party A is late in paying Party B, Party B has the right to fine an amount equal to 0.1% of the contract value for each day of delay. The total amount of fines for late progress is not more than 5% of the contract value.

6.6 Hợp đồng hết hiệu lực và tự động thanh lý sau khi bên A và bên B hoàn thành hết nghĩa vụ theo Điều 4 của hợp đồng này.

The contract expires and automatically terminates after Party A and Party B fulfill their obligations under Article 4 of this contract.

6.7 Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên lưu 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

This contract is made into 04 copies, party A keeps 02 copies, party B keeps 02 copies with the equal legal valued and have effect from the date of signing

ĐẠI DIỆN BÊN A

FOR AND BEHALF OF PARTY A



TỔNG GIÁM ĐỐC
TAMURA RYOSUKE

ĐẠI DIỆN BÊN B
FOR AND BEHALF OF PARTY B



GIÁM ĐỐC
ThS. Lê Tuấn Sơn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN

(Số 0405/2022/HDTV/CT-TL)

V/v: Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Dự án “Nhà nghỉ Nghiệp Vụ” tại địa điểm Tổ 1, cụm 1 phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTC ngày 10/01/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường do cơ quan trung ương thực hiện;
- Căn cứ vào Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021 Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;
- Căn cứ vào nhu cầu và thỏa thuận của hai bên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 05 năm 2022, tại văn phòng Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Châu Thành chúng tôi gồm có:

Bên A : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI CHÂU THÀNH
Đại diện : Ông Lê Gia Toàn
Chức vụ : Tổng giám đốc
Địa chỉ : Cụm 1 tổ 1 phường Bưởi, quận Tây Hồ, Tp Hà nội, Việt Nam
Điện thoại : 0243.8780666
Mã số thuế : 0102267757
Bên B : CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG THẮNG LONG

Đại diện : Ông Lê Tuấn Sơn
Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : Số 106, tổ 21, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
VPGD : Số 11 ngách 28/10, ngõ 28 Nguyễn Hồng, Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội
Điện thoại : 024. 356 90362
Mã số thuế : 0105007235
Tài khoản : 0171113118888
Tại ngân hàng : Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Thanh Xuân

Sau khi trao đổi bàn bạc, hai bên thỏa thuận và thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản cụ thể như sau.

Điều 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

- Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện công việc: Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho Dự án "Nhà nghỉ Nghiệp Vụ" tại địa điểm Tổ 1, cụm 1 phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. (Số 67 Trích Sài, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội).
- Sản phẩm hoàn thành bao gồm:
 - + 01 Giấy phép môi trường do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ký duyệt

Điều 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Loại Hợp đồng: Trọn gói

2.2. Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm VAT 8%): **298,940,761VNĐ**

(Bằng chữ: Hai trăm chín mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng./.)

2.3. Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản VNĐ làm 03 lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Tạm ứng 40% giá trị hợp đồng trong vòng 3 ngày làm việc kể từ khi ký kết hợp đồng và bên A nhận được công văn đề nghị tạm ứng của bên B.
- Lần 2: Thanh toán tiếp 40% giá trị hợp đồng trong vòng 3 ngày làm việc sau khi Bên A nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường (Bản photo).
- Lần 3: Sau khi Bên B hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng, Bên A sẽ thanh toán nốt 20% giá trị còn lại trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán của Bên B bao gồm:
 - + Công văn đề nghị thanh toán của Bên B: 01 bộ gốc.
 - + Giấy phép môi trường do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ký duyệt: 01 bản photo.

(Bên B sẽ trả toàn bộ sản phẩm bản gốc sau khi nhận được toàn bộ 20% giá trị trên).

+ Hóa đơn giá trị gia tăng tương với 100% giá trị hợp đồng: 01 bộ gốc.

+ Biên bản thanh lý hợp đồng: 01 bộ gốc

Điều 3: ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

3.1 Địa điểm thực hiện Hợp đồng:

- Hợp đồng được thực hiện tại: Tổ 1, cụm 1 phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội (Số 67 Trích Sài, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội).

3.2 Thời gian thực hiện Hợp đồng:

Handwritten signature/initials

- Thời gian ra kết quả: 60 ngày làm việc (Không tính Thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày nghỉ lễ, Tết, thiên tai, dịch bệnh... theo quy định của Nhà nước) tính từ khi Sở TNMT Tiếp nhận hồ sơ và khi Bên A cung cấp đủ giấy tờ cho Bên B theo Công văn yêu cầu cung cấp giấy tờ bên B đã gửi.

- Thời gian trình thẩm định: Theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước.

Điều 4: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN

4.1 Trách nhiệm của Bên A:

- Cung cấp đầy đủ tài liệu cho Bên B theo Công văn yêu cầu cung cấp giấy tờ bên B đã gửi.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi và hỗ trợ bên B thực hiện tốt Hợp đồng.
- Thanh toán kinh phí đúng hạn cho Bên B theo Điều 2 của Hợp đồng này.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

4.2 Trách nhiệm của Bên B:

- Tư vấn và hướng dẫn cho Bên A chuẩn bị hồ sơ đầy đủ.
- Thực hiện đúng nội dung công việc như Điều 1.

+ Chịu trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung đã cam kết trong Hợp đồng, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo quy định hiện hành của Nhà nước và yêu cầu của Bên A trong Hợp đồng, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng theo điều 3 của Hợp đồng này;

+ Chịu trách nhiệm báo cáo và giải trình trước cơ quan Nhà nước về Hồ sơ xin giấy phép ;

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B phải thường xuyên thông báo cho Bên A tiến độ thực hiện công việc, các số liệu, dữ liệu có liên quan để hai bên cùng bàn bạc xử lý;
- Có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung các hồ sơ, tài liệu trong phạm vi công việc được giao theo yêu cầu của Bên A;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 5: TẠM NGỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI BÊN A VÀ BÊN B:

5.1. Bên A, bên B được quyền tạm ngừng hợp đồng trong các trường hợp sau:

- + Do lỗi của bên A hoặc bên B gây ra.
- + Các trường hợp bất khả kháng.
- + Các trường hợp khác do hai bên thương thảo.

- Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết. Trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà việc tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

- Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

5.2. Chấm dứt hợp đồng bởi bên A, bên B:

- Nếu trong vòng 7 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực mà bên B không chịu triển khai như đã cam kết, thì bên A có quyền chấm dứt hợp đồng mà không phải thanh toán bất kỳ một khoản chi phí nào liên quan đến hợp đồng này cho bên B.

- Nếu bên B triển khai chậm tiến độ quá 50 ngày theo Điều 3.2 mà không có lý do chính đáng được Bên A chấp nhận.

- Nếu bên B tự chấm dứt hợp đồng mà không được sự đồng ý của bên A bằng văn bản, thì bên A không chịu trách nhiệm thanh toán các công việc đã và đang triển khai dở dang cho bên B. Đồng thời bên B phải hoàn trả số tiền mà bên A đã tạm ứng (nếu có) kể cả gốc lẫn lãi theo lãi suất tín dụng ngắn hạn.

- Nếu sau thời hạn thanh toán đã quy định trong hợp đồng kể từ khi bên A nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ mà bên A không thanh toán cho bên B thì bên B có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng và đề nghị bên A thanh toán giá trị đã thực hiện theo quy định trong hợp đồng.

- Nếu bên A tự ý chấm dứt hợp đồng này mà không phải do lỗi của bên B, thì bên A phải thanh toán cho bên B toàn bộ các chi phí và thiệt hại liên quan đến việc thực hiện hợp đồng này.

- Trước khi chấm dứt hợp đồng tư vấn, các bên phải thông báo cho bên kia trước một khoảng thời gian nhất định do các bên tự thoả thuận, nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên chấm dứt hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

Khi hợp đồng bị chấm dứt, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị chấm dứt và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền có liên quan.

Điều 6: CAM KẾT CHUNG

6.1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản ghi trong hợp đồng.

6.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có gì trở ngại hai bên sẽ cùng gặp gỡ bàn bạc để nỗ lực giải quyết hoặc trao đổi bằng văn bản cụ thể.

6.3. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thoả thuận thì quyết định của Tòa án Kinh tế Hà Nội là quyết định cuối cùng và bên vi phạm phải chịu toàn bộ các chi phí liên quan.

6.4. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng được ký kết.

6.5 Phạt vi phạm hợp đồng:

- Nếu một trong hai bên không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm ghi trong hợp đồng này dẫn đến thiệt hại về kinh tế cho bên kia thì phải bồi thường toàn bộ các giá trị thiệt hại đó. *xe*

- Nếu bên B triển khai chậm tiến độ như đã chấp nhận, bên A được quyền không thanh toán cho bên B: 0,1% giá trị hợp đồng với mỗi ngày chậm tiến độ mà không có lý do chính đáng được bên A chấp nhận (nhưng không được chậm quá 50 ngày). Tổng số tiền phạt chậm tiến độ không quá 5% giá trị hợp đồng.

- Trường hợp bên A chậm thanh toán cho bên B, bên B có quyền phạt số tiền được tính bằng số % lãi suất tín dụng quá hạn của ngân hàng Bên A trên số tiền chậm thanh toán trong cùng thời điểm.

6.6 Hợp đồng hết hiệu lực và tự động thanh lý sau khi bên A và bên B hoàn thành hết nghĩa vụ theo Điều 4 của hợp đồng này.

6.7 Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên lưu 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau. *u*



ĐẠI DIỆN BÊN A *uo*

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Gia Toàn



ĐẠI DIỆN BÊN B *ly*

GIÁM ĐỐC
ThS. Lê Tuấn Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

(Số 0601-02/HDDV/TL-BM/2022)

V/v: Quản lý, bảo vệ môi trường Cụm công nghiệp Bình Lục

- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 của Quốc Hội ngày 21/6/2012;
 - Căn cứ Nghị định 18/2015/NĐ-CP Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
 - Căn cứ Nghị định 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu;
 - Căn cứ Nghị định 201/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của luật tài nguyên nước;
 - Căn cứ Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 nghị định về thoát nước và xử lý nước thải;
 - Căn cứ Thông tư 36/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2015 thông tư quy định về quản lý chất thải nguy hại;
 - Căn cứ Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 thông tư về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
 - Căn cứ Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 05 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
 - Căn cứ Thông tư 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;
 - Căn cứ Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập;
 - Căn cứ Quyết định số 8430/QĐ – UBND ngày 05/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn Thành phố Hà Nội.
 - Căn cứ vào nhu cầu của Bên A và khả năng chuyên môn của Bên B.
- Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2022

Chúng tôi gồm:

1. Chủ đầu tư (Bên giao thầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH MỸ

- Đại diện là : Ông **Trần Hữu Thái** - Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ : Xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
- Điện thoại : (024).3773.9885 - Fax : (024).3773.9885
- Mã số thuế : 0700258195
- Tài khoản : 0581100340006 Tại ngân hàng: Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội Chi nhánh Đồng Đa - Phòng giao dịch Thành Công.

Sau đây gọi tắt là Bên A

2. Nhà thầu (Bên nhận thầu): CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG THẮNG LONG

- Đại diện : Ông **Lê Tuấn Sơn** - Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ : Số 106 tổ 21 phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Điện thoại : (024) 3569.0362
- Tài khoản : 01711 1311 8888
- Tại ngân hàng : Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân
- Mã số thuế : 0105007235

Sau đây gọi tắt là Bên B

Sau khi trao đổi bàn bạc, hai bên thỏa thuận và thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản cụ thể như sau.

Điều 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

- Bên A thuê Bên B thực hiện công việc: Quản lý, bảo vệ môi trường năm 2022 cho Cụm công nghiệp Bình Lục thuộc trách nhiệm của Công ty cổ phần Bình Mỹ.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Giá trị Hợp đồng (Đã bao gồm VAT 10%): 132.000.000VNĐ/năm

Bằng chữ: Một trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn./.

(Giá trên chưa bao gồm chi phí quan trắc môi trường cho từng lần trong Cụm công nghiệp)

2.2 Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho bên B làm 02 lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Bên A thanh toán cho Bên B 50% giá trị hợp đồng trước ngày 15/06 hàng năm.
- Lần 2: Bên A thanh toán 50% giá trị hợp đồng còn lại cho Bên B trước ngày 15/12 hàng năm.

Điều 3: ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

3.1 Địa điểm thực hiện Hợp đồng:

Hợp đồng được thực hiện tại: Xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam

3.2 Thời gian thực hiện Hợp đồng:

- Hình thức Hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký, được gia hạn hàng năm và kết thúc hợp đồng khi hai bên ký kết biên bản thanh lý hợp đồng.

Điều 4: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN

4.1 Trách nhiệm của Bên A:

- Phối hợp, hỗ trợ Bên B trong quá trình kiểm soát hoạt động BVMT của các cơ sở trong Cụm Công nghiệp và thực hiện công tác bảo vệ môi trường Cụm Công nghiệp.
- Cử người tham gia cùng Bên B trong quá trình quan trắc, kiểm tra chất lượng nước thải của các cơ sở.
- Phối hợp, hỗ trợ Bên B trong quá trình thực hiện các hồ sơ về môi trường.
- Xem xét, đầu tư, thực hiện một số hạng mục thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp (quan trắc định kỳ; lập lại hồ sơ đánh giá tác động môi trường khi có thay đổi theo quy định; đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đáp ứng công suất xử lý thực tế;...) khi có tư vấn của bên B.
- Thanh toán kinh phí đúng hạn cho Bên B theo Điều 2 của Hợp đồng này.

4.2 Trách nhiệm của Bên B:

- Hỗ trợ bên A trong quá trình làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước.
- Thực hiện đúng nội dung công việc như Điều 1 và chịu hoàn toàn trách nhiệm cũng như chi phí phát sinh, các khoản tiền phạt do các cơ quan quản chức năng xử phạt vi phạm bất kỳ nội dung nào theo Điều 1.
- Kịp thời tham mưu, tư vấn cho bên A thực hiện đúng theo quy định pháp luật đối với các hạng mục không thuộc phạm vi bên B đã ký hợp đồng với bên A. Trong trường hợp bên B đã tư vấn nhưng bên A không thực hiện, bên A phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Bên B không chịu trách nhiệm, với các chi phí phát sinh trong trường hợp bên A không thực hiện các nội dung của cảnh báo bên B.

Điều 5: TẠM NGỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI BÊN A VÀ BÊN B:

5.1. Bên A, bên B được quyền tạm ngừng hợp đồng trong các trường hợp sau:

- + Do lỗi của bên A hoặc bên B gây ra.
- + Các trường hợp bất khả kháng.
- + Các trường hợp khác do hai bên thương thảo.
- Một bên có quyền đề nghị tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trước khi quyết định tạm dừng hợp đồng trước 30 (ba mươi) ngày và hai bên cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết. Trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà việc tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.
- Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

5.2. Chấm dứt hợp đồng bởi bên A, bên B:

- Nếu sau thời hạn thanh toán đã quy định trong hợp đồng kể từ khi bên A nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ mà bên A không thanh toán cho bên B thì bên B có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng và đề nghị bên A thanh toán giá trị đã thực hiện theo quy định trong hợp đồng.

- Nếu bên B tự chấm dứt hợp đồng mà không được sự đồng ý của bên A bằng văn bản, thì bên A không chịu trách nhiệm thanh toán các công việc đã và đang triển khai dở dang cho bên B. Đồng thời bên B phải hoàn trả số tiền mà bên A đã tạm ứng (nếu có) kể cả gốc lẫn lãi theo lãi suất tín dụng ngắn hạn.

- Nếu bên A tự ý chấm dứt hợp đồng này mà không phải do lỗi của bên B và không thông báo bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày cho bên B, thì bên A phải thanh toán cho bên B toàn bộ các chi phí và thiệt hại liên quan đến việc thực hiện hợp đồng này.

- Trước khi chấm dứt hợp đồng dịch vụ, các bên phải thông báo cho bên kia trước một khoảng thời gian nhất định do các bên tự thỏa thuận, nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên chấm dứt hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

Khi hợp đồng bị chấm dứt, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị chấm dứt và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền có liên quan.

Điều 6: CAM KẾT CHUNG

6.1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản ghi trong hợp đồng.

6.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có gì trở ngại hai bên sẽ cùng gặp gỡ bàn bạc để nỗ lực giải quyết hoặc trao đổi bằng văn bản cụ thể.

6.3. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thỏa thuận thì quyết định của Tòa án Kinh tế Hà Nội là quyết định cuối cùng và bên vi phạm phải chịu toàn bộ các chi phí liên quan.

6.4. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng được ký kết.

6.5 Đơn giá của hợp đồng có thể thay đổi tăng hoặc giảm giữa các năm và phải được hai bên thống nhất ký kết bằng văn bản.

6.6 Áp dụng chính sách thuế giá trị gia tăng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm thực hiện hợp đồng.

6.7 Hợp đồng hết hiệu lực và tự động thanh lý sau khi bên A và bên B hoàn thành hết nghĩa vụ theo Điều 4 của hợp đồng này.

6.7 Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên lưu 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

ThS. Lê Tuấn Sơn

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số 0601-02/HDDV/TL-BM/2022 ký ngày / /2022)

Nội dung công việc		Đơn giá	Thành tiền
Chi phí quản lý chung (I +II)		2,404,000	28,848,000
I	Quản lý hồ sơ pháp lý của Cụm CN Bình Mỹ thuộc trách nhiệm của Công ty CP Bình Mỹ		
I.1	Lập báo cáo quản lý môi trường hàng năm gửi lên Sở Tài nguyên môi trường		
I.2	Theo dõi hồ sơ, báo cáo về môi trường cho Chủ đầu tư Cụm công nghiệp		
I.3	Theo dõi, giám sát quản lý chất thải nguy hại cho Cụm công nghiệp		
I.4	Lập các hợp đồng giữa Công ty CP Bình Mỹ và các cơ sở hoạt động trong Cụm công nghiệp về công tác BVMT Cụm công nghiệp Bình Lục		
I.5	Xây dựng nội quy quản lý, bảo vệ môi trường cụm công nghiệp		
I.6	Quản lý chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động của Văn phòng Ban quản lý cụm công nghiệp; khí thải phát sinh của cụm công nghiệp (nếu có) quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải thuộc trách nhiệm của Công ty cổ phần Bình Mỹ.		
II	Rà soát, quản lý các cơ sở sản xuất Cụm công nghiệp		
II.1	Theo dõi, xây dựng báo cáo về việc thực hiện công tác BVMT các nhà máy trong cụm Công nghiệp		
II.2	Rà soát, kiểm tra thực hiện công tác BVMT tại các nhà máy trong Cụm công nghiệp; kịp thời cảnh báo các cơ sở, báo cáo cho Công ty cổ phần Bình Mỹ bằng văn bản để có phương án xử lý.		

Nội dung công việc		Đơn giá	Thành tiền
II.3	Theo dõi thực hiện Hợp đồng đấu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung khu CN, thông báo thu nộp phí vận hành hệ thống xử lý nước thải.		
Chi phí phân tích kiểm tra bất thường mẫu nước thải (9 mẫu *3 lần/năm)		3,376,000	91,152,000
Tổng chi phí trước thuế			120,000,000
Thuế VAT 10%			12,000,000
Tổng chi phí sau thuế			132,000,000
Bằng chữ: Một trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn./.			



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Hoàn Kiếm, ngày 18 tháng 11 năm 2021

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN

Số: 01.11/2021/HDTV

Gói thầu số 03: Chi phí lập báo cáo bảo vệ môi trường

**Thuộc dự án: Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn quận Hoàn Kiếm
năm 2021**

Giữa

**VĂN PHÒNG HĐND – UBND QUẬN HOÀN KIẾM
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG QUẬN HOÀN KIẾM**

VÀ

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
THẮNG LONG**

PHẦN 1 – CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 5595/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu kinh phí lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn quận Hoàn Kiếm năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-VP ngày 22/10/2021 của Chánh văn phòng UBND quận Hoàn Kiếm về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu Gói thầu số 03: Chi phí lập báo cáo bảo vệ môi trường năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-VP ngày 16/11/2021 của Văn phòng HĐND-UBND quận Hoàn Kiếm về việc Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật Gói thầu số 03: Chi phí lập báo cáo bảo vệ môi trường năm 2021 thuộc nhiệm vụ "Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn quận Hoàn Kiếm năm 2021";

Căn cứ Quyết định số 359/QĐ-VP ngày 17/11/2021 của Văn phòng HĐND – UBND quận Hoàn Kiếm về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 03: "Chi phí lập báo cáo bảo vệ môi trường năm 2021" thuộc dự án: Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn quận Hoàn Kiếm năm 2021;

Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng số 1711/BBTT/HK-TL ngày 17/11/2021 giữa Văn phòng HĐND -UBND quận Hoàn Kiếm, Phòng Tài nguyên và môi trường quận Hoàn Kiếm và Công ty TNHH Xây dựng & Công nghệ Môi trường Thăng Long.

PHẦN 2: CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Văn phòng HĐND - UBND quận Hoàn Kiếm, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư - Bên A:

VĂN PHÒNG HĐND - UBND QUẬN HOÀN KIẾM

Đại diện : Ông **Hoàng Mạnh Tuấn**
 Chức vụ : Chánh Văn phòng
 Địa chỉ : Số 126 Hàng Trống - Hoàn Kiếm - Hà Nội
 Số tài khoản : 9527.3.1096262
 Mã QHNS : 1096262
 Tại : Kho bạc nhà nước Hoàn Kiếm
 Điện thoại : 0243 8264293

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ CHUYÊN MÔN:

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG QUẬN HOÀN KIẾM

Đại diện : Ông **Lê Đỗ Phương**
 Chức vụ : Trưởng phòng

2. Nhà thầu - Bên B:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG THĂNG LONG

Đại diện : Ông **Lê Tuấn Sơn**
 Chức vụ : Giám đốc
 Địa chỉ : Số 106 tổ 21, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy TP Hà Nội
 VPGD : Số 11, ngách 28/10, ngõ 28 Nguyễn Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội
 Tài khoản số : 01711 1311 8888
 Tại : Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thanh Xuân
 Mã ngân hàng : MSCBVNVX
 Mã số thuế : 0105007235
 Điện thoại : 024 35690362

Các bên thống nhất thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1: Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1.1. Bên A là Văn phòng HĐND - UBND quận Hoàn Kiếm.

1.2. Bên B là Công ty TNHH xây dựng & công nghệ môi trường Thăng Long.

1.3. Gói thầu là Lập báo cáo bảo vệ môi trường năm 2021 thuộc Dự án: Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn quận Hoàn Kiếm năm 2021;

1.4. Đại diện Bên A là người được Bên A nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Bên A điều hành công việc.

1.5. Đại diện Bên B là người được Bên B nêu ra trong hợp đồng hoặc được Bên B chỉ định và thay mặt Bên B điều hành công việc.

1.6. Hợp đồng là toàn bộ hồ sơ hợp đồng tư vấn lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

1.7. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ tết theo quy định của pháp luật.

1.8. Bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 13 [Rủi ro và bất khả kháng]

1.9. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

ĐIỀU 2: Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1 Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng; các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này và các tài liệu tại khoản 2.2 dưới đây.

2.2 Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng tư vấn lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

- a) Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu Gói thầu số 03;
- b) Các sửa đổi, bổ sung bằng văn bản;
- c) Các phụ lục của hợp đồng;
- d) Các tài liệu khác có liên quan;

ĐIỀU 3: Trao đổi thông tin

3.1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

3.2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

ĐIỀU 4: Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

4.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

4.2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

ĐIỀU 5: Nội dung và khối lượng công việc

Bên B nhận thực hiện tư vấn lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn quận Hoàn Kiếm năm 2021 theo hướng dẫn tại phụ lục II của Thông tư số 19/2016/TT-

BTNMT ngày 24/8/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo công tác bảo vệ môi trường và đề cương chi tiết đã được UBND quận Hoàn Kiếm phê duyệt.

ĐIỀU 6: Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn

6.1. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường quận Hoàn Kiếm năm 2021 (trong đó gồm danh mục bảng phụ lục kèm theo, nội dung đáp ứng yêu cầu đề cương được duyệt).

6.2. Kết quả quan trắc, phân tích các mẫu theo đề cương được duyệt.

6.3. Số lượng hồ sơ sản phẩm của Hợp đồng là 05 bộ (01 bộ gốc và 04 bộ photo).

ĐIỀU 7: Nghiệm thu sản phẩm

7.1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn:

- a) Hợp đồng dịch vụ tư vấn;
- b) Nhiệm vụ khảo sát, lập phương án đã được phê duyệt;
- c) Quy định của pháp luật;
- d) Hồ sơ sản phẩm của hợp đồng nêu trên.

7.2. Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 01 lần: Sau khi Bên B hoàn thành hồ sơ gửi Bên A và được phê duyệt.

ĐIỀU 8: Thời gian thực hiện và hình thức của Hợp đồng

8.1. Hình thức hợp đồng: Trọn gói

8.2. Thời gian thực hiện hợp đồng: 42 ngày

ĐIỀU 9: Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

9.1. Giá hợp đồng: 437.229.773 đồng

(Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi bảy triệu hai trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi ba đồng./.)

(Có Phụ lục hợp đồng chi tiết kèm theo)

9.2. Nội dung của giá hợp đồng

- Giá hợp đồng bao gồm:

+ Chi phí chuyên gia, chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí khác, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

+ Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

+ Chi phí đi thực địa.

+ Chi phí khác có liên quan.

9.3. Tạm ứng: Không tạm ứng

9.4. Tiến độ thanh toán

+ Sau khi hoàn thành báo cáo, được nghiệm thu bàn giao và có biên bản nghiệm thu giá trị hoàn thành, khối lượng hoàn thành và thanh lý hợp đồng. Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị hợp đồng.

9.5. Hồ sơ thanh toán gồm:

- + Biên bản nghiệm thu giá trị hoàn thành, khối lượng hoàn thành.
- + Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng.
- + Biên bản nghiệm thu hợp đồng.
- + Biên bản thanh lý hợp đồng.
- + Bảng xác định khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 08)
- + Đề nghị thanh toán của Bên B.
- + Hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp của bên B.
- + Các thủ tục thanh quyết toán khác liên quan theo quy định của nhà nước.

9.6. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

9.7. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

ĐIỀU 10: Quyền và nghĩa vụ của Bên B

10.1 Quyền của bên B

1. Yêu cầu Bên A cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ được giao.
2. Yêu cầu Bên A cử cán bộ chuyên môn tham gia phối hợp cùng với bên B để triển khai các hạng mục của dự án

10.2 Trách nhiệm của bên B

1. Tổ chức triển khai, thực hiện theo đúng nội dung công việc nêu tại Điều 1 và đề cương đã được phê duyệt, đảm bảo tiến độ, chất lượng.
2. Chịu trách nhiệm về kết quả phân tích, quan trắc chất lượng môi trường, các kết quả điều tra, khảo sát.

ĐIỀU 11: Quyền và nghĩa vụ của Bên A

11.1 Quyền của bên A

1. Được điều chỉnh về nội dung, cấu trúc của các báo cáo trong quá trình triển khai dự án để bên B bổ sung cho phù hợp.
2. Giám sát toàn bộ quá trình thực hiện của bên B, yêu cầu bên B báo cáo tiến độ trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.

11.2 Trách nhiệm của bên A

1. Giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường quận phối hợp và thực hiện các công việc như sau:

1.1. Cử cán bộ chuyên môn tham gia cùng với bên B đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi cho bên B khi làm việc tại các phòng ban của quận và tại các phường trên địa bàn quận.

1.2. Phối hợp cùng bên B trong việc thu thập và cung cấp thông tin, tư liệu, tài liệu phục vụ cho công việc lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn quận Hoàn Kiếm năm 2021.

- 1.3. Chịu trách nhiệm chuyên môn về nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành.

2. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B theo đúng tiến độ hợp đồng.

Điều 12. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

12.1 Bên B sẽ giữ bản quyền công việc của mình, lập dự án do mình thực hiện. Bên A được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép nhà thầu.

12.2. Bên B phải cam kết rằng sản phẩm khảo sát, và lập phương án do Bên B thực hiện và cung cấp cho Bên A không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

12.3. Bên A sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 13. Rủi ro và bất khả kháng

13.1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng. Các bên phải đánh giá các nguy cơ rủi ro, lập kế hoạch quản lý rủi ro, các phương án quản lý rủi ro của mình.

13.2. Bất khả kháng là sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh.

a) Bất khả kháng không bao gồm sự sơ xuất hoặc cố ý của một bên nào đó, hoặc bất kỳ sự cố nào mà một bên đã dự kiến được vào thời điểm ký kết Hợp đồng và tránh (hoặc khắc phục) trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

b) Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ không bị coi là vi phạm Hợp đồng trong trường hợp phát sinh từ sự kiện bất khả kháng với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng đã thực hiện các biện pháp để phòng theo nội dung của Hợp đồng này.

13.3. Các biện pháp thực hiện trong tình trạng bất khả kháng

a) Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiến hành các biện pháp để hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng với thời gian sớm nhất và phải thông báo cho bên kia biết sự kiện bất khả kháng vào thời gian sớm nhất và trong bất kỳ tình huống nào cũng không chậm hơn 05 ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra; cung cấp bằng chứng về bản chất và nguyên nhân, đồng thời thông báo việc khắc phục trở lại điều kiện bình thường vào thời gian sớm nhất.

b) Các bên sẽ thực hiện mọi biện pháp để giảm tối đa mức thiệt hại do sự kiện bất khả kháng gây ra.

c) Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, các bên sẽ gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

d) Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của một bên hoặc các bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc tại một thời điểm bất kỳ, một bên sẽ gửi thông báo việc chấp dứt hợp đồng bằng văn bản cho bên kia và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực 30 ngày sau khi bên kia nhận được thông báo.

13.4. Thanh toán khi xảy ra bất khả kháng

Các khoản chi phí phát sinh hợp lý do Bên B phải chịu hậu quả bất khả kháng để phục hồi hoạt động được Bên A xem xét để thanh toán.

Điều 14. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

14.1. Tạm ngừng công việc bởi Bên A

Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên A có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Bên B, Bên A phải nêu rõ phần lỗi của Bên B và yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A do tạm ngừng công việc.

14.2. Tạm ngừng công việc bởi Bên B

a) Nếu Bên A không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, sau khi thông báo cho Bên A, Bên B có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Bên A thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Bên B phải thông báo cho Bên A để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Bên A xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

14.3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 15. Chấm dứt hợp đồng

15.1. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A

Bên A có thể chấm dứt Hợp đồng, sau 07 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến Bên B. Bên A sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

Bên B không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Bên B không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 07 ngày mà Bên A có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót đó.

a) Bên B không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 8 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng], hoặc 45 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

b) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A.

c) Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người

được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

d) Bên B từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 16 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

e) Bên B cố ý trình Bên A các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Bên A.

f) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 13 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A có thể thuê các Bên B khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Bên A và các Bên B này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

15.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên B

Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên A tối thiểu là 15 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 45 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của Bên A.

b) Bên A không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 16 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

c) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Bên B không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 30 ngày.

d) Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được uỷ thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

15.3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

15.4. Khi một trong hai bên chấm dứt Hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Bên B sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

15.5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá trị hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực.

Điều 16. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

16.1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 15 ngày. Nếu những căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thoả thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

16.2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 7 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Toà kinh tế toà án nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết. Quyết định của toà án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

16.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 17. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thoả thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng này được lập thành 08 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 05 bản, Bên B giữ 03 bản ./.

**VĂN PHÒNG HĐND – UBND
QUẬN HOÀN KIẾM**

CHÁNH VĂN PHÒNG



Hoàng Mạnh Tuấn

**PHÒNG TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG
QUẬN HOÀN KIẾM
TRƯỞNG PHÒNG**



Lê Đỗ Phương

**CÔNG TY TNHH XD &
CN MÔI TRƯỜNG
THĂNG LONG
GIÁM ĐỐC**



Lê Tuấn Sơn

PHỤ LỤC

(Đính kèm hợp đồng số 01/11/2021/HDTV ngày 18/11/2021 giữa Văn phòng HĐND – UBND quận Hoàn Kiếm và Công ty TNHH Xây dựng & Công nghệ môi trường Thăng Long)

VĂN PHÒNG
HĐND VÀ UBND

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN
	TỔNG KINH PHÍ SAU THUẾ				437,229,773
	THUẾ VAT 10%				39,748,161
	TỔNG KINH PHÍ TRƯỚC THUẾ				397,481,612
I	Thủ lao chuyên gia				205,750,000
I.1	Lập chuyên đề tổng hợp của 18 phường				162,000,000
I.1.1	Tổng hợp số lượng, quy mô các nguồn gây ô nhiễm môi trường	Chuyên đề	1,500,000	18	27,000,000
I.1.2	Đánh giá về cơ cấu tổ chức trong công tác quản lý nhà nước tại các phường trên địa bàn quận hiện nay, những vấn đề còn tồn tại cần khắc phục	Chuyên đề	1,500,000	18	27,000,000
I.1.3	Chuyên đề tổng hợp thông tin cơ sở dữ liệu về tình hình thực hiện hồ sơ môi trường của các cơ sở trên địa bàn phường	Chuyên đề	1,500,000	18	27,000,000
I.1.4	Chuyên đề tổng hợp tình hình quản lý, thu gom phân loại chất thải rắn trên địa bàn các phường	Chuyên đề	1,500,000	18	27,000,000
I.1.5	Những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện những chương trình, đề án về bảo vệ môi trường đã thực hiện	Chuyên đề	1,500,000	18	27,000,000
I.1.6	Chuyên đề tổng hợp thông tin về kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn 18 phường thuộc quận Hoàn Kiếm	Chuyên đề	1,500,000	18	27,000,000
I.2	Lập báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp trên địa bàn quận Hoàn Kiếm				43,750,000
I.2.1	Chuyên đề về hiện trạng và diễn biến các thành phần môi trường tại quận Hoàn Kiếm				21,000,000
I.2.1.1	Rà soát, phân loại nguồn ô nhiễm trên địa bàn quận				7,500,000
	Tổng hợp, đánh giá các nguồn gây ô nhiễm từ hoạt động dân sinh, khu đô thị.	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
	Tổng hợp, đánh giá các nguồn gây ô nhiễm từ hoạt động thương mại, dịch vụ.	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
	Tổng hợp, đánh giá các nguồn gây ô nhiễm từ hoạt động khám, chữa bệnh.	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
	Tổng hợp, đánh giá các nguồn gây ô nhiễm từ các khối cơ quan, trường học.	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
	Tổng hợp, đánh giá các nguồn gây ô nhiễm từ các nguồn khác.	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
I.2.1.2	Hiện trạng tình hình kinh tế - xã hội	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
I.2.1.3	Hiện trạng sử dụng đất	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000

500
CỘNG HÒA
XÃ HỘI
VIỆT
NAM
THÀNH
PHỐ HÀ
NG

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN
I.2.1.4	Hiện trạng môi trường nước				4,500,000
	Hiện trạng môi trường nước thải sinh hoạt	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
	Hiện trạng môi trường nước thải y tế	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
	Hiện trạng môi trường nước mặt	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
I.2.1.5	Hiện trạng môi trường không khí	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
I.2.1.6	Chuyên đề về tình hình phát sinh chất thải	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
I.2.1.7	Chuyên đề về tình hình phân loại, thu gom chất thải rắn	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
I.2.1.8	Tổng hợp những vấn đề môi trường cần có phương án để giải quyết trong thời gian tới	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
I.2.2	Chuyên đề tình hình và kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại quận Hoàn Kiếm				9,000,000
I.2.2.1	Chuyên đề về tình hình ban hành, thực hiện các văn bản liên quan đến quản lý môi trường trên địa bàn quận	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
I.2.2.2	Chuyên đề tình hình và kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường không khí	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
I.2.2.3	Chuyên đề tình hình và kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường nước	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
I.2.2.4	Chuyên đề tình hình và kết quả thực hiện công tác quản lý và xử lý chất thải rắn phát sinh	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
I.2.2.5	Chuyên đề về kết quả thực hiện các chương trình, đề án về bảo vệ môi trường trong năm 2021	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
I.2.2.6	Chuyên đề tổng hợp đánh giá sơ bộ kết quả 5 năm thực hiện công tác bảo vệ môi trường	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
I.2.3	Chuyên đề đánh giá về tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong công tác bảo vệ môi trường của Quận				3,000,000
I.2.3.1	Chuyên đề đánh giá về tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong công tác bảo vệ môi trường	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
I.2.3.2	Chuyên đề đánh giá tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong việc triển khai các chương trình, đề án về bảo vệ môi trường đã thực hiện	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
I.2.4	Chuyên đề định hướng các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác bảo vệ môi trường của Quận				6,000,000
I.2.4.1	Chuyên đề định hướng các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác bảo vệ môi trường của Quận	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
I.2.4.2	Chuyên đề về các giải pháp để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác bảo vệ môi trường không khí	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
I.2.4.3	Chuyên đề về các giải pháp để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác bảo vệ môi trường nước	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN
1.2.4.4	Chuyên đề về các giải pháp để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý và xử lý chất thải rắn phát sinh	Chuyên đề	1,500,000	1	1,500,000
1.2.5	Lập báo cáo tổng kết công tác bảo vệ môi trường quận Hoàn Kiếm năm 2021	Báo cáo	4,750,000	1	4,750,000
II	Chi phí khác				191,731,612
II.1	Chi phí phân tích mẫu và bảo quản mẫu				146,963,412
1	Chi phí phân tích mẫu				141,713,412
1.1	Phân tích mẫu không khí	Mẫu	2,279,270	36	82,053,720
1.2	Phân tích mẫu nước mặt	Mẫu	17,952,564	3	53,857,692
1.3	Phân tích mẫu nước thải sinh hoạt (hộ gia đình, nhà hàng, khách sạn...)	Mẫu	1,934,000	3	5,802,000
2	Chi phí bảo quản mẫu	Mẫu	125,000	42	5,250,000
II.2	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin				44,768,200
1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500,000	1	500,000
2	Chi phí cho đối tượng cung cấp thông tin	Người	50,000	377	18,850,000
3	Chi phí cho người thực hiện điều tra, khảo sát thu thập thông tin	Công	135,455	40	5,418,200
4	Chi phí thuê xe phục vụ việc điều tra, khảo sát thu thập thông tin	Chuyến	500,000	40	20,000,000

[illegible]

2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 5 tháng 10 năm 2018

HỢP ĐỒNG SỐ 4/HĐKT/PTNMT-TL/2018

**HẠNG MỤC: LẬP BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
HUYỆN ĐÔNG ANH NĂM 2018**

**Thuộc kế hoạch thực hiện nhiệm vụ: Lập báo cáo công tác môi trường
huyện Đông Anh năm 2018.**

Giữa

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN ĐÔNG ANH

Và

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
THĂNG LONG**

Hà Nội, tháng 10/2018

Phần 1: CÁC CĂN CỨ HỢP ĐỒNG:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại nước số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH11 ngày 01/07/2014;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TTLT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BTNMT ngày 24/8/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo công tác bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 02/03/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành bộ quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá quan trắc, phân tích môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Quyết định số 4837/QĐ-UBND ngày 07/09/2018 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt đề cương chi tiết nhiệm vụ: Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường huyện Đông Anh năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 5072/QĐ-UBND ngày 21/09/2018 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự toán chi tiết và kế hoạch lựa chọn nhà thầu lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường huyện Đông Anh năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 5442/QĐ-UBND ngày 28/09/2018 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chỉ định thầu đơn vị tư vấn lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường huyện Đông Anh năm 2018;

Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng ký ngày 28/09/2018 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đông Anh và Công ty TNHH xây dựng và Công nghệ môi trường Thăng Long;

Căn cứ nhu cầu công việc và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của mỗi bên.

Phần 2: CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG:

Hôm nay, ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đông Anh, chúng tôi gồm:

1. BÊN A: PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN ĐÔNG ANH:

Đại diện: Ông: Nguyễn Lê Hiến - Trưởng phòng TN&MT Huyện

Ông: Nguyễn Đình Thanh - Chuyên viên phòng TN&MT

Ông: Nghiêm Thọ Thoan - Chuyên viên phòng TN&MT

Địa chỉ trụ sở: Số 66-68 Đường Cao Lỗ, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

Mã đơn vị QHNS: 1126770 Cơ quan chủ quản: UBND huyện Đông Anh

Số tài khoản: 9527.3.1126770 mở tại Kho bạc Nhà nước Đông Anh

2. BÊN B: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG THĂNG LONG

Đại diện: Ông Lê Tuấn Sơn chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Số 106 tổ 21, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy TP Hà Nội

VPGD: Số 12 ngách 1, ngõ 168 phố Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Tài khoản số: 04800012568888

Tại: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Seabank)– Chi nhánh Cầu Giấy.

Mã ngân hàng : 01317001

Mã số thuế: 0105007235

Điện thoại : 024 35690362/ 0934543966

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1: Nội dung công việc

Bên B nhận thực hiện tư vấn lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường huyện Đông Anh năm 2018 theo hướng dẫn tại phụ lục II của Thông tư số 19/2016/TT-BTNMT ngày 24/8/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo công tác bảo vệ môi trường và đề cương chi tiết đã được UBND huyện Đông Anh phê duyệt.

Tổng kinh phí thực hiện gói thầu tư vấn được quy định theo quyết định số 5072/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của UBND huyện Đông Anh, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Giá trị (sau thuế)
1	Chi phí thực hiện nhiệm vụ	410.928.383
2	Chi phí báo cáo tổng kết nhiệm vụ	12.650.000
3	Chi phí khác	20.752.600
	Tổng cộng (làm tròn)	444.330.000
	<i>Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng./.</i>	

Điều 2: Thời gian thực hiện hợp đồng

45 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng.

Điều 3: Quyền và trách nhiệm của bên B

3.1 Quyền của bên B

1. Yêu cầu Bên A cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ được giao.

2. Yêu cầu Bên A cử cán bộ chuyên môn tham gia phối hợp cùng với bên B để triển khai các hạng mục của dự án

3.2 Trách nhiệm của bên B

1. Tổ chức triển khai, thực hiện theo đúng nội dung công việc nêu tại Điều 1 và đề cương đã được phê duyệt, đảm bảo tiến độ, chất lượng.

2. Chịu trách nhiệm về kết quả phân tích, quan trắc chất lượng môi trường, các kết quả điều tra, khảo sát.

3. Duy trì chế độ báo cáo định kỳ theo kế hoạch.

Điều 4: Quyền và trách nhiệm của bên A

4.1 Quyền của bên A

1. Được điều chỉnh về nội dung, cấu trúc của các hạng mục trong quá trình triển khai dự án để bên B bổ sung cho phù hợp.

2. Giám sát toàn bộ quá trình thực hiện của bên B, yêu bên B báo cáo tiến độ trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.

4.2 Trách nhiệm của bên A

1. Phối hợp cùng bên B trong việc thu thập và cung cấp thông tin, tư liệu, tài liệu phục vụ cho công việc lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường huyện Đông Anh năm 2018.

2. Cử cán bộ chuyên môn tham gia cùng với bên B đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi cho bên B khi làm việc tại các phòng ban của huyện và tại địa phương.

3. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B theo đúng tiến độ hợp đồng.

Điều 5: Sản phẩm giao nộp

Hồ sơ lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường huyện Đông Anh năm 2018 được lập thành 04 bộ bao gồm:

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường huyện Đông Anh năm 2018 (trong đó gồm danh mục bảng phụ lục kèm theo, nội dung đáp ứng yêu cầu đề cương được duyệt).

- Kết quả quan trắc, phân tích các mẫu theo đề cương được duyệt.

Điều 6: Giá hợp đồng, thời hạn và phương thức thanh toán

1. Kinh phí thực hiện lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường huyện Đông Anh năm 2018 là **444.330.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng) (đã bao gồm thuế VAT 10%).

2. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

3. Thời hạn thanh toán: Thanh toán toàn bộ giá trị của hợp đồng sau khi Bên B hoàn thiện sản phẩm bàn giao cho Bên A theo điều 5 của Hợp đồng.

Điều 7: Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

Điều 8: Bảo mật

Hai bên cam kết bảo mật thông tin của hợp đồng và sản phẩm của hợp đồng không được phổ biến cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khi chưa được nghiệm thu, bàn giao và thanh lý hợp đồng. Sau khi nghiệm thu, bàn giao sản phẩm.

Bên B không được phổ biến, cung cấp sản phẩm bằng bản cứng, bản mềm cho bất kỳ tổ chức, cá nhân khi chưa được bên A đồng ý bằng văn bản.

Điều 9: Điều khoản chung

1. Hai bên phải tuyệt đối tôn trọng các điều khoản quy định trách nhiệm đã ghi trong hợp đồng.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề cần bổ sung hoặc phát sinh thì phải được cả hai bên trao đổi thỏa thuận. Bên nào tự ý hủy bỏ hợp đồng thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật Nhà nước.

3. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng. Hợp đồng gồm 7 trang (bao gồm cả phụ lục) được lập thành 07 (bảy) bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 05 (năm) bản, bên B giữ 02 (hai) bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Lê Hiến

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**



Lê Tuấn Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG KINH TẾ

VỀ VIỆC : CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CỦA GÓI THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG (GIAI ĐOẠN 1)
KHỐI NHÀ KHU PHỨC HỢP PHÒNG THÍ NGHIỆM NGHIÊN
CỨU (RLC) VÀ NHÀ LƯỚI

DỰ ÁN : NÂNG CẤP TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

ĐỊA ĐIỂM : ĐƯỜNG 3-2, PHƯỜNG XUÂN KHÁNH, QUẬN NINH KIỀU,
TP. CẦN THƠ.

CHỦ ĐẦU TƯ : BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NÂNG CẤP TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN
THƠ

SỐ HĐ : 0507/2021/HĐXLNT/XN10-TL

Giữa

**XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 10 – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT
TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ UDIC – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Và

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG THẮNG LONG

Hà Nội, tháng năm 2021

Phần 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật dân sự đã được Quốc hội khóa XI kỳ họp thứ 7 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2006.

Căn cứ Luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 11 kỳ họp thứ tư.

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của Hai Bên.

Phần 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 05 tháng 04 năm 2021, tại văn phòng Xí nghiệp xây dựng số 10, Chúng tôi đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

I. BÊN THUÊ (BÊN A): XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 10 – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ UDIC - CÔNG TY TNHH MTV

Người đại diện	: Ông Lê Cương
Chức vụ	: Giám đốc xí nghiệp
Địa chỉ Xí nghiệp	: Tầng 4, tòa nhà Trung Yên Plaza, Số 1 Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	: 024. 730.222.10 Fax:
Mã số thuế	: 0100106232 - 002
Tài khoản số	: 2891 0000 26 57 97
Tại ngân hàng	: Ngân hàng BIDV- CN Ngọc Khánh – Hà Nội.

Người theo dõi và thực hiện hợp đồng: Ông Nguyễn Tất Thắng, số CMND 112133840 cấp ngày 08 tháng 03 năm 2014, nơi cấp Công an thành phố Hà Nội.

II. BÊN NHẬN (BÊN B): CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG THĂNG LONG

Đại diện	: Ông Lê Tuấn Sơn
Chức vụ	: Giám đốc công ty
Địa chỉ	: Số 106, tổ 21, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
VPGD	: Số 11 ngách 28/10 ngõ 28 phố Nguyễn Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại	: 024 35690362
Mã số thuế	: 0105007235
Số tài khoản	: 0171113118888
Tại ngân hàng	: Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Thanh Xuân;

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG KINH TẾ VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải:

Bên A là Xi nghiệp xây dựng số 10 - UDIC

Bên B là Công ty TNHH xây dựng & công nghệ môi trường Thăng Long

Hai Bên được hiểu là Bên A và Bên B.

Ngày là các ngày tính theo dương lịch, tháng là các tháng tính theo dương lịch.

Bản vẽ thiết kế thi công bao gồm các tính toán và thông tin khác được Bên A cung cấp hay phê duyệt trên cơ sở đề xuất của Bên B để thực hiện Hợp đồng.

Công trường đặt tại đường 3-2, phường Xuân Khanh, quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ

Yêu cầu kỹ thuật nghĩa là các yêu cầu kỹ thuật của hạng mục và có thể được Bên A thay đổi, bổ sung hoặc chấp thuận thay đổi, bổ sung trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

Định nghĩa và diễn giải khác được lấy theo văn bản pháp luật hiện hành có liên quan;

Điều 2. Hồ sơ của Hợp đồng

Hồ sơ Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng, bao gồm các căn cứ ký kết Hợp đồng, điều khoản và điều kiện của hợp đồng này và các tài liệu được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau:

- Hợp đồng số VN14P6.CTU-C1-1 ký ngày 04/10/2019 giữa Tổng Công ty Đầu tư PTHT Đô thị UDIC và Ban quản lý dự án dự án Nâng Cấp trường Đại Học Cần Thơ và các phụ lục kèm theo (nếu có);

- Hợp đồng này và các phụ lục hợp đồng (nếu có);
- Các chỉ dẫn kỹ thuật, các bản vẽ thiết kế, điều kiện tham chiếu;
- Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 3. Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng

- Hợp đồng sử dụng: Tiếng Việt. Có thể dùng Tiếng Anh cho phần tên vật tư thiết bị, đặc tính kỹ thuật, Catalogue tiếng Anh.

- Tất cả các thư từ và tài liệu giao dịch khác liên quan đến hợp đồng sẽ được viết bằng Tiếng Việt.

Điều 4. Nội dung và khối lượng công việc của hợp đồng

- Bên A đồng ý giao thầu và Bên B đồng ý nhận cung cấp và lắp đặt thiết bị xử lý nước thải cho Dự án “Nâng cấp trường đại học Cần Thơ”. Vật tư, thiết bị được cung cấp sẽ tuân thủ theo đúng như bản vẽ thiết kế đã được phê duyệt và Phụ lục (nếu có) của hợp đồng này.

Điều 5. Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật:

a) Yêu cầu chung về kỹ thuật:

- Theo đúng chất lượng và yêu cầu kỹ thuật, đúng theo hồ sơ thiết kế được duyệt và các quy định chung trong hồ sơ và HĐKT giữa CĐT và UDIC.

- Đảm bảo cung cấp thiết bị, vật tư theo đúng yêu cầu chất lượng, chủng loại đã quy định trong Phụ lục Hợp đồng.

- Chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo những thông số trong thiết kế được Chủ đầu tư phê duyệt.

b) Tiêu chuẩn vật tư, thiết bị, nhân sự:

- Máy móc, vật tư, vật liệu mới 100%, sản xuất năm 2019, 2020 tới nay.
- Vật liệu, thiết bị phải có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo chất lượng, không vi phạm các chính sách về thuế và các chính sách khác có liên quan do nhà nước Việt Nam ban hành.

c) Kiểm tra, thử nghiệm thiết bị, vật tư đưa vào công trường:

- Bên B cùng cán bộ có trách nhiệm của Bên A tiến hành nghiệm thu kỹ thuật toàn bộ thiết bị, vật tư trước khi bàn giao. (Bên B có trách nhiệm làm thủ tục nghiệm thu vật tư, thiết bị của mình đối với CĐT, TVGS).
- Hàng hoá không đạt yêu cầu, Bên A có quyền không chấp nhận.
- Các loại vật tư, máy móc, thiết bị, nhân sự không đạt yêu cầu tuyệt đối không được đưa vào công trường. Bên A có quyền kiểm soát kho công trường của Bên B mà không cần báo trước.

d) Yêu cầu về đóng gói thiết bị, vật tư:

- Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Điều 6. Tiến độ thực hiện Hợp đồng

Thời gian bắt đầu từ ngày Bên A bàn giao hồ sơ thiết kế các công việc được giao cho bên B, Bên B phải tiến hành nhập vật tư, thiết bị cung cấp cho bên A để phù hợp với tiến độ lắp đặt, tiến độ chung của gói thầu được Chủ đầu tư phê duyệt.

Tất cả các công việc bao gồm nhập thiết bị, vật tư và lắp đặt tỉnh phải được hoàn thành trước ngày 19/08/2021. Công tác chạy thử liên động sẽ được tiến hành sau khi có nguồn điện 3 pha đảm bảo cấp đến 02 tủ điều khiển của hệ thống, công tác vận hành thử nghiệm hệ thống và bàn giao sẽ được tiến hành sau khi có đủ nguồn nước thải phát sinh từ dự án. (Trường hợp nếu phải gia hạn thời gian thực hiện các công việc trong hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo ký phụ lục hợp đồng)

Điều 7. Giá Hợp đồng.

7.1- Giá trị Hợp đồng:

Giá trị hợp đồng là: **3.757.153.400 đồng** (đã bao gồm 10% thuế VAT)

(Bằng chữ: Ba tỷ, bảy trăm năm mươi bảy triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm đồng./.)

+ Giá trị Hợp đồng đã bao gồm 10% thuế GTGT, các loại thuế, phí và các chi phí khác có liên quan để bên B thực hiện hoàn thành cung cấp các hạng mục công việc đã nêu trên của hợp đồng đảm bảo đạt theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế và được Chủ đầu tư chấp thuận nghiệm thu, thanh toán.

+ Bên B cam kết rằng giá trị hợp đồng nêu trên là bên B đã đảm bảo xem xét kỹ các hồ sơ thiết kế, kiểm tra khảo sát hiện trường, giá cả thị trường...bao gồm toàn bộ các chi phí có liên quan để bên B thực hiện hoàn thành việc cung cấp vật tư thiết bị trong hợp đồng đảm bảo đạt theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế và được Chủ đầu tư chấp thuận nghiệm

thu, thanh toán mà không đòi hỏi thêm bất kỳ một khoản chi phí phát sinh nào khác để hoàn thành các khối lượng công việc trong hợp đồng này.

7.2- Hình thức Hợp đồng:

Theo đơn giá cố định, thanh toán khối lượng theo thực tế cung cấp.

Điều 8. Bảo lãnh tạm ứng

Trước khi bên A thực hiện việc tạm ứng hợp đồng, Bên B có trách nhiệm nộp bảo lãnh tạm ứng hợp đồng cho bên A bằng thư bảo lãnh của một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (theo mẫu bảo lãnh vô điều kiện không hủy ngang được bên A chấp thuận). Giá trị bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng bằng 100% giá trị tạm ứng Hợp đồng tương ứng với giá trị là **563.573.010 đồng (Năm trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, không trăm mười đồng).**

Bảo lãnh tạm ứng có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến khi thu hồi hết số tiền tạm ứng. Trong trường hợp trước 20 ngày đến ngày hết hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng mà bên A chưa thu hồi hết giá trị tạm ứng thì bên B phải có trách nhiệm gia hạn bảo lãnh tạm ứng. Nếu bên B chậm gia hạn hoặc không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng thì bên A thực hiện thu hồi số tiền tạm ứng chưa được bên B hoàn trả từ ngân hàng đã cung cấp bảo lãnh.

Bên A có quyền thực hiện thu hồi số tiền tạm ứng từ ngân hàng đã cung cấp bảo lãnh nếu bên B vi phạm một trong các trường hợp sau:

- + Bên B sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.
- + Bên B chậm gia hạn hoặc không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng.

Trường hợp đến thời điểm chấm dứt hợp đồng nhưng giá trị hoàn thành của bên B không đạt bằng số tiền đã tạm ứng của Hợp đồng thì bên B phải hoàn trả số tiền tạm ứng còn lại cho Bên A trong thời gian 07 (bảy) ngày kể từ ngày Hợp đồng bị chấm dứt (Số tiền tạm ứng còn lại bằng số tiền đã tạm ứng trừ đi giá trị khối lượng hoàn thành của bên B được bên A chấp nhận thanh toán). Nếu quá thời hạn trên mà bên B vẫn chưa hoàn trả hoặc hoàn trả chưa hết số tiền tạm ứng còn lại cho bên A, bên A thực hiện thu hồi số tiền tạm ứng chưa được bên B hoàn trả từ ngân hàng đã cung cấp bảo lãnh.

Điều 9. Điều kiện thanh toán

9.1- Loại tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

9.2- Phương thức thanh toán: Bên A sẽ thanh toán bằng chuyển khoản 100% trực tiếp vào tài khoản bên B.

9.3- Tài khoản để tạm ứng và thanh toán: Theo hợp đồng.

9.4- Tạm ứng và thanh toán:

a) Tạm ứng:

- Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 15% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền là **563.573.010 đồng (Năm trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, không trăm mười đồng)** sau khi hợp đồng có hiệu lực và Bên A nhận được các hồ sơ sau:

- + Giấy đề nghị tạm ứng.
- + Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng.

- Số tiền tạm ứng sẽ được Bên A thu hồi hết trong lần thanh toán đầu tiên.

b) Thanh toán:

- Sau khi bên B hoàn thành công tác nhập thiết bị, vật tư phục vụ cho công trình và được Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát đồng ý nghiệm thu, bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 80% giá trị thiết bị, vật tư được nghiệm thu (trừ đi giá trị thu hồi tạm ứng) sau khi bên A nhận được tiền thanh toán của Chủ đầu tư.

- Hàng tháng bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 95% giá trị hoàn thành sau khi bên A nhận được tiền thanh toán của Chủ đầu tư cho các hạng mục công việc hoàn thành của bên B sau khi đã trừ đi các chi phí:

- + Các giá trị tiện ích do Bên A cung cấp cho Bên B (nếu có);
- + Phạt vi phạm (nếu có);
- + Các khoản khấu trừ khác (nếu có).

- Hồ sơ thanh toán bao gồm các hồ sơ (bản gốc) sau:

- + Giấy đề nghị thanh toán.
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa.
- + Tài liệu hướng dẫn sử dụng, vận hành tuân thủ theo quy định của dự án.
- + Giấy chứng nhận nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa (CO bản sao y công chứng) (Nếu là thiết bị nhập khẩu).
- + Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ bản sao y công chứng) (Nếu là thiết bị nhập khẩu).
- + Vận đơn tàu biển (Bill of Lading bản sao y công chứng, nếu có) (Nếu là thiết bị nhập khẩu).
- + Danh mục đóng gói hàng hoá chi tiết (Packing List bản sao y công chứng) (Nếu là thiết bị nhập khẩu).
- + Biên bản nghiệm thu có xác nhận của Bên A, Chủ đầu tư và đại diện Tư vấn;
- + Hóa đơn tài chính hợp lệ.
- + Các hồ sơ, tài liệu khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

c) Quyết toán:

- Vào đợt thanh toán cuối cùng Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 95% giá trị hoàn thành sau khi Bên A được cấp có thẩm quyền phê duyệt giá trị quyết toán và Bên A nhận được tiền thanh toán từ Chủ đầu tư cho hạng mục công việc của bên B. Các tài liệu trình bày chi tiết trong bộ hồ sơ quyết toán bao gồm:

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi Hợp đồng; Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng. Biên bản nghiệm thu có xác nhận của Chủ đầu tư, đại diện tư vấn, Bên A(Bản phô tô được bên A cấp)

+ Bảng tính giá trị đề nghị quyết toán bao gồm các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh ngoài hợp đồng (nếu có), giá trị quyết toán đã ký có xác nhận của đại diện bên A, Chủ đầu tư, đại diện tư vấn.

+ Các tài liệu khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư và bên A.

- Bên B phải có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ cho bên A với Chủ đầu tư toàn bộ phần công việc do bên B thực hiện từ thời điểm bên B bắt đầu thực hiện hợp đồng đến khi hồ sơ quyết toán của Bên A và Chủ đầu tư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, sau khi hồ sơ quyết toán giữa bên A và Chủ đầu tư được cơ quan thẩm quyền phê duyệt bên A phải xác nhận bằng văn bản về việc bên B đã hoàn thành mọi nghĩa vụ theo hợp đồng và tiến hành thanh toán cho bên B theo thỏa thuận.

- Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 5% giá trị quyết toán còn lại sau khi bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành 24 tháng hoặc bên B nộp cho bên A bảo lãnh bảo hành bằng thư bảo lãnh của một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (theo mẫu bảo lãnh vô điều kiện không hủy ngang được bên A chấp thuận) với giá trị tương đương 5% giá trị quyết toán còn lại và Bên A nhận được tiền thanh toán từ Chủ đầu tư cho hạng mục công việc của Bên B.

Điều 10: Điều kiện nghiệm thu và bàn giao công trình

10.1. Điều kiện nghiệm thu:

- Được chủ đầu tư, tư vấn giám sát, tư vấn quản lý dự án chấp thuận nghiệm thu.
- Bên A sẽ thực hiện nghiệm thu từng công việc xây dựng, từng bộ phận công trình xây dựng, từng giai đoạn thi công, hạng mục công trình. Đối với các bộ phận bị che khuất của công trình phải được nghiệm thu và vẽ bản vẽ hoàn công trước khi tiến hành các công việc tiếp theo.
- Bên A chỉ nghiệm thu khối lượng, nghiệm thu đã hoàn thành khi có đầy đủ Hồ sơ theo quy định.
- Công trình chỉ được nghiệm thu đưa vào sử dụng khi đảm bảo đúng yêu cầu thiết kế, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

10.2. Điều kiện để bàn giao công trình đưa vào sử dụng:

- Đảm bảo các yêu cầu về nguyên tắc, nội dung và trình tự bàn giao công trình đã xây dựng xong đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng.
- Đảm bảo an toàn trong vận hành, khai thác khi đưa công trình vào sử dụng.
- Được Chủ đầu tư, Tư vấn nghiệm thu chấp thuận.

Điều 11: Bảo hành:

- Bên B có trách nhiệm bảo hành theo thời gian và yêu cầu của Chủ đầu tư mà bên A đã ký kết trong hợp đồng A-B, tính từ ngày hai Bên ký Biên bản nghiệm thu bàn giao, đưa hệ thống vào sử dụng. Phạm vi bảo hành bao gồm việc sửa lỗi, khắc phục sự cố thiết bị do Bên B cung cấp.
- Trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Bên A, Bên B phải có mặt để kiểm tra, xác định lỗi mà không tính phí.
- Sau 05 ngày nhận được thông báo của Bên A mà Bên B không đến hoặc không đưa ra được các biện pháp khắc phục được các lỗi phát sinh, Bên A có thể tiến hành những sửa chữa cần thiết với rủi ro và chi phí do Bên B chịu và không làm ảnh hưởng tới bất cứ quyền lợi nào khác của Bên mua theo Hợp đồng.
- Trường hợp lỗi thiết bị hoặc do lỗi Bên B, hoặc lỗi nhà sản xuất, Bên B phải khắc phục, sửa chữa miễn phí.

- Để đảm bảo cho nghĩa vụ bảo hành của bên B theo quy định của hợp đồng này bên A sẽ giữ lại 5% giá trị quyết toán cho đến khi bên B cung cấp cho bên A chứng thư bảo lãnh bảo hành (vô điều kiện và không hủy ngang, thanh toán ngay lập tức theo yêu cầu của bên A) có giá trị bảo lãnh bảo hành 5% giá trị quyết toán hợp đồng này và có thời hạn là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày các bên ký biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng được phát hành bởi một ngân hàng đang hoạt động hợp pháp tại Việt nam theo mẫu được bên A chấp thuận.

- Bảo hành theo ý kiến CĐT (nếu có).

Điều 12: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp:

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng khi có những vấn đề tranh chấp hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc đảm bảo các quy định Nhà nước hiện hành.

- Khi tranh chấp không tự giải quyết được thì hai bên cùng nhau chuyển đến Toà án kinh tế Hà Nội giải quyết. Mọi chi phí cần thiết cho Toà án xử do bên có lỗi chịu.

Điều 13: Bất khả kháng:

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên như động đất, bão, lũ, lụt, gió lốc, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, đình công, hoả hoạn, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch, cấm vận và các thảm họa khác chưa lường hết trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cản của cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam.

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để chấm dứt hợp đồng. Bên B sẽ không bị xử lý bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, không phải bồi thường thiệt hại hay bị phạt, bị chấm dứt Hợp đồng trong những trường hợp bất khả kháng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải có nghĩa vụ:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng trong vòng 7 ngày sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 14: Tạm dừng, huỷ bỏ hợp đồng:

14.1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Các trường hợp tạm dừng Hợp đồng do lỗi của các bên hay các trường hợp bất khả kháng.

- Các trường hợp khác do hai bên thoả thuận.

- Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra nhưng phải báo trước cho bên kia bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký kết; trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà việc tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

- Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

14.2. Huỷ bỏ hợp đồng:

- Một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng.

- Bên huỷ bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường.

- Khi hợp đồng bị huỷ bỏ, Bên B phải ngừng việc ngay lập tức, giữ công trường an toàn và rời công trường trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng.

- Mọi vật liệu tại hiện trường như máy móc, công trình tạm và công trình sẽ được xem là tài sản của Bên A nếu Hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Bên B (khi có quyết định của Toà án).

Điều 15: Bồi thường thiệt hại, phạt khi vi phạm hợp đồng

15.1. Bồi thường hợp đồng

- Bên vi phạm hợp đồng sẽ phải bồi thường cho Bên kia. Thời gian và mức bồi thường thiệt hại do hai bên thoả thuận để khắc phục.

15.2. Phạt Hợp đồng

- Theo quy định về thưởng phạt khi vi phạm hợp đồng hiện hành của Nhà nước. Nếu Trường hợp Bên B chậm tiến độ so với thời gian quy định trong hợp đồng thì ngoài tiền phạt của Chủ đầu tư thì bên B sẽ bị phạt thêm 0,5% giá trị hợp đồng/tuần chậm tiến độ, Bên A có quyền xem xét tỉ lệ phạt nhưng tổng mức phạt thêm không vượt quá 12% giá trị hợp đồng và cụ thể tỉ lệ phạt của từng lần vi phạm sẽ do bên A xem xét, quyết định. Trong trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng bị kéo dài do yếu tố khách quan như xảy ra bất khả kháng, do lỗi của Chủ đầu tư, bên A hay các nhà thầu khác, thì Chủ đầu tư và bên A xác định và khấu trừ thời gian bị kéo dài này với bên B. Khi tỷ lệ phạt thêm đạt 2% giá trị hợp đồng, Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng và tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng.

- Nếu Bên B cung cấp vật tư, thiết bị không đúng hoặc không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của bản vẽ thiết kế thi công và tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật theo quy định, thì Bên B phải thực hiện việc thay thế hoặc sửa chữa/khắc phục và chịu mọi kinh phí cho việc thay thế/sửa chữa/khắc phục đó. Việc thay thế/sửa chữa/khắc phục được coi là hoàn thành sau khi được Bên A nghiệm thu và xác nhận bằng văn bản. Để làm rõ, việc thay thế/sửa chữa/khắc phục phải được thực hiện trong khoảng thời gian hợp lý do Bên A ấn định. Trong trường hợp việc thay thế/sửa chữa/khắc phục làm tiến độ thực hiện Hợp Đồng bị chậm so với kế hoạch, Bên A có quyền áp dụng các hình thức phạt như nêu tại Khoản 14.1 của Điều này.

- Nếu Bên B không thay thế/sửa chữa/khắc phục hoặc cố tình trì hoãn hoặc thay thế/sửa chữa/khắc phục không đầy đủ, không đảm bảo chất lượng, Bên A có thể tự thực hiện hoặc thuê nhà thầu khác thực hiện tùy theo quyết định của Bên A, và Bên B sẽ phải chịu mọi chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc thay thế/sửa chữa/khắc phục, đồng thời phải chịu phạt do vi phạm về chất lượng tối đa không quá 12% Giá trị Hợp Đồng và phải bồi thường thiệt hại cho Bên A (nếu có).

- Nếu Bên A chậm thanh toán cho Bên B theo Điều 4 của Hợp đồng thì Bên A chịu phạt theo lãi suất Ngân hàng phần giá trị hợp đồng chậm thanh toán nhưng không quá 15 (mười lăm) ngày.

Điều 16: Trách nhiệm của Bên B:

- Đảm bảo rằng tất cả các công việc Bên B thực hiện theo Hợp đồng này phải tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và các quy định về tiêu chuẩn của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Thực hiện đầy đủ các nội dung công việc theo yêu cầu của Hợp đồng; - Cử đại diện có thẩm quyền, đủ năng lực nhận bàn giao thiết bị, vật tư từ Bên A và chịu trách nhiệm về chất lượng của thiết bị, vật tư sau khi đã nhận bàn giao;

- Sử dụng vật tư Bên A cấp đúng mục đích và tuân thủ hao hụt theo các quy định hiện hành. Tất cả các trường hợp sử dụng vật tư quá hao hụt Bên A sẽ khấu trừ vào đợt thanh toán gần nhất mà không cần có sự đồng ý của Bên B;

- Cử đại diện có thẩm quyền, phù hợp với chuyên môn thường xuyên có mặt tại công trình để giải quyết kịp thời mọi vấn đề cần thiết trong quá trình thi công;

- Tổ chức bảo vệ an ninh trật tự, bảo đảm vệ sinh môi trường và chịu trách nhiệm toàn bộ về an toàn lao động trên công trường đối với người của bên B và các bên khác trong phạm vi thi công (bên thứ 3);

- Bên B sẽ sắp xếp bố trí nhân lực của mình và năng lực cần thiết như danh sách trong hồ sơ dự thầu để phục vụ công việc của mình;

- Bên B phải cam kết rằng, khi có yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm do CĐT ấn định (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày hoàn thành và bàn giao công trình;

- Bên B sẽ phải tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn của Bên A, ngoại trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với pháp luật hoặc không thể thực hiện được;

- Chịu trách nhiệm đến cùng đối với hạng mục công việc của mình. Khi cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán các vấn đề liên quan đến gói thầu này, Bên B có trách nhiệm cùng chủ đầu tư giải trình và tuân thủ theo kết luận của các cơ quan này;

- Bên B phải có trách nhiệm bảo mật các tài liệu, thông tin liên quan đến dự án;

- Tự đảm bảo an toàn lao động cho cán bộ, công nhân của mình trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng. Đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường và các quy định khác trên công trường và địa phương nơi công trình thi công;

- Thi công đúng tiến độ theo yêu cầu của gói thầu;

- Bảo hành theo quy định;

- Thực hiện hoàn công công trình đúng quy định;

- Thực hiện đầy đủ công tác bảo hiểm, an toàn lao động cho con người, tài sản, thiết bị theo quy định của pháp luật;

- Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm về tai nạn lao động (do lỗi của mình gây ra) và bồi thường thiệt hại đối với người bị tai nạn;

- Bố trí công nhân dọn dẹp vệ sinh nơi thi công vào cuối ngày và vận chuyển phế thải vào đúng nơi quy định của bên A nếu bên B không thực hiện thì bên A có quyền thuê

tổ công nhật và chi phí công nhật sẽ trừ vào sản lượng của bên B vào kỳ thanh toán gần nhất;

- Bên B phải cam kết đóng đầy đủ bảo hiểm cho người lao động, và chịu trách nhiệm với đơn vị bảo hiểm xã hội về cam kết của mình;

- Tự bỏ kinh phí sửa chữa công việc thi công khi Bên A kiểm tra, nghiệm thu không đảm bảo yêu cầu chất lượng theo quy định của hợp đồng và các tiêu chuẩn hiện hành.

Điều 17: Trách nhiệm của Bên A:

- Bên A sẽ cung cấp cho Bên B các thông tin, tài liệu cần thiết liên quan đến dự án để phục vụ công tác quản lý theo đề nghị của Bên B;

- Bên A sẽ cung cấp cho bên B bản sao tất cả các tài liệu liên quan thay đổi bổ sung thiết kế A;

- Bên A sẽ cùng hợp tác với Bên B và tạo điều kiện đến mức tối đa cho Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng;

- Thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo đúng các quy định được thỏa thuận trong Hợp đồng này.

- Thông tin: Bên A sẽ trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Bên B kịp thời;

- Điều kiện mặt bằng: Bên A cung cấp cho bên B điểm đấu nối điện 1 pha, nước sạch phục vụ thi công tại hiện trường.

Điều 18: Điều khoản chung

17.1. Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các Bên quản lý theo quy định hiện hành của pháp luật Nhà nước về bảo mật.

17.2. Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

17.3. Hợp đồng này được lập thành 06 bản, có giá trị như nhau. Bên A giữ 04 (bốn) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

17.4. Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày Bên A nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng của Bên B cho tới khi bên B hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ của hợp đồng.


ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC
Lê Cường


ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC
ThS. Lê Tuấn Sơn

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

KÈM THEO HỢP ĐỒNG SỐ: 0507/2021/HĐ/XN10-TL NGÀY 05/04/2021

DỰ ÁN : NÂNG CẤP TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Gói thầu 1-1: Thi công xây dựng (Giai đoạn 1) khối nhà Khu phức hợp phòng thí nghiệm nghiên cứu (RLC) và Nhà lưới

Hạng mục: Thiết bị xử lý nước thải

Số Hạng mục/ Item no	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá Rate	Thành tiền Amount
				VND	VND
	Thiết bị bể nước thải truyền nhiễm (1&2) Equipment for infectious wastewater tanks (1 & 2)			-	-
22944	Lọc rác tinh loại kín. (SR-01) 10-15m ³ /h - 0,2kw Wastewater treatment screening (SR-01) 10-15m ³ /h - 0,2kw	cái/ pcs	2	45,962,000	91,924,000
22945	Máy khuấy chìm nước thải truyền nhiễm (bao gồm thanh trượt, xích kéo). N= 1,5kW Infectious wastewater Submersible Compact Mixer (including slider, chain drag). N= 1,5kW	cái/ pcs	2	29,498,000	58,996,000
22946	Phao báo mực nước loại siêu âm 4 điểm tiếp xúc DC24V, IP67 Ultrasonic Sensor Water Level Indicator 4 points DC24V, IP67	cái/ pcs	2	17,052,000	34,104,000
	Thiết bị bể khử trùng (1 & 2) Disinfection tank equipment (1 & 2)			-	-
22947	Van bi điện cho các hóa chất NaOCL, NaHSO ₃ Electric ball valve for chemicals NaOCL, NaHSO ₃	cái/ pcs	4	9,016,000	36,064,000
22948	Motor xáo trộn nước thải bể khử trùng (AR-02) Công suất: 3,7kW, 3pha, 380V, 50Hz, tốc độ vòng quay 50 vòng/phút Motor disturbance of disinfection tank waste water (AR-02) Capacity: 3.7kW, 3phase, 380V, 50Hz, rotation speed of 50 revolutions / minute	cái/ pcs	2	58,016,000	116,032,000
22949	Cánh khuấy, bộ đỡ motor khuấy Vật liệu: SUS 304 Propeller, motor base Material: SUS 304	bộ/ set	2	39,004,000	78,008,000
22950	Bơm chuyển nước thải khử trùng PR - 02a,b Loại bơm chìm N=0,75 kW (1,0HP), Q= 8 m ³ /h; H = 10mH ₂ O, 380V, 50HZ IP68 Wastewater disinfection pump PR - 02a,b Submersible pump N=0,75 kW (1,0HP), Q= 8 m ³ /h; H = 10mH ₂ O, 380V, 50HZ IP68	cái/ pcs	4	26,852,000	107,408,000
22951	Phao báo mực nước loại siêu âm 4 điểm tiếp xúc DC24V, IP67 Ultrasonic Sensor Water Level Indicator 4 points DC24V, IP67	cái/ pcs	2	17,052,000	34,104,000
	HẠNG MỤC THIẾT BỊ CHO NƯỚC THẢI PHÒNG THÍ NGHIỆM ITEM: EQUIPMENT FOR WASTEWATER AT LABORATORY			-	-
	Bể chứa nước thải phòng thí nghiệm Laboratory wastewater tank			-	-
22952	Lọc rác tinh loại kín. (SR-01) 10-15m ³ /h - 0,2kw Wastewater treatment screening (SR-01) 10-15m ³ /h - 0,2kw	cái/ pcs	1	45,962,000	45,962,000
22953	Bơm nước thải phòng thí nghiệm PR- 11a,b Loại bơm chìm N=0,25 kW (0,4HP), Q= 3 m ³ /h; H = 6mH ₂ O, 380V, 50HZ IP68 Laboratory wastewater pump PR- 11a,b Submersible pump N=0,25 kW (0,4HP), Q= 3 m ³ /h; H = 6mH ₂ O, 380V, 50HZ IP68	cái/ pcs	2	10,192,000	20,384,000

Số Hạng mục./ Item no	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá Rate	Thành tiền Amount
				VND	VND
22954	Phao báo mực nước loại siêu âm 4 điểm tiếp xúc DC24V, IP67 Ultrasonic Sensor Water Level Indicator 4 points DC24V, IP67	cái/ pcs	1	17,052,000	17,052,000
	Bể điều chỉnh PH số 1 PH control tank number 1			-	-
22955	Van bi điện cho các hóa chất H2SO4,NaOH Electric ball valve for chemicals H2SO4,NaOH	cái/ pcs	2	9,016,000	18,032,000
22956	Motor xáo trộn nước thải bể (AR-11) Công suất:1,5kW, 3pha, 380V, 50Hz, tốc độ 50 vòng/phút Motor disturbance of tank waste water (AR-11) Capacity: 1,5kW, 3phase, 380V, 50Hz, rotation speed of 50 revolutions / minute	cái/ pcs	1	22,344,000	22,344,000
22957	Cánh khuấy, bộ đỡ motor khuấy Vật liệu:SUS 304 Propeller, motor base Material: SUS 304	bộ/ set	1	39,004,000	39,004,000
22958	Đầu dò PH - Dải đo: 0.0 - 14.0 - Nhiệt độ: 0 đến 100 0C - Độ phân giải: 0,01PH; temp:0,10C - Áp suất tối đa: 6bar - Cổng kết nối: BNC - Chiều dài dây cáp: 5met Hiển thị: màn hình 128 x 64 graphical LCD Nhiệt độ môi trường: 0 - 50 oC, cấp độ bảo vệ IP65, 220V PH probe - Measuring range: 0.0 - 14.0 - Temperature: 0 to 100 0C - Resolution: 0.01PH; temp: 0.10C - Maximum pressure: 6bar - Connection port: BNC - Cable length: 5met Display: screen 128 x 64 graphical LCD Environment temperature: 0 - 50 oC, protection level IP65, 220V	bộ/ set	1	22,050,000	22,050,000
	Bể điều chỉnh PH số 2 PH adjustment tank number 2			-	-
22959	Van bi điện cho hóa chất NaOH Electric ball valve for chemicals NaOH	cái/ pcs	1	9,016,000	9,016,000
22960	Motor xáo trộn nước thải bể (AR-12) Công suất:1,5kW, 3pha, 380V, 50Hz, tốc độ 50 vòng/phút Motor disturbance of tank waste water (AR-12) Capacity: 1,5kW, 3phase, 380V, 50Hz, rotation speed of 50 revolutions / minute	cái/ pcs	1	22,344,000	22,344,000
22961	Cánh khuấy, bộ đỡ motor khuấy Vật liệu:SUS 304 Propeller, motor base Material: SUS 304	bộ/ set	1	39,004,000	39,004,000

Số Hạng mục/ Item no	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá Rate	Thành tiền Amount
				VND	VND
22962	Đầu dò PH - Dải đo: 0.0 - 14.0 - Nhiệt độ: 0 đến 100 °C - Độ phân giải: 0,01PH; temp:0,10C - Áp suất tối đa: 6bar - Cổng kết nối: BNC - Chiều dài dây cáp: 5met Hiển thị: màn hình 128 x 64 graphical LCD Nhiệt độ môi trường: 0 - 50 °C, cấp độ bảo vệ IP65, 220V PH probe - Measuring range: 0.0 - 14.0 - Temperature: 0 to 100 °C - Resolution: 0.01PH; temp: 0.10C - Maximum pressure: 6bar - Connection port: BNC - Cable length: 5met Display: screen 128 x 64 graphical LCD Environment temperature: 0 - 50 °C, protection level IP65, 220V	bộ/ set	1	22,050,000	22,050,000
	HẠNG MỤC THIẾT BỊ CHO NƯỚC THẢI NHÀ BẾP + SINH HOẠT ITEM: EQUIPMENT FOR WASTEWATER AT KITCHEN + LIVING ROOM			-	-
	Bể điều hòa Conditioner tank			-	-
22963	Song chắn rác, kích thước: 0,5m x 0,5m x 0,6m. Vật liệu: inox 304 dày 1,2mm đường kính lỗ d3mm Barrier catching trash, dimension: 0,5m x 0,5m x 0,6m. Material: stainless steel 304 thickness 1,2mm diameter hole d3mm	cái/ pcs	1	18,522,000	18,522,000
22964	Bơm chìm đưa nước qua bể sinh học PR-21a,b Loại bơm chìm N=0,4 kW (0,5HP), Q= 4,0 m3/h; H = 8mH2O, 380V, 50HZ IP68 Submersible pump to Aerotank PR-21a,b Submersible pump N=0,4 kW (0,5HP), Q= 4,0 m3/h; H = 8mH2O, 380V, 50HZ IP68	cái/ pcs	2	11,662,000	23,324,000
22965	Phao báo mức nước Water Level Indicator	cái/ pcs	1	2,156,000	2,156,000
22966	Đĩa thổi khí thô. Đường kính: d75 Lưu lượng: 0-27m3/h Disc diffuser. Diameter: d75 Flow: 0-27m3/h	cái/ pcs	14	490,000	6,860,000
	Bể sinh học hiếu khí số 1 Activated sludge - MBBR number 1			-	-
22967	Van bi điện cho hóa chất NaOH Electric ball valve for chemicals NaOH	cái/ pcs	1	9,016,000	9,016,000
22968	Đĩa thổi khí tinh. Đường kính: d270 Lưu lượng: 0-12m3/h Threaded Disc. Diameter: d270 Flow: 0-12m3/h	cái/ pcs	8	588,000	4,704,000
	Bể sinh học hiếu khí số 2 Activated sludge - MBBR number 2			-	-
22969	Đĩa thổi khí tinh. Đường kính: d270 Lưu lượng: 0-12m3/h Threaded Disc. Diameter: d270 Flow: 0-12m3/h	cái/ pcs	8	588,000	4,704,000

Số Hạng mục/ Item no	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá Rate	Thành tiền Amount
				VND	VND
22970	Gia thể vi sinh dính bám dạng tấm. L x B =500mmx 1000mm Mbbf Plastic Bio Filter Media L x B =500mmx 1000mm	m3	10	1,764,000	17,640,000
22971	Khung đỡ giá thể vi sinh và phụ kiện. Vật liệu: inox 304 Bracket for Mbbf Plastic Bio Filter Media. Material: stainless steel 304	hệ/ system	1	27,048,000	27,048,000
22972	Máy thổi khí N=3,7 kW (5HP), Q= 3,63 m3/min; H = 4mH2O, 380V, 50HZ IP68 Roots blower N=3,7 kW (5HP), Q= 3,63 m3/min; H = 4mH2O, 380V, 50HZ IP68	cái/ pcs	3	68,012,000	204,036,000
22973	Đầu dò PH - Dải đo: 0.0 - 14.0 - Nhiệt độ: 0 đến 100 0C - Độ phân giải: 0.01PH; temp:0.10C - Áp suất tối đa: 6bar - Cổng kết nối: BNC - Chiều dài dây cáp: 5met Hiển thị: màn hình 128 x 64 graphical LCD Nhiệt độ môi trường: 0 - 50 oC, cấp độ bảo vệ IP65, 220V PH probe - Measuring range: 0.0 - 14.0 - Temperature: 0 to 100 0C - Resolution: 0.01PH; temp: 0.10C - Maximum pressure: 6bar - Connection port: BNC - Cable length: 5m Display: screen 128 x 64 graphical LCD Environment temperature: 0 - 50 oC, protection level IP65, 220V	cái/ pcs	1	22,050,000	22,050,000
	Bể lắng sinh học Secondary clarifier tank				
22974	Motor gạt bùn bể lắng N=0,37 kW (0,5HP), 380V, 50HZ, tốc độ vòng quay: 4-6 vòng/phút Motor for sedimentation tank N = 0.37 kW (0.5HP), 380V, 50HZ, rotation speed: 4-6 rpm	cái/ pcs	1	38,710,000	38,710,000
22975	Bộ cánh gạt bùn và tấm cào, Vật liệu: inox 304 và cao su Mud flaps and scratch plates. Material: stainless steel 304 and rubber	bộ/ set	1	101,724,000	101,724,000
22976	Bơm tuần hoàn bùn Loại bơm chìm N=0,4 kW (0,5HP), Q= 4,0 m3/h; H = 8mH2O, 380V, 50HZ IP68 Mud circulating pumps Submersible pump N=0,4 kW (0,5HP), Q= 4,0 m3/h; H = 8mH2O, 380V, 50HZ IP68	cái/ pcs	2	11,662,000	23,324,000
	Bể khử trùng Disinfection tank				
22977	Phao báo mức nước Water level indicator	cái/ pcs	1	2,156,000	2,156,000
22978	Bơm xả Loại bơm chìm P=0.75 kW (1,0HP), Q= 8m3/h; H = 10mH2O, 380V, 50HZ IP68 Drain Pump Submersible pump P=0.75 kW (1,0HP), Q= 8m3/h; H = 10mH2O, 380V, 50HZ IP68	cái/ pcs	2	16,856,000	33,712,000

Số Hạng mục/ Item no	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá Rate	Thành tiền Amount
				VND	VND
22979	Van bi điện cho hóa chất NaOCl Electric ball valve for chemicals NaOCl	cái/ pcs	1	9,016,000	9,016,000
22980	Đồng hồ đo lưu lượng điện tử, 10m3/h Electronic flow meter, 10m3 / h	cái/ pcs	1	10,192,000	10,192,000
	Bể chứa bùn Sludge storage tank			-	-
22981	Phao báo mức nước Water level indicator	cái/ pcs	1	2,156,000	2,156,000
	CÁC THIẾT BỊ KHÁC OTHER EQUIPMENT			-	-
22982	Quạt hút nước thải khử trùng BR-03b N= 2800 Nm3/h, 3P, P: 15 Kw, áp suất: 165 mmAq Wastewater Treatment Blower BR-03b N = 2800 Nm3 / h, 3P, P: 15 Kw, pressure: 165 mmAq	cái/ pcs	2	17,444,000	34,888,000
22983	Quạt cấp khí sạch cho tủ điện BA-04 N= 500 Nm3/h, 3P, 380V, P: 0,02 Kw, áp suất: 10 mmAq Electrical cabinet fan filter BA-04 N = 500 Nm3 / h, 3P, 380V, P: 0.02 Kw, pressure: 10 mmAq	cái/ pcs	2	5,390,000	10,780,000
22984	Bồn nhựa chứa NaHSO3 số 1, V=300L Plastic tank contain NaHSO3 No. 1, V = 300L	cái/ pcs	1	1,274,000	1,274,000
22985	Bồn nhựa chứa NaOCl số 1, V=3000L Plastic tank contain NaOCl No. 1, V = 3000L	cái/ pcs	1	6,174,000	6,174,000
22986	Bồn nhựa chứa NaOH, V=500L Plastic tank contain NaOH, V = 500L	cái/ pcs	1	1,666,000	1,666,000
22987	Bồn nhựa chứa NaOCl số 2, V=3000L Plastic tank contain NaOCl No. 2, V = 3000L	cái/ pcs	1	6,174,000	6,174,000
22988	Bồn nhựa chứa NaHSO3 số 2, V=500L Plastic tank contain NaHSO3 No. 2, V = 500L	cái/ pcs	1	1,666,000	1,666,000
22989	Bồn nhựa chứa H2SO4, V=500L Plastic tank contain H2SO4, V = 500L	cái/ pcs	1	1,666,000	1,666,000
22990	Bơm NaOH cho nước thải phòng thí nghiệm PR-C11, 100mL/phút, 1P, 240V, H=5 mH2O P=0.018 Kw NaOH pump for laboratory wastewater PR-C11, 100mL/minute, 1P, 240V, H=5 mH2O P=0.018 Kw	cái/ pcs	1	6,664,000	6,664,000
22991	Bơm NaOH cho nước thải phòng thí nghiệm PR-C12, PR-C05 20mL/phút, 1P, 240V, H=5 mH2O P=0.015kW NaOH pump for laboratory wastewater PR-C12, PR-C05 20mL/minute, 1P, 240V, H=5 mH2O P=0.015kW	cái/ pcs	1	6,664,000	6,664,000
22992	Bơm NaOH cho nước thải sinh hoạt PR-C12, PR-C21 20mL/phút, 1P, 240V, H=5 mH2O P=0.015kW NaOH pump for domestic wastewater PR-C12, PR-C21 20mL/minute, 1P, 240V, H=5 mH2O P=0.015kW	cái/ pcs	1	6,664,000	6,664,000
22993	Bơm NaOCl PR-C02, PR-C06 cho nước thải truyền nhiễm, 30L/phút, 3P, 380V, H=5 mH2O P=0.4 kW NaOH pump for infectious wastewater 30L/minute, 3P, 380V, H=5 mH2O P=0.4 kW	cái/ pcs	2	22,540,000	45,080,000
22994	Bơm NaOCl PR-C22, cho nước thải sinh hoạt 40 mL/phút, 1P 100-240V, H= 5mH2O, P=0.015 Kw NaOCl PR-C22 pump for domestic wastewater 40 mL/minute, 1P 100-240V, H= 5mH2O, P=0.015 Kw	cái/ pcs	1	6,664,000	6,664,000

Số Hạng mục./ Item no	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá Rate	Thành tiền Amount
				VND	VND
22995	Bơm NaHSO ₃ PR-C03, PR-C07 cho nước thải truyền nhiễm, 2.8L/phút, 3P,380V,H=5 mH ₂ O P=0.2 kW NaHSO ₃ PR-C03, PR-C07 pump for infectious wastewater, 2.8L/minute, 3P,380V,H=5 mH ₂ O P=0.2 kW	cái/ pcs	2	13,818,000	27,636,000
22996	Bơm H ₂ SO ₄ PR-C013 cho nước thải phòng thí nghiệm,100mL/phút, 1P,240V,H=5 mH ₂ O P=0.018 kW Bơm H ₂ SO ₄ PR-C013 pump for laboratory wastewater, 100mL/minute, 1P,240V,H=5 mH ₂ O P=0.018 kW	cái/ pcs	1	6,664,000	6,664,000
22997	Máy khuấy trộn hóa chất bồn chứa NaHSO ₃ , 3P, 380V, 0,37kW, tốc độ vòng quay 20 vòng/phút Chemical Mixing Tank NaHSO ₃ , 3P, 380V, 0,37kW rotation speed 20 rpm	cái/ pcs	2	10,878,000	21,756,000
22998	Máy nén khí piston 150NL/min,3P, 380V, 1,5kw Reciprocating Air Compressor 150NL/min,3P, 380V, 1,5kw	cái/ pcs	2	18,620,000	37,240,000
22999	Tháp xử lý khí thải cho hệ nước thải truyền nhiễm Kích thước: D x H = 1,0m x 1,8m Vật liệu: inox 304 bao gồm than hoạt tính hấp thụ Waste gas treatment tower for infectious wastewater system Dimension: D x H = 1,0m x 1,8m Material: stainless steel 304 including activated carbon absorption	bồn/ tank	2	101,528,000	203,056,000
23000	Bơm màng sử dụng khí nén đẩy hóa chất H ₂ SO ₄ , NaOCl, NaOH N=10L/min x 2mH Diaphragm Pumpuse compressed air to move chemicals H ₂ SO ₄ , NaOCl, NaOH N=10L/min x 2mH	cái/ pcs	6	14,896,000	89,376,000
	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ PLUMBING TECHNOLOGY SYSTEM			-	-
23001	Hệ thống đường ống PVC cho toàn bộ hệ thống Phụ kiện đầu nối ống : Co, tee, côn, mặt bích. Vật tư phụ : cùm inox cho tất cả các vật tư ngâm trong nước, keo dán PVC piping system for the entire system Pipe connection fittings: Elbow,tee, reducer, flange. Spare parts: stainless steel shackles for all supplies soaked in water, glue	hệ/ system	1	322,812,000	322,812,000
23002	Hệ thống đường ống phân phối khí Ống inox 304 dẫn khí từ máy thổi khí đến các bể sử dụng Các vật tư ngâm trong nước: pas đỡ, cùm sử dụng inox 304 Gas distribution pipeline system Stainless steel pipe 304 conducts air from air blower to used tanks Water-soaked supplies: support pas, 304 stainless steel shackles	hệ/ system	1	114,856,000	114,856,000
	HỆ THỐNG ĐIỆN POWER SYSTEM			-	-

Số hạng mục/ Item no	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá Rate	Thành tiền Amount
				VND	VND
23003	Tủ điện điều khiển - Vật tư chính trong tủ điều khiển, công tắc phao - Lắp trình và cài đặt PLC xử lý theo quy trình vận hành điều khiển tự động và chạy theo hai chế độ time Control cabinet - Main supplies in control cabinets, float switch - Programming and installing PLC processing according to the operating process automatically and running in two time modes	bộ/ set	1	366,520,000	366,520,000
23004	Cáp điện và ống cáp bảo vệ (tính từ tủ điều khiển đến tất cả các thiết bị của hệ thống) Power cable and protective cable (from control cabinet to all equipment of the system)	lô/ lot	1	93,002,000	93,002,000
23005	HÓA CHẤT VẬN HÀNH THỦ TESTING OPERATION CHEMICAL	hệ/ system	1	114,856,000	114,856,000
23006	VI SINH VÀ NUÔI CẤY VI SINH MICROBIOLOGY AND MICROBIOLOGY PLANTING	hệ/ system	1	49,196,000	49,196,000
23007	CHI PHÍ KIỂM TRA-CHẠY THỦ, HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH + BÀN GIAO CHECKING-TESTING, GUIDANCE FOR OPERATION + DELIVERY EXPENSE	lô/ lot	1	54,684,000	54,684,000
23008	CHI PHÍ NHẬN CÔNG LẮP ĐẶT + VẬN HÀNH INSTALLATION WORK + OPERATION EXPENSE	hệ/ system	1	322,812,000	322,812,000
23009	CHI PHÍ VẬN CHUYỂN + PHÂN PHỐI THIẾT BỊ DELIVERY EXPENSE + DISTRIBUTION OF EQUIPMENT	hệ/ system	1	60,172,000	60,172,000
	TỔNG CỘNG GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ VAT				3,415,594,000
	THUẾ VAT 10%				341,559,400
	TỔNG CỘNG GIÁ TRỊ SAU THUẾ VAT 10%				3,757,153,400

(Bằng chữ: Ba tỷ, bảy trăm năm mươi bảy triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm đồng /.)



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc
----- 00*00 -----

HỢP ĐỒNG

Số: 422/2020/HĐ/HAD-TL

HẠNG MỤC: THIẾT KẾ, CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ TRẠM XỬ LÝ
NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 480M3/NGĐ

DỰ ÁN: TÒA NHÀ HỖN HỢP THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VĂN PHÒNG, KHÁCH
SẠN VÀ NHÀ Ở ĐỂ BÁN KING PALACE

ĐỊA ĐIỂM: SỐ 108 ĐƯỜNG NGUYỄN TRÃI, QUẬN THANH XUÂN, TP. HÀ NỘI

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN HOA ANH ĐÀO

VÀ

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
THĂNG LONG**

Tháng 03/2020

PHẦN 1

CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 18/6/2014;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 21/11/2007;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính Phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015.
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;
- Theo thỏa thuận của Các Bên.

PHẦN 2

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 31 tháng 03 năm 2020, chúng tôi gồm các Bên dưới đây:

1. Bên giao thầu (viết tắt là Bên A):

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN BẮT ĐỘNG SẢN HOA ANH ĐÀO**
- Đại diện là : **Ông Nguyễn Tuấn Hoàng**
- Chức vụ : **Tổng giám đốc**
- Địa chỉ : **Số 108 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam**
- Điện thoại : **02435587979**
- Tài khoản : **1009797979 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, chi nhánh Ba Đình, Hà Nội**
- Mã số thuế : **0104178615**

2. Bên nhận thầu (viết tắt là Bên B):

- Tên giao dịch : **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG THĂNG LONG**
- Đại diện là : **Ông Lê Tuấn Sơn**
- Chức vụ : **Giám đốc**
- Địa chỉ : **Số 106, tổ 21, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam**
- Điện thoại : **024 3569 0362**
- Tài khoản : **04800012568888 tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, chi nhánh Cầu Giấy, Hà Nội**
- Mã số thuế : **0105007235**

Bên A và Bên B được gọi riêng là **Bên** và gọi chung là **các Bên**.

Sau khi thỏa thuận, hai Bên thống nhất ký kết hợp đồng với những điều khoản sau:

ĐIỀU 1. PHẠM VI CÔNG VIỆC

- 1.1 Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện Thiết kế, cung cấp và lắp đặt thiết bị trạm xử lý nước thải công suất 480m³/ngđ tại công trình dự án của Bên A, khối lượng, công việc chi tiết theo phụ lục 01 và bản vẽ thi công được Bên A duyệt.
- 1.2 Các công việc khác được quy định trong hợp đồng này.
- 1.3 Bất cứ công việc nào khác xét thấy cần thiết để hoàn thành công việc theo đúng bản vẽ, quy cách kỹ thuật và các điều kiện của hợp đồng thì Bên B phải thực hiện và chi phí cho công việc đó được coi đã tính trong giá trị hợp đồng và phải bằng Biên bản hiện trường thống nhất giữa hai Bên.

ĐIỀU 2. THÀNH PHẦN HỢP ĐỒNG

Các tài liệu trong hồ sơ hợp đồng và giá trị pháp lý của các tài liệu này được xếp theo thứ tự ưu tiên như sau:

- 2.1 Các tài liệu và các phụ lục bổ sung được các Bên ký kết trong quá trình thực hiện hợp đồng. Trường hợp cùng một nội dung được quy định trong nhiều phụ lục thì áp dụng phụ lục được ký kết sau.
- 2.2 Văn bản hợp đồng này.
- 2.3 Các tài liệu khác có liên quan.

ĐIỀU 3. HÌNH THỨC VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- 3.1 **Hình thức hợp đồng:** Hợp đồng trọn gói.

- 3.2 **Giá trị hợp đồng:**

- a. Giá trị Hợp đồng đã bao gồm thuế VAT 10% là: **2.052.600.000 đồng**

(Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm nghìn đồng./).

Giá trị hợp đồng không thay đổi theo bất kỳ sự trượt giá nào về vật tư hay nhân công, tỷ giá hay sự thay đổi về chính sách thuế của Nhà nước. Giá trị hợp đồng trên đã bao gồm: Thuế giá trị gia tăng (VAT); vật tư chính, vật tư phụ; thuế nhập khẩu; thủ tục hải quan; bảo hiểm; lưu kho trước và sau khi hàng về công trình; bảo quản; vận chuyển, dỡ hàng/hạ hàng tại nơi lắp đặt; dự phòng phí, trượt giá; chi phí nhân công; chi phí máy thi công; huấn luyện sử dụng tại hiện trường; bảo hành, bảo trì; chi phí trực tiếp và gián tiếp khác như đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, vận thăng, cầu tháp, công trình tạm; Giấy phép xả thải theo quy định nhà nước hiện hành ... và các chi phí khác có liên quan vào bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn có hiệu lực của hợp đồng.

Công việc chi tiết theo phụ lục kèm theo hợp đồng này.

- b. Giá trị Hợp đồng được điều chỉnh trong những trường hợp sau:

- Bên A thay đổi phương án thiết kế khác với thiết kế tại thời điểm ký Hợp đồng;

- Bên A thay đổi chủng loại, xuất xứ của Vật tư khác với Vật tư tại thời điểm ký Hợp đồng.

Trong trường hợp này, đơn giá trong Phụ lục 01 được áp dụng cho các Công việc phát sinh có tính chất tương tự. Nếu trong Phụ lục 01 không có mức giá nào áp dụng được cho công việc thay đổi/bổ sung thì Bên B sẽ đề trình mức giá và biện pháp thực hiện cho các công việc thay đổi/bổ sung này. Bên A sẽ xem xét và thống nhất với Bên B bằng việc ký kết Phụ lục Hợp đồng căn cứ trên cách tính cơ cấu đơn giá theo Phụ lục 01 và theo quy định của Pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 4. BẢO LÃNH VÀ TẠM ỨNG, THANH TOÁN

4.1 Bảo lãnh thực hiện hợp đồng:

- c. Ngay sau khi ký hợp đồng, Bên B phải cấp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng của một tổ chức tín dụng có uy tín cho Bên A để bảo đảm nghĩa vụ của Bên B trong thời gian thực hiện hợp đồng. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo mẫu của Bên A.
- d. Giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: 5% (năm phần trăm) giá trị hợp đồng sau thuế và có thời hạn trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát hành hoặc đến khi hai bên ký biên bản nghiệm thu liên động không tài tùy điều kiện nào đến trước. Bên B có trách nhiệm gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng nếu trước ngày hết hạn 07 (bảy) ngày mà Bên B vẫn chưa hoàn thành xong nghĩa vụ thực hiện hợp đồng.
- e. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của Bên B khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng.

4.2 Bảo lãnh tạm ứng: Không áp dụng

4.3 Phương thức tạm ứng, thanh toán:

- a. Thanh toán bằng chuyển khoản thông qua tài khoản của các Bên tại ngân hàng.
- b. Đồng tiền thanh toán: đồng Việt Nam.
- c. **Tạm ứng: Không áp dụng**
- d. **Thanh toán:**

Thanh toán đợt 1: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 75% giá trị các công việc sau thuế trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày vật tư/thiết bị tương ứng được chuyển về đến chân công trình, được nghiệm thu đầu vào và Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B.

Hồ sơ thanh toán bao gồm (08 bộ):

- Công văn đề nghị thanh toán: 04 bản gốc và 04 bản sao;
- Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán: 04 bản gốc và 04 bản sao;
- Biên bản nghiệm thu vật tư/thiết bị đầu vào: 04 bản gốc và 04 bản sao;
- Hóa đơn giá trị gia tăng (01 bản gốc + 07 bản sao);

- ĐKKD và văn bản về đăng ký tài khoản với Sở kế hoạch đầu tư hoặc cơ quan thuế của Bên B: 01 bản sao.
- Hồ sơ chất lượng vật tư/thiết bị:

Đối với vật tư/thiết bị gia công, sản xuất trong nước:

- Chứng nhận chất lượng xuất xưởng của nhà gia công, sản xuất (01 bản gốc/bản sao công chứng + 07 bản sao);

Đối với vật tư/thiết bị nhập khẩu:

- Vận đơn/Bill of Lading nếu có (08 bản sao);
- Phiếu chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (C/O) vật tư/thiết bị được cấp bởi phòng thương mại của nước xuất khẩu, sản xuất (01 bản sao công chứng + 07 bản sao);
- Phiếu chứng nhận chất lượng (CQ) của nhà máy sản xuất (01 bản sao công chứng + 07 bản sao);
- Danh mục đóng gói vật tư/thiết bị (packing list) mỗi thùng hoặc mỗi gói nếu có (01 bản sao công chứng + 07 bản sao);

Thanh toán đợt 2: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 90% giá trị hợp đồng (*Đã bao gồm giá trị thanh toán đợt 1 tại Điều 4.3.d hợp đồng*) trong vòng 15 (*mười lăm*) ngày làm việc kể từ ngày Bên B cấp giấy phép xả thải và hoàn thành toàn bộ việc lắp đặt và được nghiệm thu liên động không tái.

Hồ sơ thanh toán bao gồm (08 bộ):

- Công văn đề nghị thanh toán (04 bản gốc + 04 bản sao);
- Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán: 04 bản gốc và 04 bản sao;
- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành: 04 bản gốc và 04 bản sao;
- Biên bản nghiệm thu liên động không tái: 04 bản gốc và 04 bản sao;
- Giấy phép xả thải theo quy định nhà nước hiện hành (01 bản gốc + 07 bản công chứng);
- Hóa đơn giá trị gia tăng (01 bản gốc + 07 bản sao);

- c. **Quyết toán:** Trong vòng 15 (*mười lăm*) ngày làm việc kể từ ngày hạng mục được bàn giao đưa vào sử dụng và Bên A nhận được hồ sơ quyết toán hợp lệ của Bên B, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 100% (*một trăm phần trăm*) giá trị quyết toán (*Đã bao gồm các khoản tiền sau: tiền đã thanh toán, tiền phạt vi phạm hợp đồng và các khoản tiền khác mà Bên B phải thanh toán hoặc hoàn trả theo quy định của hợp đồng này nếu có*).

Hồ sơ quyết toán bao gồm (08 bộ):

- Công văn đề nghị quyết toán: 04 bản gốc và 04 bản sao;
- Bảng tính giá trị đề nghị quyết toán: 04 bản gốc và 04 bản sao;

- Biên bản bàn giao hạng mục đưa vào sử dụng: 04 bản gốc và 04 bản sao;
- Hóa đơn giá trị gia tăng (01 bản gốc + 07 bản sao);
- Thư bảo lãnh bảo hành quy định tại Điều 10 hợp đồng này (01 bản gốc + 07 bản sao);
- Bản vẽ hoàn công (04 bản gốc + 04 bản sao);
- Hồ sơ kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng và danh mục bảo trì thiết bị định kỳ nếu có (01 bản gốc + 07 bản sao);
- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Bản sao được hiểu là bản pho to có đóng dấu treo Bên B.

ĐIỀU 5. YÊU CẦU KỸ THUẬT, THỜI HẠN HOÀN THÀNH VÀ ĐỊA ĐIỂM THI CÔNG, LẮP ĐẶT

5.1 Yêu cầu kỹ thuật:

- a. Tất cả vật tư/thiết bị do Bên B cung cấp phải là sản phẩm mới 100%, sản xuất năm 2019 trở về sau, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của nhà sản xuất và có đầy đủ hồ sơ chất lượng vật tư/thiết bị kèm theo (CO, CQ, ...) đúng với các tiêu chí được thỏa thuận, mô tả tại hợp đồng và các phụ lục đính kèm.
- b. Bên B phải đệ trình bản vẽ thi công (shop drawing), các catalogue cần thiết (nếu có) và các đặc tính thông số kỹ thuật của thiết bị. ... để Bên A duyệt trước khi đặt hàng và làm cơ sở cho việc nghiệm thu giữa hai Bên.
- c. Nghiệm thu: Hạng mục chỉ được nghiệm thu và bàn giao cho Bên A khi đã lắp đặt hoàn chỉnh theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt, đúng quy định của hợp đồng, và đáp ứng đầy đủ các quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam.
- d. Yêu cầu:
 - Nguồn nước thải đầu vào: Nước thải sinh hoạt tòa nhà.
 - Tiêu chuẩn nước thải đầu ra: Đạt tiêu chuẩn B bảng 1 QCVN 14:2008 BTNMT.
 - Công suất trạm xử lý nước thải: 480 m³/ngày đêm.
 - Các quy định khác theo pháp luật.
- e. Thời gian nghiệm thu và ký hồ sơ nghiệm thu:
 - Thời gian nghiệm thu công việc/thiết bị/vật tư tại công trường: Trong vòng 02 ngày kể từ ngày Bên A nhận được thông báo yêu cầu nghiệm thu hạng mục công việc của Bên B;
 - Thời gian ký Biên bản nghiệm thu: Trong vòng 05 ngày tiếp.

Quá thời hạn được quy định ở các thời điểm nêu trên và không do lỗi của Bên B mà bên A không chuẩn bị các công tác nghiệm thu và/chưa hoàn tất việc ký duyệt Biên bản nghiệm thu cho Bên B thì các hồ sơ nghiệm thu mà Bên B đệ trình sẽ xem

như là đã được bên A ký duyệt và Bên B có quyền chuyển sang các giai đoạn tiếp theo.

5.2 Thời hạn hoàn thành:

- Thời gian Vật tư/thiết bị về công trình: 26/4/2020 đến 30/04/2020.
- Thời hạn hoàn thành thi công lắp đặt xong toàn bộ hệ thống: 25/06/2020.

Tiến độ trên sẽ được gia hạn trong các trường hợp sau:

- Bên A chậm nghiệm thu đầu vào, nghiệm thu bàn giao hệ thống theo quy định tại hợp đồng.
- Bên A thanh toán chậm quá hạn thanh toán theo quy định tại mục **Thanh toán đợt 1** điểm d khoản 4.3 Điều 4 tại Hợp đồng này và không do lỗi của Bên A.

Trường hợp tiến độ kéo dài không do lỗi của Bên B thì Bên B không phải gia hạn Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

- 5.3 Địa điểm thi công, lắp đặt: Tại công trình dự án: Tòa nhà hỗn hợp, thương mại dịch vụ, văn phòng khách sạn và nhà ở để bán King Palace số 108 đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

ĐIỀU 6. PHÁT SINH VÀ THAY ĐỔI PHẠM VI CÔNG VIỆC

- 6.1 Những thay đổi nào ngoài thiết kế được duyệt hoặc chủng loại vật tư/thiết bị thay đổi khác với hồ sơ hợp đồng thì được tính phát sinh. Đối với những công việc phát sinh có tính chất tương tự theo hợp đồng thì đơn giá được áp dụng sẽ căn cứ theo đơn giá có trong hợp đồng. Đối với các đơn giá không có trong hợp đồng thì Bên B phải trình báo giá để Bên A xem xét và phê duyệt trước khi thực hiện bằng việc ký kết phụ lục hợp đồng.
- 6.2 Các công việc phát sinh (nếu có) do yêu cầu của Bên B mà không được Bên A chấp thuận hoặc do lỗi của Bên B sẽ do Bên B chịu.

ĐIỀU 7. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

7.1 Trách nhiệm Bên A:

- a. Kiểm tra và xác nhận bản vẽ thi công (shop drawing); biện pháp thi công; bản tiến độ thi công chi tiết; biện pháp an toàn, vệ sinh môi trường do Bên B cung cấp; Thời gian kiểm tra và xác nhận bản vẽ thi công trong vòng 05 ngày kể từ khi Bên B gửi đầy đủ hồ sơ.
- b. Bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công cho Bên B (bao gồm các bộ máy trong phòng điều hành. Cung cấp điểm đấu nối nước sạch và nguồn điện 3 pha đến phòng điều hành.)
- c. Cử người kiểm tra, giám sát các loại vật tư/thiết bị nhập về công trình, các công tác lắp đặt, xác nhận khối lượng công việc Bên B đã thực hiện và giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh (nếu có);

- d. Cung cấp điểm đấu nối điện, nước cho Bên B thực hiện. Chi phí kéo rã, điện, nước phục vụ lắp đặt Bên B chịu;
- e. Thanh quyết toán hợp đồng theo đúng thời hạn và phương thức đã quy định tại Điều 4 của hợp đồng.
- f. Cung cấp Hồ sơ pháp lý theo danh mục yêu cầu của Bên B để Bên B làm thủ tục xin cấp Giấy phép xả thải theo quy định pháp luật hiện hành.
- g. Trong trường hợp hợp đồng bị chấm dứt trước thời hạn và/hoặc Bên B không thực hiện các công việc theo yêu cầu hợp đồng và/hoặc giá trị công việc đã thực hiện nhỏ hơn giá trị theo hợp đồng thì Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo giá trị hoàn thành được nghiệm thu.

7.2 Trách nhiệm Bên B:

- a. Lập bản vẽ thi công (shop drawing); biện pháp thi công; bản tiến độ thi công chi tiết; biện pháp an toàn, vệ sinh môi trường để Bên A phê duyệt sau khi ký hợp đồng và trước khi thực hiện công việc;
- b. Bên B cam kết sẽ mua các loại bảo hiểm thuộc trách nhiệm của Bên B theo quy định pháp luật hiện hành. Chi phí mua bảo hiểm sẽ do Bên B tự chi trả.
- c. Không được chuyển giao toàn bộ hoặc một phần quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng của Bên B cho Bên thứ ba, trừ trường hợp được Bên A đồng ý bằng văn bản;
- d. Bên B tuân thủ mọi nội quy, quy định tại công trường do Ban QLDA, Bên A, Chủ đầu tư ban hành và quy định Pháp luật hiện hành. Chịu mọi trách nhiệm trước Bên A, Chủ đầu tư và Pháp luật nếu để xảy ra nguy cơ và/hoặc sự cố về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, ... tại công trường. Bên A sẽ áp dụng mức phạt đối với bất kỳ sai phạm nào của Bên B căn cứ theo quy định tại công trường và quy định hợp đồng;
- e. Bên B phải có trách nhiệm hợp tác trong công việc đối với: nhân lực của Bên A; các nhà thầu khác do Bên A thuê hoặc Bên thứ ba do Bên A yêu cầu (nếu có);
- f. Đề trình mẫu, hồ sơ/tài liệu kỹ thuật, catalogue của vật tư/thiết bị để Bên A xem xét, chấp thuận trước khi thi công, lắp đặt;
- g. Cung cấp vật tư/thiết bị theo đúng quy cách, chủng loại, đặc tính kỹ thuật và chất lượng được quy định tại hợp đồng và vận chuyển đến công trường để thực hiện thi công, lắp đặt đảm bảo tiến độ như đã thỏa thuận;
- h. Đảm bảo quyền sở hữu hợp pháp đối với vật tư/thiết bị cung cấp cho công trình của Bên A không bị tranh chấp bởi Bên thứ ba.
- i. Bên B có trách nhiệm tự bảo quản an toàn và chịu mọi rủi ro cho vật tư/thiết bị và máy móc thi công trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- j. Bên B chịu chi phí kéo rã điện, nước và chi phí điện, nước phục vụ công tác thi công, lắp đặt của mình;

- k. Bên B có trách nhiệm hoàn trả lại tiền tạm ứng cho Bên A trong trường hợp Bên B đã nhận tạm ứng nhưng không thực hiện hợp đồng; Nếu Bên B không hoàn trả, Bên A có quyền yêu cầu Ngân hàng hoàn trả tiền tạm ứng từ bảo lãnh tạm ứng cho Bên A mà không cần sự đồng ý của Bên B và/hoặc Bên A sẽ áp dụng quy định tại Điều 16 hợp đồng này;
- l. Trường hợp Bên B sử dụng máy móc, thiết bị có sẵn của Bên A tại công trường (như giàn giáo, vận thăng, ...) Bên B phải:
 - Chịu trách nhiệm với từng thiết bị của Bên A trong khi người của Bên B vận hành, lái, điều khiển, quản lý hoặc kiểm soát thiết bị đó.
 - Thanh toán cho Bên A những chi phí sử dụng thiết bị theo giá do hai Bên thỏa thuận.
 - Bồi thường cho Bên A toàn bộ thiệt hại khi thiết bị của Bên A tại công trường bị mất, hư hỏng, giảm hoặc thay đổi tính năng, công dụng và tất cả các thiệt hại khác do lỗi của Bên B trong việc bảo quản, sử dụng thiết bị của Bên A.
- m. Có trách nhiệm cung cấp hóa đơn tài chính cho Bên A và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của hóa đơn chứng từ theo quy định của Nhà nước;
- n. Liên hệ với các cơ quan chức năng, các cấp chính quyền để thực hiện hợp đồng này khi cần thiết và chịu các chi phí liên quan (nếu có);
- o. Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp Luật và bồi thường các thiệt hại, tổn thất đối với Bên A, Bên B và Bên Thứ Ba trong quá trình thực hiện Hợp Đồng do mình gây ra (Người, tài sản, công trình lân cận, đường xá, ...);
- p. Bên B phải thực hiện việc bảo hành miễn phí đối với hạng mục trong thời gian bảo hành theo quy định tại Điều 10 của hợp đồng và cung cấp danh mục bảo dưỡng, bảo trì định kỳ của thiết bị cho Bên A;
- q. Đào tạo, hướng dẫn vận hành hệ thống cho Bên A, cung cấp tài liệu hướng dẫn vận hành, quy trình vận hành và hướng dẫn Bên A biết tự khắc phục các sự cố đơn giản sau khi hạng mục được bàn giao đưa vào sử dụng;
- r. Bất cứ công việc nào khác xét thấy cần thiết để hoàn thành công việc theo đúng bản vẽ thiết kế và các điều kiện của hợp đồng thì Bên B phải thực hiện và chi phí cho công việc đó được coi đã tính trong giá trị hợp đồng;
- s. Bên B có trách nhiệm đối với hạng mục cho đến khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành theo quy của hợp đồng;
- t. Sau khi hạng mục được bàn giao đưa vào sử dụng hoặc khi chấm dứt hợp đồng, Bên B phải dọn khỏi công trường tất cả các máy móc thi công, vật tư còn thừa, rác thải và các công trình tạm còn lại trên công trường;
- u. Bên B phải giữ bí mật các thông tin liên quan đến hợp đồng theo quy định Pháp Luật liên quan đến bảo mật thông tin, trừ trường hợp được Bên A chấp thuận bằng văn bản;

- v. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên B vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho Bên A thì Bên B phải sửa chữa và bồi thường các thiệt hại đó cho Bên A (nếu có);
- w. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của hợp đồng này và quy định Pháp Luật hiện hành.

ĐIỀU 8. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

Số tiền phạt vi phạm hợp đồng sẽ được đối trừ vào đợt thanh toán gần nhất của Bên B.

8.1 Phạt vi phạm tiến độ:

Trường hợp Bên B chậm tiến độ như thỏa thuận tại Điều 5.2 hợp đồng hoặc tiến độ hai Bên đã thỏa thuận khác mà không do Sự Kiện Bất Khả Khắcáng, Bên B sẽ chịu phạt 1% giá trị phần vi phạm cho mỗi ngày chậm tiến độ.

Trường hợp, Bên B chậm tiến độ từ 10 ngày trở lên so với tiến độ quy định tại hợp đồng do lỗi của Bên B, Bên A có quyền phạt Bên B với mức phạt bằng 12% (mười hai phần trăm) giá trị hợp đồng. Ngoài ra, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng hoặc cắt giảm một phần khối lượng công việc còn lại chưa thực hiện của Bên B và giao lại cho Nhà thầu khác sau khi đã thông báo cho Bên B mà không cần sự đồng ý hoặc ý kiến của Bên B. Các chi phát sinh do việc chấm dứt hợp đồng hoặc cắt giảm khối lượng công việc này do Bên B chịu.

8.2 Phạt vi phạm số lượng, chất lượng, chủng loại vật tư/thiết bị:

Nếu Bên A phát hiện vật tư/thiết bị không đạt yêu cầu về số lượng, chất lượng đã thỏa thuận, không đúng nguồn gốc, chủng loại và tiêu chuẩn kỹ thuật của nhà sản xuất đã công bố thì Bên B có nghĩa vụ khắc phục bằng việc bổ sung và/hoặc thay thế, nhưng việc khắc phục này không được làm chậm trễ đến thời hạn quy định tại Điều 5.2 hợp đồng, chi phí khắc phục do Bên B chịu. Trường hợp Bên B khắc phục sau thời hạn quy định tại Điều 5.2 hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt 8% (tám phần trăm) giá trị hợp đồng.

Trường hợp Bên B không khắc phục hoặc khắc phục không được thì Bên A có quyền: trả lại hàng, phạt Bên B với mức phạt bằng 12% (mười hai phần trăm) giá trị hợp đồng, và Bên B phải hoàn trả cho Bên A các khoản tiền Bên A đã tạm ứng, đã thanh toán cho Bên B. Ngoài ra, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng sau khi đã thông báo cho Bên B mà không cần sự đồng ý hoặc ý kiến của Bên B.

8.3 Phạt vi phạm chất lượng thi công, lắp đặt:

Trường hợp công việc thi công, lắp đặt không đạt chất lượng theo quy định của hợp đồng, Bên B có nghĩa vụ phải khắc phục sửa chữa, chi phí khắc phục do Bên B chịu. Trường hợp việc khắc phục đó quá 3 ngày thời hạn cam kết tại biên bản làm việc giữa Bên A và Bên B thì Bên B sẽ chịu phạt 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng hoặc 12% (mười hai phần trăm) giá trị hợp đồng, tùy theo giá trị nào cao hơn.

- 8.4 Nếu Bên B không gia hạn bất kỳ bảo lãnh nào theo quy định của hợp đồng hoặc yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ bị phạt 12% (mười hai phần trăm) giá trị bảo lãnh không được gia hạn đó và Bên A có quyền tạm dừng thanh toán cho đến khi Bên B hoàn thành xong nghĩa vụ này.
- 8.5 Phạt vi phạm hối lộ: Bên B đưa ra hoặc ngó ý đưa ra (trực tiếp hoặc gián tiếp) hối lộ, quà cáp hoặc các vật có giá trị từ 1.000.000 (một triệu) đồng trở lên cho người của Bên A, Chủ đầu tư, TVGS (nếu có) như phần thưởng hoặc để mua chuộc thì Bên B sẽ chịu phạt với khoản tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng hoặc bằng 100 (một trăm) lần số tiền/giá trị Bên B đã hối lộ (tùy theo giá trị nào cao hơn), khi đó Bên B phải hoàn trả cho Bên A các khoản tiền Bên A đã tạm ứng, đã thanh toán cho Bên B. Ngoài ra, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng sau khi đã thông báo cho Bên B mà không cần sự đồng ý hoặc ý kiến của Bên B.
- 8.6 Trường hợp Bên B giả mạo hồ sơ/tài liệu liên quan đến hợp đồng này của bất kỳ thành phần nào của Bên A, Bên B, TVGS và Bên Thứ Ba (nếu có); Bên B sẽ bị phạt 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng hoặc 100% (một trăm phần trăm) giá trị vi phạm (tùy theo giá trị nào cao hơn). Tùy theo mức độ hành vi vi phạm, Bên A có thể xem xét tiến hành chấm dứt hợp đồng đối với Bên B. Ngoài ra, Bên B và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi hối lộ của Bên B.
- 8.7 Phạt đơn phương chấm dứt hợp đồng: Bên B không được đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, ngoại trừ trường hợp quy định tại Điều 9 và Điều 15 hợp đồng này. Nếu Bên B vi phạm, Bên A có quyền phạt Bên B 12% (mười hai phần trăm) giá trị hợp đồng, và Bên B phải hoàn trả cho Bên A các khoản tiền Bên A đã tạm ứng, đã thanh toán cho Bên B của hợp đồng này.
- 8.8 Trường hợp Bên A thanh toán đợt 1 chậm quá hạn thanh toán 15 (mười lăm) ngày làm việc theo quy định tại Điều 4 hợp đồng, Bên A phải trả lãi đối với số tiền chậm thanh toán theo lãi suất cơ bản do ngân hàng của Bên A công bố tại thời điểm thanh toán.
- Trong mọi trường hợp tổng giá trị các khoản phạt vi phạm không vượt quá 12% giá trị hợp đồng.

ĐIỀU 9. TẠM NGỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

9.1 Tạm ngưng thực hiện hợp đồng:

- a. Các trường hợp tạm ngưng thực hiện hợp đồng:
 - Bên B không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn lao động và tiến độ thực hiện công việc theo hợp đồng;
 - Các trường hợp bất khả kháng;
 - Các trường hợp khác do hai Bên thỏa thuận.
- b. Một Bên có quyền quyết định tạm ngưng thực hiện hợp đồng nhưng phải báo cho Bên kia biết bằng văn bản trước 03 (ba) ngày, trong đó nêu rõ lý do tạm ngưng thực

hiện hợp đồng. Hai Bên phải cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng; Trường hợp một Bên tạm ngưng thực hiện hợp đồng mà không thông báo, gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại cho Bên bị thiệt hại.

- c. Thời gian tạm ngưng thực hiện hợp đồng và mức bồi thường thiệt hại do tạm ngưng thực hiện hợp đồng sẽ được hai Bên thỏa thuận.

9.2 Chấm dứt hợp đồng:

- a. Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng nếu:

- Các trường hợp Bên A được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều 8 của Hợp đồng này;
- Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự đồng ý của Bên A;
- Bên B lâm vào tình trạng phá sản, bị tuyên bố phá sản, phải kinh doanh dưới sự giám sát hoặc bất kỳ trường hợp nào tương tự như vậy đe dọa nghiêm trọng đến khả năng thanh toán và thực hiện hợp đồng này.

Nếu thuộc một trong những trường hợp này, trước khi chấm dứt hợp đồng, Bên A phải thông báo bằng văn bản cho Bên B trước 07 (bảy) ngày về việc chấm dứt hợp đồng.

Việc Bên A chấm dứt hợp đồng theo các trường hợp trên sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Bên A theo hợp đồng.

- b. Bên B có quyền chấm dứt hợp đồng nếu:

- Bên A chậm thanh toán quá hạn thanh toán 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này;
- Bên A lâm vào tình trạng phá sản, bị tuyên bố phá sản, phải kinh doanh dưới sự giám sát hoặc bất kỳ trường hợp nào tương tự như vậy đe dọa nghiêm trọng đến khả năng thanh toán và thực hiện hợp đồng này;

Nếu thuộc một trong những trường hợp này, trước khi chấm dứt hợp đồng, Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A trước 25 (hai mươi lăm) ngày về việc chấm dứt hợp đồng. Nếu Bên B chấm dứt hợp đồng không thông báo theo quy định, gây thiệt hại cho Bên A thì phải bồi thường thiệt hại cho Bên A.

- c. Hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng:

- Sớm nhất có thể sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng và không muộn hơn 35 (ba mươi lăm) ngày sau khi thông báo, Bên A và Bên B sẽ thảo luận và xác định giá trị hợp đồng tại thời điểm chấm dứt hợp đồng và tiến hành hoàn tất thủ tục thanh toán trước khi thanh lý hợp đồng.
- Kết quả của việc hợp đồng bị chấm dứt là tất cả các công việc hoàn thành tại thời điểm chấm dứt hợp đồng sẽ thuộc quyền sở hữu của Bên A nếu Bên A thanh toán 100% giá trị công việc đó. Nếu Bên A chưa thanh toán đủ 100% giá trị công việc hoàn thành thì phần giá trị chưa thanh toán đó thuộc quyền sở hữu của Bên B.

- Bên A phải thanh toán 100% giá trị công việc hoàn thành đã được nghiệm thu bằng văn bản cho Bên B và Bên B phải đảm bảo điều kiện bảo hành theo quy định tại hợp đồng này.

ĐIỀU 10. BẢO HÀNH

- 10.1 Bên B chịu trách nhiệm bảo hành miễn phí toàn bộ hạng mục theo tiêu chuẩn bảo hành của nhà sản xuất và của Bên B tại công trình của Bên A.
- 10.2 Bảo hành hạng mục bao gồm bảo hành vật tư/thiết bị và bảo hành công tác thi công, lắp đặt trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày hạng mục được bàn giao đưa vào sử dụng. Đối với những vật tư/thiết bị có thời hạn bảo hành dài hơn 24 tháng theo quy định của nhà sản xuất, thì thời hạn bảo hành của vật tư/thiết bị đó sẽ được áp dụng theo thời hạn bảo hành do nhà sản xuất quy định.
- 10.3 Bên B có trách nhiệm bảo hành với giá trị bằng 5% giá trị quyết toán hợp đồng bằng thư bảo lãnh bảo hành một tổ chức tín dụng có uy tín được Bên A chấp nhận và có hiệu lực trong vòng 24 tháng kể từ ngày hạng mục bàn giao đưa vào sử dụng. Bảo lãnh bảo hành theo mẫu của Bên A.
- 10.4 Thông tin thông báo bảo hành:
 - Điện thoại: 0989910083
 - Email: cet.thanglong@gmail.com
- 10.5 Trong trường hợp có sự cố kỹ thuật liên quan đến vật tư/thiết bị hoặc lỗi thi công của Bên B, Bên B phải cử cán bộ kỹ thuật đến tại công trình của Bên A có mặt kịp thời trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ sau khi nhận được thông báo từ Bên A. Bên B phải có trách nhiệm khắc phục, sửa chữa, thay thế vật tư/thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết, có chất lượng không đảm bảo hoặc khi hạng mục công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi của Bên B gây ra bằng chi phí của Bên B trong một thời gian hợp lý do hai Bên thỏa thuận. Trong trường hợp thời gian khắc phục, sửa chữa vật tư/thiết bị kéo dài quá 05 (năm) ngày liên tục, Bên B có trách nhiệm cho Bên A mượn miễn phí vật tư/thiết bị thay thế để đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh của Bên A.
- 10.6 Trường hợp, Bên B không thể khắc phục, sửa chữa hoặc không thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên A có quyền thuê đơn vị khác thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho đơn vị này do Bên B chịu và Bên A sẽ khấu trừ trực tiếp vào số tiền bảo hành của Bên B, nếu chi phí này vượt quá số tiền giữ lại bảo hành của Bên B thì Bên B phải thanh toán phần còn lại trong vòng 05 (năm) ngày sau khi nhận được thông báo của Bên A về các khoản thanh toán này, nếu hết hạn thanh toán mà Bên B vẫn không thanh toán các khoản chi phí này thì Bên A sẽ thực hiện theo Điều 17 hợp đồng để yêu cầu Bên B phải thanh toán.
- 10.7 Trong trường hợp Bên A không thể thông báo cho Bên B về sự cố kỹ thuật của hạng mục do thông tin thông báo bảo hành quy định trong hợp đồng này thay đổi hoặc ngừng hoạt động mà Bên B không thông báo trước cho Bên A thì cũng được xem là Bên B không thực hiện nghĩa vụ bảo hành.

- 10.8 Trước khi kết thúc thời hạn bảo hành 01 (một) tháng, hai Bên sẽ tiến hành thương thảo hợp đồng bảo trì và giá trị bảo trì sẽ căn cứ vào đơn giá đã được các bên thống nhất quy định tại hợp đồng này (nếu có).

ĐIỀU 11. GIÁM ĐỊNH

- 11.1 Bên A bằng chi phí của mình có quyền thuê cơ quan có thẩm quyền giám định chất lượng vật tư/thiết bị và/hoặc chất lượng thi công, kết quả giám định của cơ quan chức năng là cơ sở để Bên A khiếu nại với Bên B về chất lượng và có giá trị pháp lý cuối cùng buộc các Bên phải thực hiện.
- 11.2 Trong trường hợp thử nghiệm, chất lượng không đạt theo các tiêu chuẩn cam kết/quy định của hợp đồng thì Bên B phải thu hồi toàn bộ lô hàng không đạt đó và/hoặc khắc phục sửa chữa công việc thi công, chịu chi phí giám định và đền bù mọi thiệt hại do Bên B gây ra và cung cấp lô hàng mới đúng theo tiêu chuẩn thỏa thuận của hợp đồng chậm nhất là 48 giờ sau khi Bên A thông báo chính thức bằng email/văn bản/fax cho Bên B hoặc trong một thời gian hợp lý do hai Bên thỏa thuận. Trong trường hợp này Bên B phải chịu toàn bộ chi phí liên quan (vận chuyển hàng đi, về, ...) và giá bán không thay đổi, đồng thời Bên B chịu phạt vi phạm theo quy định tại Điều 8 hợp đồng này.

ĐIỀU 12. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- 12.1 Bồi thường thiệt hại trong thời hạn bảo hành: Trong thời hạn bảo hành, ngoài việc thực hiện các biện pháp bảo hành, Bên B phải bồi thường thiệt hại do khuyết tật về kỹ thuật của vật tư/thiết bị và thi công gây ra cho Bên A, Bên B và Bên thứ ba (nếu có).
- 12.2 Bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu Bên B vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho Bên A thì ngoài việc phải chịu các hình thức xử lý vi phạm theo quy định hợp đồng mà còn phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do việc vi phạm này gây ra nếu có.

ĐIỀU 13. CHUYỂN GIAO TÀI LIỆU KỸ THUẬT VÀ HUẤN LUYỆN ĐÀO TẠO

- 13.1 Bên B có trách nhiệm cung cấp tài liệu hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng thiết bị cho Bên A trong quá trình vận hành thử và bàn giao sử dụng hệ thống.
- 13.2 Trong quá trình vận hành thử, các kỹ thuật viên của Bên B sẽ thực hiện huấn luyện đào tạo, hướng dẫn sử dụng cho nhân viên của Bên A về cách vận hành, bảo dưỡng, bảo trì thiết bị, đảm bảo các nhân viên của Bên A có thể vận hành hệ thống thành thạo và có khả năng tự sửa chữa những hỏng hóc nhẹ và bảo dưỡng thiết bị khi cần thiết. Bên A chỉ ký Biên bản nghiệm thu bàn giao hệ thống khi Bên B đã hoàn tất công tác đào tạo theo quy định này cho các nhân viên được chỉ định của Bên A.
- 13.3 Bên A có trách nhiệm chuyển cho Bên B danh sách nhân viên của Bên A sẽ được đào tạo ngay khi Bên B bắt đầu tiến hành thi công, lắp đặt.

ĐIỀU 14. THANH LÝ HỢP ĐỒNG

- 14.1 Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:

a) Các Bên đã hoàn thành mọi quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo hợp đồng này.

- b) Hợp đồng bị chấm dứt theo Điều 9.2 hợp đồng này.
 - c) Theo thỏa thuận giữa các Bên.
- 14.2 Việc thanh lý hợp đồng phải được lập thành văn bản có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của hai Bên và phải được thực hiện trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày đủ điều kiện thanh lý.

ĐIỀU 15. BẤT KHẢ KHÁNG

- 15.1 Trong hợp đồng này, sự kiện bất khả kháng được hiểu là những sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và nằm ngoài tầm kiểm soát của hai Bên mặc dù hai Bên đã cố gắng hết sức để ngăn cản, hạn chế và sự kiện này là nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng tới việc thực hiện hợp đồng.
- 15.2 Các trường hợp bất khả kháng bao gồm:
- Bên B không thể giao hàng đúng số lượng, chất lượng, chủng loại do không còn loại vật tư/thiết bị đó vì thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, bạo động, phá hủy mà không do lỗi và hành động cố ý của Bên B.
 - Bên B không được phép kinh doanh loại vật tư/thiết bị đó theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 15.3 Các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật bao gồm chiến tranh, phong tỏa hoặc cấm vận, chiếm đóng, nội chiến, nổi loạn, phá hoại hay rối loạn xã hội hoặc bất kỳ việc công bố, ban hành, thay đổi văn bản pháp luật, chính sách của nhà nước.
- 15.4 Khi một trong hai Bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng này thì phải có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời phải cùng với Bên kia chủ động để thực hiện đúng các nghĩa vụ trong hợp đồng và hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại có thể xảy ra. Bên gặp phải trường hợp bất khả kháng trong trường hợp này không bị coi là vi phạm nghĩa vụ hợp đồng đã thỏa thuận. Tuy nhiên, nếu Bên gặp phải trường hợp bất khả kháng không nỗ lực đến mức tối đa để thực hiện hợp đồng và khắc phục hoặc hạn chế thiệt hại xảy ra thì vẫn bị coi là vi phạm hợp đồng.
- 15.5 Sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, các Bên có thể thỏa thuận về tạm ngưng thực hiện hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng.

ĐIỀU 16. SỬA ĐỔI

- 16.1 Bất kỳ sự sửa đổi hoặc bổ sung nào đối với hợp đồng này đều phải được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng và phải được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký và đóng dấu.
- 16.2 Bất kỳ sự sửa đổi hoặc bổ sung bằng phụ lục hợp đồng nêu trên đều là sự thỏa thuận có tính pháp lý ràng buộc đối với hai Bên.

ĐIỀU 17. TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 17.1 Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã ký trong hợp đồng. Không bên nào được tự ý sửa đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có xảy ra bất kỳ sự tranh chấp nào thì hai bên cùng tiến hành bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác cùng có lợi.
- 17.2 Trường hợp tranh chấp có liên quan đến hay phát sinh từ hợp đồng mà không thể giải quyết được bằng thương lượng, hai Bên thống nhất chuyển vụ việc cho Tòa án có thẩm quyền tại Hà Nội – Việt Nam để giải quyết. Bản án và quyết định của Tòa án có giá trị bắt buộc các bên phải tuân theo. Bên thua kiện phải chịu mọi chi phí và lệ phí tòa án.
- 17.3 Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

ĐIỀU 18. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 18.1 Hai Bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong hợp đồng này. Các nội dung không quy định cụ thể trong hợp đồng này sẽ được các Bên thực hiện theo quy định của Pháp Luật hiện hành.
- 18.2 Mọi sửa đổi, bổ sung các nội dung của hợp đồng phải được hai Bên thỏa thuận bằng việc ký kết phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng là một phần không tách rời của hợp đồng.
- 18.3 Ngày làm việc được hiểu là ngày dương lịch, trừ ngày thứ bảy và ngày chủ nhật.
- 18.4 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến ngày thanh lý.
- 18.5 Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản bằng tiếng Việt và có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 (bốn) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

BÊN A
CÔNG TY CP BẤT ĐỘNG SẢN
HOA ANH ĐÀO



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tuấn Hoàng

BÊN B
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & CÔNG
NGHỆ MÔI TRƯỜNG THĂNG LONG



GIÁM ĐỐC
ThS. Lê Tuấn Sơn

PHỤ LỤC 01: BẢNG GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Kèm theo Hợp đồng: 422/2020/HĐ/HAD-TL

STT	NỘI DUNG	QUY CÁCH VẬT TƯ	XUẤT XỨ	DVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
A	CHI PHÍ THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ						
1	Bể điều hòa						
1.1	Bộ chấn rúc gom nước rửa	- Kích thước: 1000x600x600mm - Khung inox 304 V30x30x3mm - Lưới inox 304 Ø10 dày 1,5mm - Giá công theo bản vẽ thiết kế	Việt Nam	Bộ	1	12.000.000	12.000.000
1.2	Bộ chấn rúc bể tách mỡ	- Kích thước: 600x500x500 - Khung inox 304 V30x30x3mm - Lưới inox 304 Ø10 dày 1,5mm - Giá công theo bản vẽ thiết kế	Việt Nam	Bộ	1	8.000.000	8.000.000
1.3	Hệ thống phân phối khí thô	Đĩa phân phối khí thô: Model: CBD 105 Thông số kỹ thuật: - Đường kính đĩa: 105mm - Nồi ren ngoài: 3/4" - Lưu lượng thiết kế: 2-25m ³ /h - Màng cao cấp Silicone - Vật liệu: Khung nhựa PP gia cường sợi thủy tinh	JAGER - Đức	Cái	24	250.000	6.000.000
1.4	Bơm điều hòa	- Loại bơm chìm + Model: 80U/22.2 + Lưu lượng Q=30 m ³ /h + Cột áp H=10m + 2,2kw/380v/50Hz/3phase, + Đường kính: DN80	TSURUMI - Nhật Bản	Cái	2	19.500.000	39.000.000
1.5	Bộ khớp nối nhanh cho bơm chìm	- Model: TOS3-65-80 + Gang: Chấn đế, ngâm trên, ngâm dưới + Inox SUS 304: bulong - long đũa, ma - nê, dây xích, thanh dẫn hướng	Việt Nam	Bộ	2	6.000.000	12.000.000
1.6	Thiết bị đo mức	Kiểu: Phao quả Cấp báo vệ IP68 Cấp dài 5m	MAC 3 - Italia	Cái	2	950.000	1.900.000
1.7	Van bướm tay gạt DN80	+ Model: KVS-300 + Vật liệu: gang + Áp lực: PN16	KVS-Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	3	1.850.000	5.550.000
1.8	Van 1 chiều lá lật DN80	+ Model: KVS-103 + Vật liệu: gang + Áp lực: PN16	KVS-Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	2	5.350.000	10.700.000
2	Bể thổi khí						
2.1	Máy khuấy chìm bể thiếu khí	- Model: MR21NF750 - Q = 3,6m ³ /min, P=0,75kw - Số vòng quay: 1410v/min - Đường kính cánh: 190mm	TSURUMI - Nhật Bản	Cái	2	42.500.000	85.000.000
2.2	Hệ giá đỡ máy khuấy	Giá đỡ máy khuấy và thanh dẫn hướng, inox sus304, dày 3mm	Việt Nam	Bộ	2	7.000.000	14.000.000
3	Bể hiếu khí						
3.1	Máy thổi khí bể hiếu khí và bể điều hòa	- Model: HC-100S - Q = 5,11m ³ /min, H= 5m, P=7,5kw - Tốc độ quay: 420rpm	TOHIN - Nhật Bản	Cái	3	80.000.000	240.000.000
3.2	Vỏ cách âm máy thổi khí	- Vật liệu vó: Thép CT3/SS400, dày 2mm - Vật liệu cách âm dày 5cm - Kích thước: 1900x1000x1200mm	Việt Nam	Cái	3	35.000.000	105.000.000
3.3	Hệ ống phân phối khí tinh	Đĩa phân phối khí tinh: Model: HD 270 Thông số kỹ thuật: - Kiểu: Đường kính đĩa: 268mm - Nồi ren ngoài: 3/4" - Lưu lượng: 1,5-10m ³ /h - Vật liệu màng EPDM P053	JAGER - Đức	Cái	33	350.000	11.550.000

STT	NỘI DUNG	QUY CÁCH VẬT TƯ	XUẤT XỨ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
3.4	Bơm hồi nước thải + bùn	Loại bơm chìm Model: 50U21.5 Lưu lượng Q = 16 m ³ /h Cột áp H = 7m 1.5kw/380v/50Hz/3phase Đường kính: DN50	TSURUMI - Nhật Bản	Cái	2	14.500.000	29.000.000
3.5	Bộ khớp nối nhanh cho bơm chìm	- Model: TOS5-50 + Gang: Chân đế, ngâm trên, ngâm dưới + Inox SUS 304: bulong - long đũa, mã - nơ, dây xích, thanh dẫn hướng	Việt Nam	Bộ	2	4.500.000	9.000.000
3.6	Van 1 chiều lá lật DN50	+ Model: KVS-103 + Vật liệu: gang + Áp lực: PN16	KVS-Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	2	2.800.000	5.600.000
3.7	Van bướm tay gạt DN80	Đảm ra máy thổi khí + Model: KVS-300 + Vật liệu: gang + Áp lực: PN16	KVS-Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	3	1.850.000	5.550.000
3.8	Van bướm tay gạt DN100	Điều chỉnh lưu lượng khí + Model: KVS-300 + Vật liệu: gang + Áp lực: PN16	KVS-Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	2	2.150.000	4.300.000
3.9	Đệm vi sinh	Giả thể Mutag Biochip 30 TM - Vật liệu: PE nguyên chất, màu trắng - Dày: 1.1mm - Đường kính: 30mm - Trọng lượng: 165kg/m ³ - Tỷ trọng: 0.95 - 0.98kg/l - Diện tích tiếp xúc bề mặt: 5500 m ² /m ³	Mutag - Đức	m ³	3,3	84.000.000	277.200.000
3.10	Ống thu nước bể MBBR	Kích thước mắt lưới 10mm Kích thước DxDH=160x800 (mm) Vật liệu inox 304 dày 1mm	Việt Nam	Cái	3	5.000.000	15.000.000
3.11	Hệ lưới chắn giả thể	Chắn giả thể cho bơm tuần hoàn và lỗ thông hơi Lưới inox 304 φ1a10-15mm Chỉ tiết theo bản vẽ thiết kế	Việt Nam	Hệ	1	5.000.000	5.000.000
3.12	Máy đo và kiểm soát DO	Model: HI8410 - Bao gồm: máy, đầu dò, dụng dịch hiệu chỉnh, rửa điện cực - Nhãn hiệu: Hanna/EURO Tủ bảo vệ máy DO bằng thép sơn tĩnh điện	Hanna/EU	bộ	1	28.000.000	28.000.000
3.13	Biển tần điều khiển lưu lượng máy thổi khí	Biển tần điều khiển 3 máy thổi khí theo tín hiệu từ máy DO Model: ATV310HU75N4E Công suất: P=7,5 Kw	Schneider - Trung Quốc	Cái	3	13.300.000	39.900.000
4	Bể lắng						
4.1	Ống lắng trung tâm	- Kích thước: D700xH3000 - Vật liệu Inox SUS304, dày 2mm	Việt Nam	Cái	1	35.000.000	35.000.000
4.2	Bơm hồi nước thải + bùn	Loại bơm chìm Model: 50U21.5 Lưu lượng Q = 16 m ³ /h Cột áp H = 12m 1.5kw/380v/50Hz/3phase Đường kính: DN50	TSURUMI - Nhật Bản	Cái	4	14.500.000	58.000.000
4.3	Bộ khớp nối nhanh cho bơm chìm	- Model: TOS5-50 + Gang: Chân đế, ngâm trên, ngâm dưới + Inox SUS 304: bulong - long đũa, mã - nơ, dây xích, thanh dẫn hướng	Việt Nam	Bộ	4	5.000.000	20.000.000
4.4	Van bướm tay gạt DN50	+ Model: KVS-300 + Vật liệu: gang + Áp lực: PN16	KVS-Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	1	1.250.000	1.250.000
4.5	Van 1 chiều lá lật DN50	+ Model: KVS-103 + Vật liệu: gang + Áp lực: PN16	KVS-Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	4	2.800.000	11.200.000
4.6	Bơm định lượng trợ lắng	Model: M155PPSV Công suất Q=0-155 lít/giờ Cột áp H = 10 Bar 0.25kw/3phase/380v/50Hz	OBL - ITALY	Cái	2	14.500.000	29.000.000
4.7	Bồn hóa chất trợ lắng	Bồn nhựa PE, dung tích 1000 lít	Tân Á - Việt Nam	Cái	1	2.050.000	2.050.000

STT	NỘI DUNG	QUY CÁCH VẬT TƯ	XUẤT XỨ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
4.8	Máy khuấy hóa chất trợ lắng	Loại: Động cơ giảm tốc Model: MU50 Công suất: 0.55 kw Điện áp: 380V Tỷ số truyền: i = 25, n1=1400v/p, n2=56v/p Trục cánh khuấy: Inox sus304 - Việt Nam	SITI - ITALY	Cái	1	14.000.000	14.000.000
4.9	Máng thu nước trong	- Vật liệu: inox 304, dày 2mm - Kích thước máng: DxRxB=4250x200x200mm - Kích thước tấm chắn bọt: RxB=300x1600mm - Hệ giá đỡ máng: inox 304	Việt Nam	Cái	1	25.000.000	25.000.000
5	Bể khử trùng						
5.1	Bơm định lượng khử trùng	Model: M155PPSV Công suất Q=0-155 lít/giờ Cột áp H= 10 Bar 0.25kw/3phase/380v/50Hz	OBL - ITALY	Cái	2	14.500.000	29.000.000
5.2	Bồn hóa chất khử trùng	Bồn nhựa PE, dung tích 1000 lít	Tân Á - Việt Nam	Cái	1	2.050.000	2.050.000
5.3	Máy khuấy hóa chất khử trùng	Loại: Động cơ giảm tốc Model: MU50 Công suất: 0.55 kw Điện áp: 380V Tỷ số truyền: i = 25, n1=1400v/p, n2=56v/p Trục cánh khuấy: Inox sus304 - Việt Nam	SITI - ITALY	Cái	1	14.000.000	14.000.000
5.4	Bơm thoát nước sau xử lý	- Loại bơm chìm + Model: 80U22.2 + Lưu lượng Q= 39 m3/h + Cột áp H= 9 m + 2.2kw/380v/50Hz/3phase, + Đường kính: DN80	TSURUMI - Nhật Bản	Cái	2	19.500.000	39.000.000
5.5	Bộ khớp nối nhanh cho bơm chìm	- Model: TOS3-65-80 + Gang: Chấn dẽ, ngâm trên, ngâm dưới + Inox SUS 304; bulong - long dẽ, mạ - ni, dây xích, thanh dẫn hướng	Việt Nam	Bộ	2	6.000.000	12.000.000
5.6	Van 1 chiều là lật DN80	+ Model: KVS-103 + Vật liệu: gang + Áp lực: PN16	KVS-Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	2	5.350.000	10.700.000
5.7	Thiết bị đo mức	Kiểu: Phao quá Cấp bảo vệ IP68 Cáp dài 5m	MAC 3 - Italia	Cái	2	950.000	1.900.000
5.8	Đồng hồ đo lưu lượng DN80	Đồng hồ đo lưu lượng DN80 Model: LXXG-80 Lưu lượng: 40m3/h Thân: Gang Kết nối: mặt bích Áp lực làm việc: 0,3-16 bar Nhiệt độ làm việc: 0-40 độ C Bao gồm: Giấy kiểm định	Flowtech - Malaysia	Cái	1	12.200.000	12.200.000
6	Hệ thống xử lý mùi bằng than hoạt tính						
6.1	Hệ thống đường ống thu gom mùi và khí thải	Ống PVC DN160-PN5 và phụ kiện kèm theo	Tiền Phong-Việt Nam	Gói	1	30.000.000	30.000.000
		Ống uPVC D160-PN5		m	44		
		Cút uPVC D160		cái	13		
		Tê uPVC D160		cái	1		
		Bích uPVC D160		cái	4		
		Hệ giá đỡ, ty treo		bộ	1		
6.2	Quạt hút mùi	Model: SEAT 25 Điện áp 380V Công suất 2.2kW, Động cơ IE2, số vòng quay 2900 vòng/phút, 6 cực, Lưu lượng 800m3/h; 1400Pa Bao gồm phụ kiện lắp đặt	LTI - Singapore	Cái	1	34.500.000	34.500.000
6.3	Tháp khử mùi	Kích thước: DxB=1200x2500 mm; Vật liệu: Inox 304 dày 3mm Bao gồm: hóa chất sử dụng trong 3 tháng đầu	Việt Nam	Bộ	1	40.000.000	40.000.000
6.4	Bơm hút hóa chất tháp khử mùi	- Model: JESM 5 - Lưu lượng: 5-45 l/phút - Công suất: 0.37kW/0.5HP, điện áp 220V - Vỏ và cánh bơm bằng inox 304	Ebara - Italy	Cái	1	10.000.000	10.000.000

STT	NỘI DUNG	QUY CÁCH VẬT TƯ	XUẤT XỨ	DVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
6.5	Béc phun hóa chất	- Model: HH5J - Vật liệu: Inox 316 - Kích thước: 1/4" - Góc phun 90°	Spray/Trung Quốc	Cái	5	3.800.000	19.000.000
B	Vật tư phụ			Gói	1	15.000.000	15.000.000
C	Đường ống nội hệ trạm xử lý						
1	Ống Inox Ss304 đường kính trên cạn	Ống chính DN80/DN100/DN125, dày 3mm	Ống Tiến Đạt, Phụ kiện VN	Hệ	1	61.900.000	61.900.000
2	Ống u.PVC	Lắp đặt trong hệ thống	Tiến Phong - Việt Nam/td	Hệ	1	55.000.000	55.000.000
D	Phần tử điện và vật tư điện						
1	Tủ điện trạm xử lý nước thải	Tủ điện tự động hóa PLC: Siemen S7-1200 Thiết bị đóng cắt: Mitsubishi Rơ le: Idec Nút bấm, đèn: Idec Vỏ tủ thép Zam dày 1,5mm, sơn tĩnh điện Không gian dự phòng 20% Có kết nối BMS Modbus RTU		Gói	1	145.000.000	145.000.000
2	Hệ thống cáp, thang máng cáp điện	Hệ thống máng cáp nội tuyến trong trạm. Cáp điện Cu/PVC/PVC - Codivi Máng sơn tĩnh điện, dày 2mm	Việt Nam	Gói	1	30.000.000	30.000.000
E	Vận chuyển		Việt Nam	Gói	1	20.000.000	20.000.000
F	Vận hành và chuyển giao công nghệ	Hòa chất vận hành trong 1 tháng đầu tiên, nuôi cấy vi sinh, huấn luyện vận hành Phân tích mẫu nước 2 lần	Việt Nam	Gói	1	35.000.000	35.000.000
G	Chi phí cấp phép và thái		Việt Nam	Gói	1	85.000.000	85.000.000
H	Thẩm tra hồ sơ thiết kế		Việt Nam	Gói	bao gồm		
TỔNG TRƯỚC THUẾ							1.866.000.000
THUẾ VAT 10%							186.600.000
TỔNG SAU THUẾ							2.052.600.000

Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm nghìn đồng

BÊN A
CÔNG TY CP BẤT ĐỘNG SẢN HOA ANH ĐÀO



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tuấn Hoàng

BÊN B
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
THĂNG LONG



GIÁM ĐỐC
ThS. Lê Tuấn Sơn